

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN KIM CHI

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI
XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN KIM CHI

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI
XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số : 62 38 01 04

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí
TS. Trịnh Tiến Việt

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Nguyễn Kim Chi

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
<i>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</i>	9
1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước	9
1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước	24
1.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	28
<i>Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</i>	31
2.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc quy định về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong luật hình sự Việt Nam	31
2.2. Cơ sở của trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	45
2.3. Những hình thức của trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	57
2.4. Quy định của Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	67
<i>Chương 3: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</i>	78
3.1. Pháp luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	78
3.2. Thực tiễn áp dụng quy định về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	88
3.3. Những tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản	109

Chương 4: YÊU CẦU, NỘI DUNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP TIẾP TỤC	122
HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	
4.1. Yêu cầu tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	122
4.2. Nội dung tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	125
4.3. Những giải pháp bảo đảm áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	136
KẾT LUẬN	148
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152
PHỤ LỤC	163

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
PLHS	: Pháp luật hình sự
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
TTQLHC	: Trật tự quản lý hành chính
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Cơ cấu hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong cơ cấu hình phạt đối với các tội phạm được quy định trong BLHS năm 1985	58
2.2	Cơ cấu hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong cơ cấu hình phạt đối với các tội phạm được quy định trong BLHS năm 1999	58
3.1	Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự về các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	89
3.2	Tỷ lệ tổng số vụ và tổng số bị cáo đã đưa ra xét xử trên tổng số vụ và tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	91
3.3	Thống kê vụ án và số bị cáo được xét xử sơ thẩm về các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	93
3.4	Phân tích việc áp dụng hình phạt và án treo đối với các bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	99
3.5	Hình phạt cảnh cáo áp dụng đối với các bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	100
3.6	Hình phạt tiền áp dụng đối với các bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	101
3.7	Hình phạt cải tạo không giam giữ áp dụng đối với các bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	102
3.8	Hình phạt tù có thời hạn và án treo được áp dụng đối với bị cáo phạm các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	104
3.9	Việc áp dụng các biện pháp tư pháp đối với bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC từ 200 bản án trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	106
3.10	Miễn miễn TNHS, miễn hình phạt được áp dụng đối với bị cáo phạm các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	108

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Số hiệu biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
3.1	Số vụ và số bị cáo bị xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	91
3.2	Cơ cấu các tội xâm phạm TTQLHC trong các tội phạm nói chung đã được Tòa án xét xử sơ thẩm giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	93
3.3	So sánh tổng số vụ về tội chống người thi hành công vụ so với số vụ về các tội xâm phạm TTQLHC khác trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	97
3.4	Số vụ và số bị cáo nói chung đã được xét xử sơ thẩm ở Việt Nam trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	97
3.5	Số vụ và số bị cáo về các tội xâm phạm TTQLHC đã được xét xử sơ thẩm trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)	98

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quản lý hành chính là chức năng cơ bản và là bộ phận quan trọng nhất của hoạt động quản lý xã hội. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã nhấn mạnh phải xây dựng "một nền hành chính trong sạch... từng bước hiện đại hóa để quản lý có hiệu lực và hiệu quả công việc của Nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, đúng hướng, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội" [18, tr. 29]. Như vậy, so với các lĩnh vực khác trong xã hội thì quản lý hành chính là lĩnh vực rộng lớn và phức tạp nhất của quản lý nhà nước đối với xã hội. Các quy phạm về trật tự quản lý hành chính (TTQLHC) cũng rất đa dạng, có quy định do Chính phủ ban hành, có quy định do các Bộ ban hành; cũng có quy định do chính quyền địa phương ban hành... Do đó, để đánh giá trình độ phát triển của một nền hành chính, sự ổn định của trật tự hành chính cần dựa vào các tiêu chí sau: sự năng động và phù hợp của tổ chức bộ máy nhà nước trong hoạt động quản lý xã hội... sự công bằng trong xã hội và sự phát triển của nền kinh tế [59, tr. 21]. Trên cơ sở này, ở các mức độ khác nhau, để bảo đảm sự ổn định, TTQLHC, Nhà nước đã quy định xử lý các hành vi xâm phạm đến TTQLHC và trách nhiệm của các chủ thể thực hiện từ trách nhiệm hành chính đến trách nhiệm hình sự (TNHS). Trong đó, TNHS đối với những người phạm các tội xâm phạm TTQLHC là trách nhiệm pháp lý cao nhất và nghiêm khắc nhất được pháp luật hình sự (PLHS) quy định để xử lý nhằm bảo đảm cho mọi hành vi xâm phạm TTQLHC phải được phát hiện nhanh chóng, kịp thời, xử lý công minh và đúng pháp luật.

Vì vậy, việc lựa chọn đề tài "***Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính***" để nghiên cứu ở cấp độ luận án tiến sĩ luật học là cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn như sau:

Thứ nhất, ý nghĩa về mặt chính trị, pháp lý, thực tiễn và xã hội.

Hiện nay, quy định của Bộ luật hình sự (BLHS) Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC đã đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn xét xử, góp phần có hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm xử lý

TNHS đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, tạo niềm tin vào công lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa (XHCH) cho quần chúng nhân dân. Mặc dù vậy, công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm này vẫn còn một số hạn chế. Diễn biến tình hình các tội phạm xâm phạm TTQLHC vẫn phức tạp và có xu hướng tăng, giảm bất thường với số lượng bị cáo ngày càng tăng, đặc biệt trong đó là các tội phạm như: Tội chống người thi hành công vụ; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép... Ngoài ra, theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) nếu năm 2005, tổng số vụ và số bị cáo đã bị xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC là 896 vụ với 1.744 bị cáo, thì năm 2009 tổng số vụ và số bị cáo đã bị xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC là 1.045 vụ với 1.900 bị cáo, năm 2012, tổng số vụ và số bị cáo đã bị xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC là 1.317 vụ với 2.404 bị cáo, năm 2013 tổng số vụ và số bị cáo đã bị xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC là 1.385 vụ với 2.469 bị cáo, năm 2014 là 1.311 vụ với 2.484 bị cáo và năm 2015 là 1.064 vụ với 1.906 bị cáo... [94]. Như vậy, các tội xâm phạm TTQLHC diễn ra đã gây bức xúc cho nhân dân, tạo dư luận không tốt cho xã hội và làm ảnh hưởng tới TTQLHC của Nhà nước, giảm hiệu lực và hiệu quả quản lý xã hội.

Do đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống quy định PLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, đánh giá tổng thể "*bức tranh*" thực tiễn áp dụng, từ đó đưa ra kiến nghị tiếp tục hoàn thiện BLHS nước ta và những giải pháp bảo đảm áp dụng các quy định này chính là góp phần tôn trọng và bảo đảm trật tự quản lý nhà nước, củng cố và tạo niềm tin vào công lý, pháp chế XHCH cho quần chúng nhân dân và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm đã nêu.

Thứ hai, sự cần thiết tiếp tục hoàn thiện quy định BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

Nghiên cứu thực tiễn xét xử trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, thì một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước và phòng, chống các tội xâm phạm TTQLHC là việc một số quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội phạm này vẫn còn vướng mắc, tồn tại như: người phạm tội có mục đích chống lại người thi hành công

vụ bị truy cứu TNHS theo khoản 1 Điều 257 BLHS lại có khung hình phạt ngang bằng người phạm tội có mục đích chống lại người thi hành công vụ nhưng gây thương tích nên bị truy cứu TNHS về tội cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 104 BLHS. Lại có tội khung hình phạt quy định quá nhẹ chưa tương xứng với hành vi phạm tội như tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội (Điều 268 BLHS). Hoặc việc hướng dẫn thống nhất áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "*gây hậu quả nghiêm trọng*" dẫn đến việc xử lý khó khăn như: Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257), tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân (Điều 258); v.v... Mặc dù BLHS năm 2015 vừa qua đã khắc phục cơ bản, trong đó hoàn thiện nhiều tình tiết định tội, định khung hình phạt và cụ thể hóa các dấu hiệu định tính, sửa đổi hình phạt chính và hình phạt bổ sung... song vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc như: chưa bảo đảm công bằng trong trường hợp người phạm tội có mục đích chống lại người thi hành công vụ bị truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ và trường hợp cố ý gây thương tích [69, tr. 21]; việc phân tách tội danh do khó xác định hành vi khách quan ở tội vi phạm quy định về quản lý nhà ở (Điều 270, nay là Điều 343) hay chưa phân biệt rõ hành vi phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản (Điều 267, nay là Điều 341) và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139, nay là Điều 174 BLHS). Thậm chí, còn có tội danh có tính chất, mức độ khác nhau nhưng lại được áp dụng cùng một chính sách xử lý như nhau vì được quy định trong cùng một điều luật ở tội vi phạm quy định về quản lý nhà ở (Điều 270, nay là Điều 343 BLHS); v.v... Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm TTQLHC, cũng như phòng, chống các tội phạm này, thì việc luận án nghiên cứu để đưa ra yêu cầu và kiến nghị tiếp tục hoàn thiện BLHS Việt Nam năm 2015 rõ ràng vẫn có tính thời sự cấp bách.

Thứ ba, sự cần thiết phải làm sâu sắc hơn về lý luận trong khoa học luật hình sự Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

Hiện nay, mặc dù ở một số khía cạnh, góc độ khác nhau trong khoa học luật hình sự nước ta đã đề cập đến các tội xâm phạm TTQLHC qua việc phân tích dấu hiệu

pháp lý hình sự, tình tiết định tội, định khung hình phạt, vấn đề định tội danh hoặc quyết định hình phạt hay nghiên cứu phòng ngừa tội phạm đối với các tội phạm riêng lẻ, nhưng vẫn chưa có một công trình khoa học nào tiếp cận một cách tổng thể, có hệ thống và toàn diện dưới góc độ *một luận án tiến sĩ luật học* đề cập đến vấn đề TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, xây dựng khái niệm, phân tích những đặc điểm cơ bản và tiếp cận các tội phạm này dưới góc độ về cơ sở và những hình thức thực hiện TNHS (đặc biệt là hình phạt và các biện pháp tư pháp) trong luật hình sự Việt Nam.

Cho nên, nghiên cứu về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC sẽ góp phần bổ sung các tri thức về TNHS nói chung, TNHS đối với các tội phạm này nói riêng, qua đó, nâng cao hiệu quả áp dụng đúng đắn và chính xác các quy định BLHS Việt Nam.

Thứ tư, sự cần thiết phải có những giải pháp bảo đảm thực hiện (thi hành) trong thực tiễn áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

Nghiên cứu BLHS năm 2015 cho thấy, mặc dù Bộ luật đã khắc phục được phần nào các tồn tại, hạn chế trong những quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, tuy nhiên, trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn xét xử trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) cho thấy, việc áp dụng quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC còn gặp một số trường hợp áp dụng chưa chính xác tội danh dẫn đến việc áp dụng TNHS chưa đúng hoặc chưa tương xứng; áp dụng mức và loại hình phạt quá nặng hoặc lại quá nhẹ đối với người phạm tội, từ đó làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Mặt khác, việc ban hành BLHS mới nhưng chưa có những giải pháp bảo đảm về mặt thực tiễn (thi hành) sẽ là thiếu hụt trong việc thực hiện yêu cầu xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do đó, luận án sẽ đưa ra một số giải pháp bảo đảm áp dụng mang tính khả thi cao phục vụ việc thi hành quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

Thứ năm, góp phần hoàn thiện chính sách hình sự về các tội xâm phạm TTQLHC và nâng cao hiệu quả trật tự quản lý nhà nước.

Nghiên cứu một cách có hệ thống quy định BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, đánh giá tổng thể "*bức tranh*" thực tiễn áp dụng TNHS đối với các tội phạm này trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), từ đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật và đề xuất những giải pháp bảo đảm áp dụng các quy định này chính là góp phần hoàn thiện chính sách hình sự của Nhà nước, cụ thể kiến nghị, đánh giá yêu cầu tội phạm hóa và phi tội phạm hóa, hình sự hóa và phi hình sự hóa trong BLHS nước ta về mỗi hành vi phạm tội trong các tội xâm phạm TTQLHC, từ đó đề xuất hình thức trách nhiệm pháp lý phù hợp, qua đó nâng cao hiệu quả trật tự quản lý nhà nước và TTQLHC, góp phần "*thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, đúng hướng, phục vụ đặc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội*" [18, tr. 29].

Ngoài ra, luận án là công trình nghiên cứu đề cụ thể hóa và triển khai thực hiện các quy định của Hiến pháp năm 2013 và BLHS năm 2015.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm sâu sắc hơn những vấn đề lý luận về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, đánh giá đúng và chính xác thực tiễn xét xử các tội phạm này trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp mang tính hệ thống, đồng bộ và định hướng cho việc tiếp tục hoàn thiện và bảo đảm hiệu quả áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội phạm này trên cả phương diện lập pháp và thực tiễn.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Để thực hiện mục đích trên, luận án đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

1) Đánh giá tổng quan tình hình các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài ở trong và ngoài nước, nhận xét và chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án này.

2) Làm sáng tỏ và sâu sắc hơn những vấn đề lý luận về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC với những cách tiếp cận khác nhau.

3) Phân tích cơ sở của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC với các cách tiếp cận khác nhau; làm rõ hình thức của TNHS đối với các tội phạm này, đặc biệt là hình phạt và các biện pháp tư pháp.

4) Nghiên cứu so sánh quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong BLHS một số nước trên thế giới và rút ra những nhận xét.

5) Hệ thống hóa lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay và rút ra những đánh giá.

6) Phân tích tình hình xét xử và thực tiễn áp dụng quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC ở nước ta trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) và 200 bản án trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) để trên cơ sở đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản.

7) Luận chứng, đề xuất kiến nghị bằng việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, cũng như các giải pháp bảo đảm áp dụng các quy định tương ứng đó.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong luật hình sự Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 cho đến nay dưới khía cạnh pháp lý hình sự, đặc biệt làm rõ cơ sở và những hình thức của TNHS đối với các tội phạm này, đồng thời phân tích thực tiễn áp dụng trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) và 200 bản án trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) để từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp có hệ thống và khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm TTQLHC ở nước ta hiện nay.

4. Cơ sở lý luận

Luận án đã sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; các quan điểm của Đảng Cộng sản về đấu tranh phòng, chống tội phạm trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền tại Việt Nam là nền tảng cơ sở lý luận để tiến hành nghiên cứu một cách khách quan, toàn diện và lôgic các vấn đề đặt ra trong quá trình

nghiên cứu. Luận án đã sử dụng hệ thống quan điểm, học thuyết về TNHS như: khái niệm, cơ sở và những điều kiện của TNHS, các hình thức thực hiện TNHS và các dạng của TNHS, cũng như TNHS trong các trường hợp cụ thể, TNHS người chưa thành niên phạm tội, mối quan hệ giữa TNHS với miễn TNHS, mối quan hệ giữa TNHS và hình phạt, TNHS của pháp nhân; v.v... trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo, các bài viết đăng trên tạp chí của các nhà khoa học trong nước và ngoài nước làm cơ sở lý luận để triển khai nghiên cứu vấn đề TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

5. Các phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án là: phương pháp phân tích, thống kê, so sánh, tổng hợp, điều tra án điển hình... của khoa học luật hình sự và tội phạm học để luận chứng các vấn đề khoa học được nghiên cứu.

Phương pháp *so sánh* luật học, *tổng hợp* các tài liệu trong và ngoài nước để làm sáng tỏ tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài này, hệ thống hóa lịch sử và PLHS một số nước về nội dung nghiên cứu (Chương 1);

Phương pháp *nghiên cứu, phân tích* để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, đặc biệt là cơ sở và những hình thức của TNHS đối với các tội phạm này theo luật hình sự Việt Nam (Chương 2);

Phương pháp *thống kê, khảo sát án điển hình* để xử lý các tài liệu, số liệu của TANDTC để làm sáng tỏ thực tiễn áp dụng quy định về TNHS, phân tích 200 bản án trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) về các tội phạm này; đặc biệt là áp dụng hình phạt và các biện pháp tư pháp, qua đó, đánh giá những tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản (Chương 3);

Phương pháp *tổng hợp* đề xuất kiến nghị, giải pháp hoàn thiện TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, đề ra những giải pháp bảo đảm để phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới (Chương 4).

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Thông qua kết quả nghiên cứu, luận án sẽ góp phần bổ sung và làm sâu sắc hơn những tri thức trong kho tàng lý luận về tội phạm và TNHS nói chung, về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC nói riêng.

Một số kiến nghị tiếp tục hoàn thiện pháp luật và những giải pháp bảo đảm còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho nhà làm luật trong quá trình tiếp tục hoàn thiện và sửa đổi, bổ sung BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này dưới góc độ thực tiễn thi hành.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Từ việc đánh giá khách quan, trung thực quy định của PLHS về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC và thực tiễn xét xử trên địa bàn cả nước trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), 200 bản án trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), kết quả của luận án góp phần phục vụ cho thực tiễn xét xử, qua đó, giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, cũng như định tội danh và quyết định hình phạt có căn cứ và xác đáng, góp phần đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm TTQLHC.

Ngoài ra, luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy về khoa học pháp lý nói chung, khoa học luật hình sự, tội phạm học nói riêng và cho các cán bộ thực tiễn đang công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật trong quá trình xử lý các tội xâm phạm TTQLHC.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 3: Pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng quy định về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính.

Chương 4: Yêu cầu, nội dung và các giải pháp tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính.

Chương 1
**TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

Tội phạm, hình phạt và TNHS được xem là một trong những chế định trung tâm và cơ bản nhất của luật hình sự Việt Nam. Trong đó, mức độ và sự thể hiện của các nguyên tắc cơ bản như: pháp chế, nhân đạo, dân chủ, công bằng, tôn trọng và bảo vệ quyền con người phụ thuộc chủ yếu vào việc giải quyết vấn đề TNHS. Bởi lẽ, đúng như GS.TSKH. Lê Văn Cẩm đã viết:

Trong bất kỳ một Nhà nước pháp quyền đích thực nào, các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực tư pháp hình sự nói chung và các quy định của pháp luật hình sự nói riêng đều phải nhằm *mục đích hàng đầu* - là bảo vệ các quyền và tự do của con người với tư cách là *những giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại* tránh khỏi sự xâm hại có tính chất tội phạm của công dân khác, mà còn của một số quan chức trong bộ máy công quyền đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm thô bạo pháp chế và dân chủ, thực hiện những hành vi sự độc đoán và tùy tiện theo ý chí cá nhân vì các mục đích vụ lợi, xấu xa hoặc thấp hèn. Vì vậy, các quy phạm pháp luật hình sự của một quốc gia về *trách nhiệm hình sự* như thế nào chính là một trong những tiêu chí cơ bản và quan trọng để đánh giá mức độ *dân chủ và nhân đạo, pháp chế và nhân văn* trong quốc gia đó ra sao... [15, tr. 603].

Chính vì vậy, nghiên cứu các vấn đề về TNHS nói chung, TNHS đối với các tội phạm cụ thể nói riêng (trong đó có TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC) có ý nghĩa quan trọng trong quá trình giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm.

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu những vấn đề chung về trách nhiệm hình sự

Nghiên cứu những vấn đề chung nhất về TNHS đã có một số luận án tiến sĩ luật học khác nhau đề cập đến.

Trước hết, đề cập đến *khái niệm, các đặc điểm cơ bản của TNHS và TNHS trong một số trường hợp đặc biệt* có thể kể đến luận án tiến sĩ luật học với đề tài: "*Chế định trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Phạm Mạnh Hùng (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2004) [47, tr. 2]. Trong luận án của mình, tác giả đã giải quyết *ba* nhóm vấn đề cơ bản sau đây: *Một là*, khái niệm TNHS, mối quan hệ giữa TNHS với miễn TNHS; *hai là*, cơ sở của TNHS và; *ba là*, TNHS trong một số trường hợp đặc biệt (bao gồm: TNHS của người phạm tội trong tình trạng say; TNHS của người chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt; TNHS trong đồng phạm; TNHS của người chưa thành niên phạm tội). Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra các kết luận khoa học góp phần xác định cơ sở khoa học cho việc nhận thức chế định TNHS theo luật hình sự Việt Nam được thống nhất, đồng thời nêu ra kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS nước ta liên quan đến chế định TNHS nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Luận án tiến sĩ luật học khác đề cập đến vấn đề TNHS thể hiện qua nguyên tắc xử lý, đó là công trình: "*Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Cao Thị Oanh (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2007) [58, tr. 2]. Luận án đã nghiên cứu *ba* nhóm vấn đề chính sau đây: *Thứ nhất*, những vấn đề lý luận về nguyên tắc phân hóa TNHS; *thứ hai*, yêu cầu của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với các quy định của luật hình sự (thời hiệu truy cứu TNHS, miễn TNHS; quy định các loại hình phạt; về quyết định hình phạt; về cấu thành tội phạm và chế tài tội phạm cụ thể) và; *thứ ba*, nguyên tắc phân hóa TNHS với việc hoàn thiện BLHS năm 1999 (tương ứng hoàn thiện cụ thể với các chế định đã nêu).

Ngoài ra, luận án tiến sĩ luật học với tên gọi: "*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Trịnh Tiến Việt (Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008) [112, tr. 2]. Luận án đã nghiên cứu *ba* nhóm vấn đề chính sau đây: *Một là*, những vấn đề lý luận về miễn TNHS; *hai là*, các trường hợp miễn TNHS theo BLHS Việt Nam và thực tiễn áp dụng; *ba là*, những phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về miễn TNHS trong BLHS nước ta. Đáng lưu ý, trong Chương 1, tác giả đã đề cập đến vấn đề TNHS và mối quan hệ giữa TNHS và miễn TNHS, qua đó, chứng minh rằng,

khái niệm, nội dung và cơ sở của miễn TNHS xuất phát từ chế định TNHS. Miễn TNHS là chế định "*nhỏ*" nằm trong chế định lớn là "*trách nhiệm hình sự*".

Như vậy, trong những luận án đã nêu, liên quan đến vấn đề chung nhất của TNHS, các tác giả đã làm sáng tỏ khái niệm và các đặc điểm cơ bản của TNHS; cơ sở triết học và cơ sở pháp lý của TNHS; sự thể hiện nguyên tắc phân hóa TNHS với định nghĩa về TNHS như: "Trách nhiệm hình sự là một dạng trách nhiệm pháp lý và là hậu quả pháp lý bất lợi của việc thực hiện tội phạm và được thể hiện bằng việc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do BLHS quy định đối với người phạm tội" [112, tr. 36]; về cơ sở triết học của TNHS - "vì sao Nhà nước, xã hội lại buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự, đó là mối quan hệ giữa tự do và tất yếu và về cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự chính là việc hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong luật hình sự" [47, tr. 60; 66]. Đồng thời, các luận án cũng đã chỉ ra mối quan hệ giữa TNHS và miễn TNHS. Theo đó, khái niệm, cơ sở và nội dung của chế định miễn TNHS xuất phát từ chế định TNHS, TNHS là chế định lớn, bao trùm các chế định khác, cũng như sự thể hiện nguyên tắc phân hóa TNHS trong Phần chung và Phần các tội phạm BLHS và việc hoàn thiện các quy định của BLHS có liên quan đến chế định này và trong các trường hợp đặc biệt như chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, đồng phạm, người chưa thành niên phạm tội và vấn đề miễn TNHS; v.v... [57, tr. 77], [58, tr. 10; 45] [112, tr. 88].

Cũng trong nhóm các công trình đề cập đến những vấn đề chung nhất của TNHS, dưới góc độ sách chuyên khảo đó là một số công trình sau: "*Những vấn đề lý luận cơ bản về trách nhiệm hình sự*", Chuyên khảo thứ hai, Trong sách: Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự, Tập III (Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2000); "*Trách nhiệm hình sự - Chương thứ sáu*", Trong sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung) (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005); "*Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm hình sự - Chương thứ ba*", Trong sách: Hoàn thiện PLHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (Một số vấn đề cơ bản của Phần chung) (Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1999) của GS.TSKH. Lê Văn Cẩm. Theo đó, tác giả đã giải quyết tương đối đầy đủ các nội dung cơ bản của TNHS:

- 1) Ý nghĩa của việc nghiên cứu, khái niệm và các đặc điểm của TNHS; các dạng của TNHS và sự phân biệt nó với các dạng trách nhiệm pháp lý khác;
- 2) Các hình thức thực hiện và các giai đoạn thực hiện TNHS;
- 3) Cơ sở và những điều kiện của TNHS;
- 4) Vấn đề TNHS của pháp nhân và;
- 5) Mô hình lý luận của chế định TNHS trong PLHS Việt Nam.

Theo tác giả:

Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý của việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm và hậu quả pháp lý ấy được thể hiện trong việc Tòa án nhân danh Nhà nước kết án người đã bị coi là có lỗi trong việc thực hiện tội phạm đó, còn người bị kết án phải chịu sự tác động về mặt pháp lý hình sự theo một trình tự tổ tụng riêng [15, tr. 611].

Trên cơ sở này, tác giả đã đề xuất mô hình lý luận của chế định TNHS trong PLHS Việt Nam với nhiều phương án khác nhau - hướng thứ *nhất* - điều chỉnh có TNHS của pháp nhân và hướng thứ *hai* - điều chỉnh không quy định TNHS của pháp nhân để các nhà làm luật tham khảo trong quá trình sửa đổi BLHS năm 1999 hiện hành [15, tr. 663-669].

Riêng vấn đề TNHS của pháp nhân, công trình "*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự*" của PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn [99, tr. 251-254] đã có những đóng góp nhất định làm tài liệu tham khảo trong việc sửa đổi BLHS năm 1999 theo hướng quy định chủ thể của tội phạm là pháp nhân. Đồng thời, tác giả chỉ ra các nội dung cần chú ý khi quy định TNHS của pháp nhân trong PLHS Việt Nam mà việc giải quyết nó sẽ chấm dứt các tranh luận không cần thiết, đó là: 1) Chủ thể chịu TNHS; 2) Về các tội phạm cụ thể quy kết cho pháp nhân; 3) Điều kiện quy kết TNHS của pháp nhân và; 4) Về hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội [99, tr. 251-254].

Bên cạnh đó, nhiều sách chuyên khảo [5, tr. 314], [40, tr. 6-7], [114, tr. 200] và các Giáo trình Luật hình sự Việt Nam của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội [10, tr. 88-90], Trường Đại học Luật Hà Nội [38, tr. 122] và một số cơ sở

khác [118, tr. 114-115] cũng đề cập đến các vấn đề chung nhất của TNHS như: Khái niệm TNHS và các đặc điểm của TNHS, cơ sở của TNHS, những điều kiện của TNHS, mối quan hệ giữa TNHS và miễn TNHS, với hình phạt... và đều thống nhất với nhau về nội hàm và các nội dung tương ứng, đặc biệt là các đặc điểm cơ bản của TNHS bao gồm:

1) Trách nhiệm hình sự là dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất so với bất kỳ dạng trách nhiệm pháp lý nào khác;

2) Trách nhiệm hình sự là sự lên án của Nhà nước đối với người thực hiện tội phạm bằng việc quy định các biện pháp cưỡng chế về hình sự để áp dụng đối với người đó;

3) Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm, đồng thời chỉ phát sinh khi có sự việc phạm tội;

4) Trách nhiệm hình sự chỉ được thực hiện trong phạm vi của quan hệ PLHS giữa hai bên với tính chất là hai chủ thể có các quyền và nghĩa vụ nhất định - một bên là Nhà nước, còn bên kia là người phạm tội;

5) Trách nhiệm hình sự mang tính chất cá nhân và chỉ được áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm;

6) Trách nhiệm hình sự có tính chất công - chỉ có Nhà nước mới có quyền buộc người phạm tội phải chịu TNHS và chịu TNHS trước Nhà nước;

7) Trách nhiệm hình sự có nội hàm rộng hơn hình phạt, hình phạt chỉ là một dạng đặc trưng, điển hình và phổ biến do Tòa án áp dụng trên thực tế của TNHS.

Trong đó, cuốn sách chuyên khảo "*Trách nhiệm hình sự và hình phạt*" do GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên (Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001) [40, tr. 6-7] đã tiếp cận khái niệm TNHS theo hai nghĩa khác nhau. Theo nghĩa *tổng thể* bao gồm hai mặt đan xen thống nhất:

1) Thực hiện trách nhiệm hình sự từ phía Nhà nước và; 2) Chịu trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Trách nhiệm hình sự thực chất là nội dung của mối quan hệ giữa Nhà nước và người phạm tội, phát sinh từ thời điểm tội phạm được thực hiện, và được cụ thể hóa bằng các quyền và nghĩa vụ của Nhà nước và người phạm tội [40, tr. 5-8].

Còn theo nghĩa *trực tiếp*, "trách nhiệm hình sự là nghĩa vụ của người phạm tội đối với Nhà nước do việc thực hiện hành vi phạm tội, bao hàm nghĩa vụ phải gánh chịu các hậu quả pháp lý bất lợi mà pháp luật quy định đối với hành vi phạm tội đó" [43, tr. 210].

Ngoài ra, cũng đã có nhiều bài viết nghiên cứu về các nội dung liên quan đến chế định TNHS, đó là những công trình sau: "*Hoàn thiện các quy phạm về trách nhiệm hình sự - yếu tố cơ bản và quan trọng nhất trong việc bảo vệ con người bằng pháp luật hình sự*" (Tập chí Tòa án nhân dân, các số 2, 3, 4/1990); "*Chế định trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 1999*" (Tập chí Dân chủ và pháp luật, số 4/2000) của GS.TSKH. Lê Văn Cẩm với các nội dung đề cập đến việc hoàn thiện chế định TNHS trong BLHS Việt Nam hiện hành, vai trò trong việc bảo vệ quyền con người, đồng thời nghiên cứu cơ sở lập pháp, thực tiễn và lý luận của vấn đề quy định TNHS của pháp nhân.

Bên cạnh đó, các bài viết "*Hoàn thiện chế định cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự*" (Tập chí Luật học, số 6/1996); "*Về trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt*" (Tập chí Luật học, số 4/2002) của PGS.TS. Lê Thị Sơn cũng đã đề cập đến vấn đề cơ sở pháp lý của TNHS, mối quan hệ giữa TNHS và miễn TNHS và việc hoàn thiện TNHS của hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, qua đó, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm và giải quyết vấn đề TNHS được chính xác đối với người phạm tội.

Đặc biệt, bài viết "*Hoàn thiện chế định trách nhiệm hình sự - yếu tố quan trọng để xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa*" của PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí, TS. Trần Thu Hạnh (Tập chí Khoa học, chuyên san Kinh tế - Luật, số 2/2002) đã đặt ra các vấn đề cần nghiên cứu để hoàn thiện chế định TNHS và coi việc hoàn thiện chế định này đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay.

Nội dung *thứ hai* trong nhóm các công trình nghiên cứu những vấn đề chung về TNHS là "*cơ sở của trách nhiệm hình sự*" - một nội dung quan trọng nhất của chế định TNHS, tác động trực tiếp đến chính sách hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như các nguyên tắc của luật hình sự. Đây là nội dung

phản ánh trực tiếp và xuyên suốt mọi nội dung trong BLHS, vì suy cho cùng, giải quyết TNHS của người phạm tội, trước tiên và quan trọng đó là vấn đề *cơ sở* của trách nhiệm hình sự. Điều này còn phản ánh nội dung "điểm khởi đầu của trách nhiệm hình sự là thời điểm xảy ra tội phạm" [81, tr. 127] và việc xem xét truy cứu TNHS một người phải dựa vào hành vi phạm tội.

Nghiên cứu các công trình cho thấy, đề cập đến nội dung này đều dựa trên căn cứ Điều 2 BLHS Việt Nam để xác định, mặc dù dưới góc độ khoa học luật hình sự còn nhiều quan điểm khác nhau. Chẳng hạn, GS.TSKH. Đào Trí Úc cho rằng, cơ sở của TNHS là "sự hiện diện của tất cả những dấu hiệu do luật định về tội phạm" [105, tr. 43]; GS.TS. Đỗ Ngọc Quang cho rằng, cơ sở của TNHS là "hành vi của một người khi thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong luật hình sự" [64, tr. 18]; GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa quan niệm - "cấu thành tội phạm trong luật hình sự được coi là cơ sở pháp lý và sự thỏa mãn cấu thành tội phạm là điều kiện cần và đủ của trách nhiệm hình sự" [41, tr. 9-10], [44, tr. 113] hay PGS.TS. Nguyễn Mạnh Kháng cho rằng:

Suy cho cùng, thì cơ sở của trách nhiệm hình sự là cấu thành tội phạm và chỉ dấu hiệu đó mới là cơ sở của trách nhiệm hình sự. Khi một hành vi hội đủ những dấu hiệu cấu thành tội phạm thì cơ quan điều tra, truy tố, xét xử thay mặt Nhà nước mới có quyền và cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi đó [50, tr. 113-114].

Tuy nhiên, có quan điểm thực tiễn của ThS. Đinh Văn Quế lại cho rằng: "Cơ sở của trách nhiệm hình sự là hành vi *tội phạm*, tức là một người phải chịu trách nhiệm hình sự khi người đó đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội do cố ý hoặc vô ý gây hậu quả hoặc đe dọa gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội" [67, tr. 12]; v.v...

Trong khi đó, tiếp cận dưới góc độ tổng quát nhất, GS.TSKH. Lê Văn Cẩm đã chỉ ra *ba* cách tiếp cận khác nhau về cơ sở của TNHS tương ứng với *ba* bình diện: về mặt nội dung hay *vật chất* (khách quan); về mặt hình thức (bên ngoài) và; về mặt quy phạm (pháp lý), lý giải các luận điểm cơ bản về cơ sở (vật chất) của TNHS và kết luận rằng, nội dung cốt lõi của TNHS chính là việc thực hiện tội phạm của thể nhân (con người sinh học cụ thể, chứ không phải pháp nhân) và

việc thực hiện hành vi bị luật hình sự cấm là cơ sở về mặt nội dung (vật chất) của TNHS [15, tr. 627-632].

Nội dung thứ ba là "*các hình thức của trách nhiệm hình sự*" cho thấy, các công trình nghiên cứu về TNHS (nói chung) chưa có công trình nào đề cập sâu đến, mà cuốn sách chuyên khảo "*Tìm hiểu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam*" của GS.TS. Đỗ Ngọc Quang (Chương 1 - Nhận thức chung về TNHS, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1997), trong đó, tác giả đã đề cập đến khái niệm TNHS, xác định cơ sở của TNHS, chỉ ra mối quan hệ giữa TNHS và hình phạt, giữa chúng tồn tại mối quan hệ "*mục đích và phương tiện thực hiện mục đích*". Cụ thể, việc xác định mục đích của "trách nhiệm hình sự và hình phạt là phương tiện để thực hiện mục đích cho phép giải quyết đúng đắn vấn đề xây dựng hệ thống hình phạt như thế nào mới có thể đáp ứng được mục đích của trách nhiệm hình sự" [65, tr. 29-30]. Đặc biệt, trong nội dung phân tích về cơ sở của TNHS, tác giả đã đề cập đến *các hình thức TNHS* là được thể hiện trong các trường hợp khác nhau bao gồm: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt; trong trường hợp tội phạm hoàn thành; trong đồng phạm; khi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết và trong trường hợp được miễn TNHS, miễn hình phạt [65, tr. 20].

Bên cạnh đó, trong khoa học luật hình sự còn có thuật ngữ "*hình thức thực hiện trách nhiệm hình sự*", tuy nhiên, cũng chỉ có công trình của GS.TSKH. Lê Văn Cẩm đề cập đến với việc nêu khái niệm "*hình thức thực hiện TNHS là việc thể hiện nội dung của TNHS của người phạm tội trong bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật trong bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án*" và tác giả đã đưa ra hai hình thức là: 1) Hình thức thực hiện TNHS có kèm theo việc quyết định hình phạt và; 2) Hình thức thực hiện TNHS không kèm theo việc quyết định hình phạt; đồng thời chỉ ra các dạng bản án hình sự thể hiện nội dung của TNHS [15, tr. 618-620]. Ngoài ra, tác giả cũng nêu khái niệm "*điều kiện của trách nhiệm hình sự*" là "*căn cứ riêng cần và đủ, có tính chất bắt buộc và do luật hình sự quy định mà chỉ khi nào có tổng hợp tất cả chúng (các căn cứ riêng đó) thì một người mới phải chịu trách nhiệm hình sự*" [9, tr. 30]. Theo đó, những *điều kiện cụ thể của TNHS* bao gồm: Người đó phải là người có năng lực TNHS, đủ tuổi chịu TNHS và thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội,

hành vi được thực hiện phải bị PLHS quy định là tội phạm, đồng thời người đó phải có lỗi trong việc thực hiện hành vi đó. Những điều kiện (cụ thể) của TNHS ở một góc độ chung chúng có thể được xem là đồng nhất với các đặc điểm cơ bản của tội phạm.

Như vậy, các công trình nghiên cứu khoa học trên đã đưa ra bàn luận và giải quyết các vấn đề bức xúc mà lý luận và thực tiễn áp dụng PLHS đặt ra về TNHS, đồng thời đã luận giải, kiến nghị và đề xuất hoàn thiện quy định của PLHS Việt Nam nhưng tập trung vào số chế định trong Phần chung BLHS như: khái niệm, cơ sở và những điều kiện của TNHS, hình thức thực hiện TNHS và TNHS trong các trường hợp cụ thể như: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành, TNHS người chưa thành niên phạm tội hoặc phân tích mối quan hệ giữa TNHS với miễn TNHS, mối quan hệ giữa TNHS và hình phạt; v.v... Do đó, trong phạm vi luận án này, nghiên cứu sinh tiếp cận vấn đề cơ bản của TNHS theo *ba* nhóm tiếp cận mà GS.TSKH. Lê Văn Cẩm đã chỉ ra, trong đó phân tích cơ sở pháp lý của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC và tập trung là rõ những hình thức của TNHS đối với các tội phạm này theo cách tiếp cận của GS.TS. Đỗ Ngọc Quang là hình phạt, các biện pháp tư pháp để lý giải.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu đề cập đến trách nhiệm hình sự đối với các nhóm tội phạm cụ thể và đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Các công trình nghiên cứu về TNHS đối với các nhóm tội phạm cụ thể trong BLHS dưới góc độ luận án tiến sĩ luật học cũng được tiếp cận nhiều.

Luận án tiến sĩ luật học với tên gọi: "*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*" của tác giả Nguyễn Ngọc Chí (Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2000) [16, tr. 2]. Theo đó, luận án đã giải quyết các vấn đề cơ bản sau: *Một là*, khía cạnh tội phạm học của các tội xâm phạm sở hữu; *hai là*, chính sách và cơ sở TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu và *ba là*, hình thức TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất hoàn thiện BLHS Việt Nam về các tội xâm phạm sở hữu, phục vụ việc sửa đổi BLHS năm 1999 và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống các tội phạm này trong tình hình mới.

Luận án tiến sĩ luật học với tên gọi: "*Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về ma túy*" của tác giả Phạm Minh Tuyên (Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện

Khoa học Xã hội Việt Nam, 2006). Trong luận án này, tác giả đã làm rõ các vấn đề sau đây: *Một là*, cơ sở lý luận của TNHS đối với các tội phạm về ma túy; *hai là*, đánh giá tình hình áp dụng các quy định về TNHS đối với các tội phạm về ma túy trong thực tiễn và *ba là*, đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định về TNHS đối với các tội phạm về ma túy. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất hoàn thiện BLHS Việt Nam về các tội phạm về ma túy và phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng, chống các tội phạm này trong tình hình mới [104, tr. 2].

Luận án tiến sĩ luật học với tên gọi: "*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Nguyễn Văn Nam (Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2008). Trong luận án này, tác giả đã làm rõ các vấn đề sau đây: *Một là*, cơ sở lý luận của TNHS đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; *hai là*, đánh giá tình hình áp dụng các quy định về TNHS đối với các tội phạm trật tự quản lý kinh tế và *ba là*, kiến nghị, đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất hoàn thiện BLHS Việt Nam về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng, chống các tội phạm này trong tình hình mới [57, tr. 2].

Luận án tiến sĩ luật học với tên gọi: "*Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về môi trường*" của tác giả Dương Thanh An (Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2011). Trong luận án này, tác giả đã làm rõ các vấn đề sau đây: *Một là*, những vấn đề lý luận về TNHS đối với các tội phạm về môi trường; *hai là*, thực trạng quy định TNHS đối với các tội phạm về môi trường trong luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng và; *ba là*, các giải pháp nâng cao hiệu quả của TNHS đối với các tội phạm về môi trường. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất hoàn thiện BLHS Việt Nam về các tội phạm về môi trường và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng đối với các tội phạm này [1, tr. 2].

Luận án tiến sĩ luật học với tên gọi: "*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân*" của tác giả Nguyễn Xuân Hà (Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014). Trong luận án này, tác giả đã làm rõ các vấn đề sau đây: *Một là*, những vấn đề chung về TNHS đối với các tội xâm phạm quyền

của công dân; *hai là*, TNHS đối với các tội xâm phạm quyền của công dân theo BLHS năm 1999 hiện hành và thực tiễn áp dụng và; *ba là*, kiến nghị hoàn thiện các quy định của BLHS năm 1999 hiện hành về TNHS đối với các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân và những giải pháp nâng cao hiệu quả [29, tr. 2].

Như vậy, trong các luận án đã nêu, liên quan đến vấn đề TNHS, các tác giả đã làm sáng tỏ khái niệm TNHS, tiếp cận cơ sở và các hình thức của TNHS chung để gắn với các tội phạm cụ thể - các tội xâm phạm sở hữu, các tội phạm về ma túy, các tội phạm về môi trường, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân, từ đó đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành, đề xuất hoàn thiện chính sách hình sự và BLHS nước ta về các nhóm tội phạm tương ứng.

Ngoài ra, khi nghiên cứu về TNHS đối với các tội phạm cụ thể cũng còn có một số sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình như: "*Tìm hiểu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam*" của GS.TS. Đỗ Ngọc Quang (Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1997); "*Tìm hiểu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về chức vụ*" của GS.TS. Võ Khánh Vinh (Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 1996); "*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người*" của ThS. Đinh Văn Quế (Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999); "*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người*" của PGS.TS. Trần Văn Luyện (Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001). Theo đó, các công trình này ngoài tiếp cận chung về khái niệm TNHS, còn lại tập trung đi vào phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự và hình phạt, các trường hợp phạm tội đặc biệt đối với các tội phạm cụ thể. Trong số các công trình này, đáng chú ý cuốn sách "*Tìm hiểu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam*" của GS.TS. Đỗ Ngọc Quang đã đề cập riêng một Chương về "*Nhận thức chung về trách nhiệm hình sự*" [65, tr. 20] với các nội dung về khái niệm TNHS, cơ sở của TNHS, mối quan hệ giữa TNHS và hình phạt mà nghiên cứu sinh đã phân tích ở trên.

Việc nghiên cứu TNHS đối với các tội phạm cụ thể còn được quan tâm nghiên cứu ở những bài viết trên các tạp chí chuyên ngành Luật. Những bài viết này chủ yếu đề cập đến việc xác định tội danh, mức và loại hình phạt đối với một hoặc một số tội phạm cụ thể được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành như: Tạp chí Tòa án nhân dân, Tạp chí Kiểm sát, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Tạp chí Pháp lý; v.v... để hoàn thiện PLHS, chứ không có bài viết đi sâu giải quyết vấn đề TNHS của một hoặc một nhóm tội phạm cụ thể.

Tiếp cận bài viết đề cập đến TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC có một số công trình tiêu biểu như: Bài viết "*Xử lý đối với hành vi dùng vũ lực chống người thi hành công vụ*" của TS. Đỗ Đức Hồng Hà (Tạp chí Tòa án nhân dân, số 7(4)/2005 hay bài viết "*Cơ cấu hành chính - lãnh thổ của tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta những năm qua*" của PGS.TS. Phạm Văn Tinh (Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4/2010) hoặc công trình "*Một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật hình sự để xử lý hành vi chống người thi hành công vụ*" của PGS.TS. Trần Vi Dân, Đào Anh Tới (Tạp chí Kiểm sát, số 14(7)/2011); v.v... Đặc biệt, trong quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh cũng đã cho công bố một số công trình khoa học có liên quan để hình thành những nghiên cứu xung quanh chủ đề này. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy, mới chỉ có các bài viết trên các tạp chí khoa học pháp lý chuyên ngành phân tích dấu hiệu pháp lý hình sự, tình tiết định khung hoặc định tội danh về một số tội phạm cụ thể trong Chương XX - Các tội xâm phạm TTQLHC hoặc khía cạnh Tội phạm học.

Như vậy, qua nghiên cứu, khảo sát các công trình nghiên cứu có liên quan đến về TNHS và TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong nước trong giai đoạn 15 năm (2001 - 2015), cho thấy công trình nghiên cứu trực tiếp về TNHS đối với các tội phạm này còn chưa được đề cập hoặc nếu có đề cập thì ở mức độ liên quan trong một chủ đề khác và chỉ ở cấp độ luận văn thạc sĩ và dưới khía cạnh luật hình sự hoặc Tội phạm học và trên một địa bàn cụ thể về các tội phạm đơn lẻ trong nhóm các tội phạm này.

Ngoài ra, giáo trình, sách bình luận khoa học, sách chuyên khảo là những ấn phẩm đáng kể đề cập đến các nội dung liên quan đến TNHS của các tội xâm phạm

TTQLHC cũng đã phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự và hình phạt của các tội xâm phạm TTQLHC như là một Chương, mục giáo trình. Chẳng hạn: sách "*Tìm hiểu các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính*" của PGS.TS. Trần Minh Hưởng (Nxb Dân tộc, Hà Nội, 2004); "*Bài 11 - Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*", Trong sách: Luật hình sự Việt Nam - Quyển 2 của TS. Phạm Văn Beo (Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2009); "*Chương X - Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*" của tác giả Lý Thế Hoa, Trong sách: Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm), Tập thể tác giả (Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2011); "*Chương 18 - Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*", Trong sách: Giáo trình Luật hình sự Việt Nam do PGS.TS. Nguyễn Văn Huyền làm chủ biên (Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2011), trong đó đều mới thống nhất về khái niệm các tội xâm phạm TTQLHC như: "Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định tại Chương XX của Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý hành chính" [118, tr. 520], cũng như phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự (khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm và chủ thể của tội phạm của cả nhóm và từng tội danh cụ thể) và hình phạt đối với nhóm tội phạm này; v.v..., mà chưa đánh giá, phân tích các tội xâm phạm TTQLHC dưới góc độ tiếp cận về TNHS (cơ sở, những hình thức TNHS... đối với các tội phạm này).

Hoặc Thông tin khoa học pháp lý "*Năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*", số 12/2000, do TS. Thang Văn Phúc (chủ nhiệm). Quản lý hành chính là lĩnh vực rộng lớn và phức tạp nhất của quản lý nhà nước đối với xã hội. Các quy phạm về TTQLHC cũng rất đa dạng, có quy định do Chính phủ ban hành, có quy định do các Bộ ban hành; cũng có quy định do chính quyền địa phương ban hành nhưng lại có quy định do cơ quan quản lý nhà nước ban hành... Do đó, để đánh giá trình độ phát triển của một nền hành chính, sự ổn định của trật tự hành chính cần dựa vào các tiêu chí sau: sự năng động và phù hợp của tổ chức bộ máy nhà nước trong hoạt động quản lý xã hội; sự ổn định, trật tự, an toàn xã hội; sự công bằng trong xã hội và sự phát triển của nền kinh tế [59, tr. 21].

Cũng đã có một số đề tài khoa học các cấp triển khai nghiên cứu các tội xâm phạm TTQLHC nhưng dưới góc độ phân tích, đánh giá khái quát quy định hoặc điều tra cơ bản để kiến nghị hoàn thiện BLHS như: Đề tài khoa học cấp Bộ: "*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng Phần các tội phạm Bộ luật hình sự năm 1999*" của Tòa án nhân dân tối cao (Hà Nội, 2002); Đề án khoa học cấp Bộ: "*Phân tích, đánh giá và kiến nghị nhằm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hình sự phục vụ nhiệm vụ sửa đổi Bộ luật hình sự 1999*" do TS. Trần Văn Dũng chủ trì (Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2014); Dự án điều tra cơ bản: "*Thực trạng thi hành Bộ luật hình sự năm 1999 nhằm sửa đổi toàn diện Bộ luật hình sự trong thời gian tới*" do TS. Nguyễn Văn Hiến làm Chủ nhiệm (Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2015); v.v...

Gần đây, đề tài khoa học cấp Bộ (Bộ Công an) với tên gọi: "*Nâng cao hiệu quả quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới*" do Trung tướng Nguyễn Công Sơn, Bộ Công an làm chủ nhiệm, nghiệm thu năm 2015. Theo đó, thời gian qua công tác quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội đã được Đảng, Nhà nước và Bộ Công an quan tâm chỉ đạo, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần to lớn trong quản lý xã hội của Nhà nước, cũng như trong công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, hiệu quả còn chưa cao. Do đó, nội dung đề tài là khảo sát, đánh giá thực trạng về công tác quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội giai đoạn 2009 - 2014. Trên cơ sở đó, rút ra những hạn chế, nguyên nhân tồn tại và thiếu sót; đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội, phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kết quả nghiên cứu đề tài giúp lực lượng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội có cách nhìn tổng quát về những kết quả đạt được trong công tác quản lý. Đồng thời, thấy được những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Tóm lại, qua khảo sát tình hình nghiên cứu ở trong nước về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC có thể đưa ra một số nhận xét sau đây:

Một là, điểm nổi bật của các công trình khoa học nêu trên đã hình thành hệ thống quan điểm, học thuyết về TNHS ở nước ta, theo đó những vấn đề như: khái niệm, cơ sở và những điều kiện của TNHS, các hình thức thực hiện TNHS và các dạng của TNHS, cũng như TNHS trong các trường hợp cụ thể như: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành, TNHS người chưa thành niên phạm tội hoặc phân tích mối quan hệ giữa TNHS với miễn TNHS, mối quan hệ giữa TNHS và hình phạt hoặc luận giải vấn đề TNHS của pháp nhân; v.v... đã được nghiên cứu khá sâu sắc trong nghiên cứu "*Trách nhiệm hình sự - Chương thứ sáu*", Trong sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005 của GS.TSKH. Lê Văn Cẩm [15; tr. 611-632]; cuốn sách "*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự*", Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2011 của PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn [99, tr. 251-254]; cuốn sách "*Tìm hiểu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam*" đã đề cập riêng một Chương về "*Nhận thức chung về trách nhiệm hình sự*", Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1997 của GS.TS. Đỗ Ngọc Quang [65, tr. 20]; v.v... Những nghiên cứu này đã được nghiên cứu sinh sử dụng làm cơ sở lý luận để triển khai nghiên cứu vấn đề TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

Hai là, các công trình khoa học có liên quan đến TNHS đối với các tội phạm cụ thể như các tội xâm phạm sở hữu, các tội phạm về ma túy, các tội phạm về trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về môi trường... được thể hiện dưới dạng luận án, sách chuyên khảo, theo đó, những công trình này mặc dù không nghiên cứu về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC nhưng kết quả của nó được nghiên cứu sinh tham khảo đa chiều trong quá trình thực hiện luận án của mình.

Ba là, việc nghiên cứu các tội xâm phạm TTQLHC cũng được khá nhiều các công trình đề cập đến, tuy nhiên, chủ yếu là bình luận, nghiên cứu về khái niệm, các dấu hiệu pháp lý hình sự và hình phạt; tình tiết định khung, định tội hoặc đề cập riêng đến Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257 BLHS) và các biện pháp tổ chức phòng ngừa tội phạm (tội phạm học) và trên một địa bàn cụ thể; hoặc về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp

của tổ chức, công dân (Điều 258) hay các tội phạm về bí mật Nhà nước (Điều 263, Điều 264) ở khía cạnh pháp lý hình sự, mà *chưa có công trình nào nghiên cứu có hệ thống, toàn diện về lý luận, thực tiễn và tiếp cận dưới khía cạnh về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC*. Một số bài viết tham khảo cũng chỉ đề cập vấn đề định tội danh hoặc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với tội chống người thi hành công vụ trong tương quan với một số tội phạm khác.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC

1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu những vấn đề chung về trách nhiệm hình sự

Ở Liên Xô trước đây (nay là Liên bang Nga) đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề TNHS (nói chung) phải kể đến như: "*Sự buộc tội do lỗi và trách nhiệm hình sự*", Trong sách: Những vấn đề cấp bách của luật hình sự của tác giả Zlôbin G.A. (Maxcova, 1988); "*Trách nhiệm hình sự và cấu thành tội phạm*" của tác giả Karpusin M.P., Kurliandxki V.I. (Nxb. Sách pháp lý, Maxcova, 1974); "*Những vấn đề về lỗi và trách nhiệm hình sự trong các thuyết tư sản hiện đại*" của tác giả Liaxx.N.V. (Lêningrad, 1977); "*Tội phạm và trách nhiệm*" của tác giả Prokhorôv B.X. (Nxb. Sách pháp lý, Maxcova, 1984); "*Trách nhiệm hình sự và việc thực hiện nó trong cuộc đấu tranh chống tội phạm*" của tác giả Xtrutchkôv N.A. (Nxb. Trường Đại học Tổng hợp Xaratôv, 1978) [Dẫn theo: 15, tr. 997-1001]; v.v... Các công trình này đề cập chủ yếu đến vấn đề tội phạm và TNHS, TNHS và cấu thành tội phạm dưới góc độ lý luận và việc thực hiện TNHS trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, làm cơ sở cho việc nghiên cứu và hoàn thiện các chế định khác trong luật hình sự.

Đáng lưu ý, theo tác giả Xtruchkov N.A, thì "trách nhiệm hình sự là một dạng trách nhiệm pháp lý - nhà nước, trách nhiệm trước Nhà nước về thực hiện vi phạm" [134, tr. 14]. Tác giả nhìn nhận TNHS dưới khía cạnh rộng và là do Nhà nước xác định khi một người thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến lợi ích chung của Nhà nước.

Ngoài ra, nhiều sách chuyên khảo, tham khảo về luật hình sự cũng đã đề cập đến vấn đề TNHS (nói chung) như: Cuốn sách "*Principles of Criminal Law*" (Các

nguyên tắc của luật hình sự) của tác giả Ashworth (Nxb Oxford University Press, Inc., 1995) [124, tr. 23]; cuốn sách "*General Principles Of Criminal Law*" (Các nguyên tắc chung của luật hình sự) của tác giả Jerome Hall (Nxb. Bobbs Merrill Company, 1947, tái bản năm 1960 và 2005) [131, tr. 24-25]; v.v... Các công trình này đã đề cập khái quát đến các vấn đề nguyên tắc và chính sách liên quan đến PLHS, TNHS và việc vận dụng các nguyên tắc trong xây dựng, áp dụng pháp luật của các cơ quan lập pháp, Tòa án, cũng như của cơ quan cải cách pháp luật. Nội dung các vấn đề thuộc về TNHS được cụ thể hóa trong các vấn đề như tội phạm, hình phạt, đặc biệt trong các nguyên tắc của TNHS có nguyên tắc cá thể hóa TNHS phục vụ cho việc xét xử của Tòa án, bảo đảm xử lý công bằng và phân hóa đối với các người phạm tội.

Cuốn sách "*Swedish Law in the New Millennium*" (Luật hình sự Thụy Điển trong giai đoạn mới) do GS. Michael Bogdan chủ biên (Norstedts Juridik, Printed in Sweden by Elanders Gotab, Stockholm, 2000) [128] cũng đã bao quát các vấn đề đặt ra trong PLHS Thụy Điển giai đoạn/kỷ nguyên mới, phân tích từ các nguyên tắc của luật hình sự (pháp chế, công bằng, nhân đạo, phân hóa...), phạm vi áp dụng, nguồn của luật hình sự đến việc thực hiện TNHS, hệ thống hình phạt và người chưa thành niên; v.v... Hình thức của TNHS được tập thể tác giả phân tích thông qua học thuyết về hình phạt và hệ thống hình phạt, mức độ TNHS được đề cập thông qua việc làm sáng tỏ nội dung và điều kiện áp dụng của từng loại hình phạt trong BLHS nước này.

Ngoài ra, tiếp cận dưới góc độ TNHS đối với tội phạm cụ thể, luận án tiến sĩ luật học: "*Trách nhiệm về tội giết người theo luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*" của tác giả Đặng Quang Phương (bảo vệ năm 1990 tại Taskent, Cộng đồng các quốc gia thuộc Liên Xô cũ) cũng là công trình nghiên cứu tương đối toàn diện về TNHS đối với một tội phạm cụ thể là tội giết người theo luật hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nghiên cứu theo quy định của BLHS năm 1985 và đề xuất kiến nghị hoàn thiện về TNHS đối với tội phạm này [Dẫn theo: 26, tr. 15].

Nói chung, các công trình, sách chuyên khảo đều nhận thức chung thống nhất về nội hàm khái niệm TNHS và các đặc điểm cơ bản của TNHS, cũng như phản ánh sự thể hiện nội dung của TNHS xuyên suốt các quy định của luật hình sự. Tuy nhiên, đáng chú ý là cuốn sách chuyên khảo "*Criminal Law*" (luật hình sự)

(Published and bound in Canada by Love Printing Service Ltd, 1996) của TS. Kent Roach đã nêu một khái niệm về TNHS rất mới. Theo đó, tác giả quan niệm TNHS là sự phản ứng hay sự lên án của Nhà nước (và xã hội) đối với người thực hiện hành vi phạm tội và thể hiện ở bản án mà trong đó họ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế để tước bỏ hoặc hạn chế các quyền hay lợi ích nhất định..." [127, tr. 7-8; 29]. Quan điểm này có điểm mới khi chỉ ra rằng, TNHS là sự phản ứng hay sự lên án của Nhà nước (hay và xã hội) đối với người thực hiện hành vi phạm tội, điểm khác biệt với các quan điểm khác còn lại. Tuy nhiên, sự lên án của Nhà nước cũng phản ánh sự phản ứng của xã hội đối với người thực hiện tội phạm. Hơn nữa, sự phản ứng của Nhà nước thể hiện ở bản án mà trong đó họ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế để tước bỏ hoặc hạn chế các quyền hay lợi ích nhất định.

1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu trực tiếp về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Qua nghiên cứu, khảo sát các công trình nghiên cứu trực tiếp về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong luật hình sự Việt Nam ở ngoài nước nghiên cứu sinh nhận thấy là *chưa có công trình nào*. Tuy nhiên, ở một mức độ gián tiếp cũng có một số công trình, sách chuyên khảo đề cập đến một hoặc một số tội phạm tương tự như các tội phạm trong Chương XX BLHS nước ta.

Cuốn sách "*Criminal Law*" (Luật hình sự) của các tác giả Stephen A. Saltzbufg, John L. Diamond, Kit Kinports và Thomas H. Morawetz (xuất bản bởi The Michie Company, Law Publishers, 1994). Cuốn sách đề cập đến rất nhiều vấn đề của khoa học luật hình sự bao gồm cả Phần chung và Phần các tội phạm BLHS như: Cấu trúc và nguồn gốc của luật hình sự; các khía cạnh của luật hình sự; cơ sở của hình phạt, lỗi trong luật hình sự, các giai đoạn phạm tội và đồng phạm; các tội xâm phạm đến công cộng, sở hữu, trật tự xã hội; trộm cắp, cướp tài sản, vấn đề phạm tội chưa đạt, hệ thống tư pháp và việc giam giữ, quản lý nhà tù. Riêng về các tội xâm phạm đến trật tự công cộng cũng có đề cập đến tội chống lại người thi hành công vụ là *Tội chống lại nhân viên nhà nước*, trong đó xử lý nghiêm minh người nào chống lại nhân viên Nhà nước thi hành công vụ [129, tr. 6].

Bên cạnh đó, các cuốn sách chuyên sâu như: "*Criminal Law*" (Luật hình sự) của các tác giả Joshua Dressler, Frank R., Michael E. (Moritz College of Law, The Ohio State University, Second Edition, 2005) [139, tr. 6] hoặc cuốn sách: "*Criminal Law: A Desk Reference*" [142, tr. 7] (Luật hình sự: tham khảo bàn luận) của tác giả Paul Bergman, J.D. December 2013 (2nd Edition); v.v... cũng chỉ đề cập đến các vấn đề chung nhất của luật hình sự: Bản chất và nguồn gốc của luật hình sự, vấn đề tội phạm và TNHS, cũng như các vấn đề chung nhất của một số tội phạm trong Phần các tội phạm như: tội giết người, tội cướp tài sản, tội trộm cắp tài sản... đến các vấn đề như đồng phạm, chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, các trường hợp phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết. Việc đề cập trực tiếp đến TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là không có, tuy vậy, cũng chỉ đề cập qua *tội chống lại nhân viên nhà nước*, tương tự như tội chống người thi hành công vụ trong BLHS Việt Nam.

Ngoài ra, qua khảo sát nghiên cứu sinh cũng nhận thấy, một số tội phạm cụ thể tương ứng như các tội phạm trong Chương XX - Các tội xâm phạm TTQLHC của BLHS Việt Nam cũng đã được đề cập trong sách chuyên khảo. Chẳng hạn, về tội chống người thi hành công vụ được đề cập trong một số sách chuyên khảo về luật hình sự và là một tội phạm cụ thể trong BLHS nhiều nước. Đáng chú ý là cuốn sách chuyên khảo "*Criminal Law*" (Luật hình sự) của tác giả Joycelyn M. Pollock, 2005 [132, tr. 6]. Trong đó có đề cập đến *tội chống lại, cản trở, ép buộc người thi hành công vụ* với các thủ đoạn dùng bạo lực, đe dọa dùng bạo lực mà tấn công, ép buộc, cản trở người đó thực hiện hoạt động công vụ theo yêu cầu của người phạm tội hoặc nhằm mục đích trả thù hành vi đó, cần phải bị xử lý bằng PLHS, nguyên nhân phạm tội; mối tương quan với các tội phạm khác như tội giết người, tội cố ý gây thương tích, tội gây rối trật tự công cộng và các biện pháp xã hội - quản lý để phòng ngừa tội phạm [132, tr. 6].

Còn tội làm lộ bí mật Nhà nước lại được đề cập trong công trình nghiên cứu là báo cáo: "*The State Secrets Privilege: Preventing the Disclosure of Sensitive National Security Information During Civil Litigation*" (Những bí mật Nhà nước: Việc ngăn chặn công bố các thông tin về an ninh trong các tranh tụng dân sự) của Todd Garvey và Edward C. Liu (Xem: [Http://fas.org/sgp/crs/secretcy/R41741.pdf](http://fas.org/sgp/crs/secretcy/R41741.pdf),

16/6/2011). Theo đó, bí mật nhà nước đặc quyền là một đặc ân chứng cứ về phương diện pháp lý. Vì vậy, nếu tiết lộ sẽ bị xử lý nghiêm khắc, vì điều đó sẽ làm tổn hại đến an ninh quốc gia. Tòa án tối cao đã đặt ra một quy trình hai bước để được sử dụng bí mật Nhà nước trong hoạt động tranh tụng dân sự.

Hoặc trong cuốn sách chuyên khảo: "*Secrecy, Law and Society*" (Bí mật, luật và xã hội) của ba tác giả là Greg Martin, Rebecca Scott Bray và Miiko Kumar, 2009 [136, tr. 5]. Nội dung cuốn sách đề cập chung dưới khía cạnh xã hội và pháp lý các vấn đề liên quan đến xã hội, pháp luật, bí mật công tác, bí mật Nhà nước, trách nhiệm của người giữ bí mật, cách thức, phương thức bảo vệ bí mật... Đặc biệt, công trình lại tập trung khía cạnh xã hội học khi tiếp cận vị trí, vai trò của các dạng bí mật trong mối quan hệ chung với việc bảo đảm an toàn, trật tự xã hội. Ngoài ra, cuốn sách còn đề cập đến việc tiết lộ bí mật của bác sĩ, dược sĩ, người bán thiết bị y tế, dược phẩm, nữ hộ sinh, luật sư, người bào chữa, công chứng viên, hoặc những người đã từng làm những nghề này, thậm chí cả những người giữ chức vụ tôn giáo, người tế lễ... [136, tr. 6-9] không có lý do chính đáng mà tiết lộ bí mật của người khác sẽ bị xử lý nghiêm minh.

Như vậy, các công trình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước đã hình thành hệ thống lý thuyết về TNHS và cơ sở TNHS. Kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học được triển khai làm cơ sở cho những nghiên cứu về TNHS đối với các nhóm tội phạm cụ thể. Mặc dù, chưa có công trình nào nghiên cứu tổng thể, chi tiết về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC nhưng các công trình nghiên cứu nêu trên thực sự là cơ sở để nghiên cứu sinh triển khai đề tài của mình.

1.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

Như vậy, khi thực hiện đề tài nghiên cứu sinh tiếp thu các kết quả nghiên cứu liên quan và đặt ra nhiệm vụ tiếp tục nghiên cứu những vấn đề sau:

Thứ nhất, từ cơ sở lý luận và kết quả các nghiên cứu về TNHS, cơ sở TNHS của các công trình trong nước và ngoài nước, tác giả luận án sẽ nghiên cứu cơ sở, đặc điểm của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC từ đó xây dựng khái niệm khoa học về TNHS đối với các tội phạm này.

Cũng trong quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh còn đề cập đến những nội dung liên quan như: hệ thống hóa lịch sử vấn đề và nghiên cứu so sánh quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong BLHS một số nước trên thế giới để rút ra nhận xét, đánh giá đồng thời phân tích các điều kiện xã hội và yêu cầu của tình hình đấu tranh, phòng ngừa tội phạm tác động đến việc quy định TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC như thế nào.

Thứ hai, trên cơ sở lý luận và quy định của BLHS, nghiên cứu sinh làm rõ nội dung, đặc điểm của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, đặc biệt cần làm sáng tỏ cơ sở của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC với các cách tiếp cận khác nhau (về nội dung, hình thức và pháp lý), đồng thời làm rõ những hình thức của TNHS đối với các tội phạm này (thể hiện qua hình phạt và các biện pháp tư pháp). Những nội dung này được phân tích, lập luận, đánh giá rút ra những ưu điểm và hạn chế của quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, từ đó tác động đến quá trình quản lý nhà nước ở Việt Nam.

Thứ ba, thực tiễn áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong những năm vừa qua (2005 - 2015) là nhiệm vụ đặt ra khi nghiên cứu luận án. Kết quả nghiên cứu được đối chiếu với lý luận về TNHS để chỉ ra những bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật để làm cơ sở cho các kiến nghị tiếp tục hoàn thiện PLHS.

Thứ tư, luận chứng, đề xuất kiến nghị bằng việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, gắn liền với chính sách hình sự của Nhà nước, cũng như phục vụ yêu cầu triển khai thi hành BLHS năm 2015.

Thứ năm, đưa ra các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng và chính xác quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC dưới góc độ thực tiễn xét xử (thi hành) để giải pháp tiếp tục hoàn thiện BLHS có tính khả thi và hiệu quả cao nhất.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tóm lại, qua nghiên cứu Chương 1 luận án, nghiên cứu sinh rút ra một số kết luận chung sau đây:

1. Quản lý hành chính là chức năng cơ bản và là bộ phận quan trọng nhất của hoạt động quản lý xã hội. Các quy phạm về TTQLHC đa dạng, phong phú. Ở các mức độ khác nhau, để bảo đảm sự ổn định, trật tự quản lý, an toàn xã hội, Nhà nước đã quy định xử lý các hành vi xâm phạm đến TTQLHC bằng cả biện pháp pháp lý hành chính lẫn biện pháp pháp lý hình sự. Với việc ban hành BLHS năm 2015 là một bước tiến quan trọng của PLHS nói chung và các tội xâm phạm TTQLHC nói riêng, làm cơ sở để Tòa án áp dụng đúng đắn TNHS đối với người phạm tội, qua đó, bảo đảm xử lý TNHS đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, tạo niềm tin vào công lý, vào pháp chế XHCN cho quần chúng nhân dân.

2. Trách nhiệm hình sự được xem là một trong những chế định trung tâm và cơ bản nhất của luật hình sự Việt Nam. Theo đó, mức độ và sự thể hiện của các nguyên tắc cơ bản như: pháp chế, nhân đạo, dân chủ, công bằng, tôn trọng và bảo vệ quyền con người phụ thuộc chủ yếu vào việc giải quyết vấn đề TNHS [15, tr. 603]. Chính vì vậy, đề cập đến TNHS nói chung đã được nhiều nhà khoa học - luật gia luật hình sự nước ta đề cập ở các mức độ khác nhau.

3. Đánh giá tình hình nghiên cứu ở trong nước cho thấy, đề cập về chủ đề này, tuy các tác giả đã đạt được những thành quả nhất định nhưng chủ yếu là bình luận, nghiên cứu về khái niệm, các dấu hiệu pháp lý hình sự và hình phạt; tình tiết định khung, định tội hoặc đề cập đến một số tội danh cụ thể tại các điều 257, 258, 263, 264 BLHS nhưng ở khía cạnh pháp lý hình sự trong nhóm tội xâm phạm TTQLHC, mà chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về lý luận, thực tiễn và tiếp cận về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC. Bên cạnh đó, nghiên cứu tình hình nghiên cứu ở nước ngoài cho thấy, các công trình nghiên cứu trực tiếp về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC ở nước ngoài là không có. Tuy nhiên, ở một mức độ gián tiếp cũng có một số công trình, sách chuyên khảo đề cập đến một hoặc một vài tội tương quan như các tội phạm trong Chương XX BLHS Việt Nam và cũng dưới khía cạnh pháp lý hình sự hoặc xã hội học.

Do đó, việc làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1.1. Quan niệm về trách nhiệm hình sự

Để làm sáng tỏ nội dung TNHS đối với một nhóm tội phạm cụ thể không thể bỏ qua việc tìm hiểu những vấn đề chung nhất về TNHS.

** Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của TNHS*

Trước hết, "*trách nhiệm hình sự*" là một thuật ngữ của khoa học luật hình sự. Theo đó, bên cạnh hai khái niệm cơ bản và quan trọng nhất là tội phạm và hình phạt, thì khái niệm TNHS cũng có ý nghĩa pháp lý, xã hội, vì cùng với nhau, những khái niệm này là cơ sở lý luận để xây dựng và nhận thức nội hàm các khái niệm và phạm trù khác trong khoa học luật hình sự [114, tr. 219].

Trách nhiệm hình sự là hình thức nghiêm khắc nhất của trách nhiệm pháp lý, vì thế không có hình thức trách nhiệm pháp lý nào có thể thay thế TNHS.

Trách nhiệm hình sự xuất hiện trên cơ sở quan hệ PLHS có thể được thực hiện thông qua hình thức của các quan hệ pháp luật tố tụng hình sự và quan hệ pháp luật thi hành án hình sự. TNHS chỉ xuất hiện khi việc hiện tội phạm xảy ra và chỉ áp dụng đối với người thực hiện hành vi phạm tội nếu người đó có đủ những điều kiện do luật định (tuổi chịu TNHS, năng lực hành vi). TNHS luôn thể hiện trong việc áp dụng những biện pháp cưỡng chế đối với bị truy cứu TNHS. Những biện pháp cưỡng chế này do các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng còn hình phạt thì chỉ có Tòa án nhân dân Nhà nước mới có thẩm quyền quyết định trong bản án kết tội [135, tr. 23].

Trách nhiệm hình sự cũng có mối quan hệ với các khái niệm khác như tội phạm, hình phạt, miễn TNHS, loại trừ TNHS, miễn hình phạt... Do đó, giải quyết rõ ràng, dứt khoát và chính xác vấn đề TNHS trong những trường hợp khác nhau và cụ

thể đó đối với người phạm tội sẽ tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, TTQLHC, cũng như các lợi ích của Nhà nước, của xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

Hiện nay, như đã đề cập trong Chương 1 của luận án, có nhiều quan điểm và cách tiếp cận đa dạng, khác nhau về TNHS, tuy nhiên, về cơ bản trong khoa học luật hình sự Việt Nam, TNHS được hiểu thống nhất là *một dạng của trách nhiệm pháp lý, là hệ quả pháp lý bắt buộc của việc thực hiện tội phạm, đồng thời được thể hiện bằng việc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do BLHS đối với người phạm tội* [15, tr. 611]. Trên cơ sở đó, những đặc điểm cơ bản của TNHS được phản ánh thống nhất qua các đặc trưng sau đây [5, tr. 314], [10, tr. 88-90], [38, tr. 122], [40, tr. 6-7], [114, tr. 200], [118, tr. 114-115]:

Một là, TNHS là dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất so với bất kỳ dạng trách nhiệm pháp lý nào khác.

Hai là, TNHS là sự lên án của Nhà nước đối với người thực hiện tội phạm (vừa qua BLHS năm 2015 đã quy định cả pháp nhân thương mại) bằng việc quy định các biện pháp cưỡng chế về hình sự để áp dụng đối với người đó.

Ba là, TNHS là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm, đồng thời chỉ phát sinh khi có sự việc phạm tội. Cho nên, TNHS chỉ được thực hiện trong phạm vi của quan hệ PLHS giữa hai bên với tính chất là hai chủ thể có các quyền và nghĩa vụ nhất định - một bên là Nhà nước, còn bên kia là người phạm tội.

Bốn là, TNHS mang tính chất cá nhân và chỉ được áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm. Pháp nhân đã được quy định là chủ thể của tội phạm trong BLHS năm 2015, song đối với các tội xâm phạm TTQLHC, pháp nhân không được quy định là chủ thể của nhóm tội phạm này.

Năm là, TNHS mang tính chất công - chỉ có Nhà nước mới có quyền buộc người phạm tội phải chịu TNHS và TNHS của họ ở đây là trước Nhà nước.

Sáu là, TNHS có mối quan hệ chặt chẽ với hình phạt. Hình phạt là dạng đặc trưng, điển hình và phổ biến do Tòa án áp dụng trên thực tế của TNHS

** Cơ sở và những điều kiện của TNHS*

Trước hết, *cơ sở của TNHS* là một trong những vấn đề rất quan trọng trong luật hình sự và của nội dung quan trọng của TNHS.

Cơ sở của TNHS được nghiên cứu dưới nhiều góc độ, tập trung nhất là góc độ *triết học* và góc độ *pháp lý*. Bởi vì, cơ sở của TNHS chính là căn cứ pháp lý chung rất quan trọng, mà dựa vào đó, các cơ quan, chủ thể có thẩm quyền của Nhà nước mới đặt ra vấn đề TNHS của một người nào đó trên thực tế vì đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm. Do đó, khi quy định và giải quyết đúng đắn và nhận thức chính xác cơ sở của TNHS sẽ góp phần triển khai tốt được chính sách hình sự và các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam [114, tr. 230]. Đây là nội dung phản ánh trực tiếp và xuyên suốt mọi nội dung trong BLHS, vì suy cho cùng, giải quyết TNHS của người phạm tội, trước tiên và quan trọng đó là vấn đề *cơ sở* của TNHS.

Trách nhiệm hình sự chỉ được đặt ra đối với hành vi của con người. Điều 2 BLHS quy định về cơ sở của TNHS quy định: "*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*". Sau đó, BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm khoản 2: "*Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự*". Như vậy, từ nội dung điều luật này có thể chỉ ra các đặc điểm của cơ sở pháp lý của TNHS bao gồm:

Thứ nhất, chỉ người nào phạm *một tội* đã được BLHS quy định mới phải chịu TNHS, "*người nào*" - chủ thể đó là con người cụ thể, có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu TNHS. Ngoài ra, cũng chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu TNHS.

Thứ hai, tội phạm *duy nhất* chỉ được quy định trong BLHS, không quy định trong văn bản pháp luật nào khác. Đây là nội dung phản ánh rõ nét nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa và nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam, cũng như loại trừ việc áp dụng nguyên tắc tương tự trong luật hình sự.

Thứ ba, trước đây TNHS theo luật hình sự nước ta là trách nhiệm *cá nhân* và chỉ được áp dụng đối với bản thân một người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm. Trong BLHS năm 2015, nhà làm luật bổ sung thêm chủ thể của tội phạm là "*pháp nhân thương mại*" thực hiện một trong các tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu TNHS trên những cơ sở chung.

Trên cơ sở pháp lý của TNHS được các nhà làm luật nước ta quy định trong Điều 2 BLHS, khoa học luật hình sự đã chỉ ra những *điều kiện* của TNHS của cá nhân bao gồm: Người đó phải là người có năng lực TNHS, đủ tuổi chịu TNHS và thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi được thực hiện phải bị PLHS quy định là tội phạm, đồng thời người đó phải có lỗi trong việc thực hiện hành vi đó [9, tr. 30]. Những điều kiện (cụ thể) của TNHS ở một góc độ chung chúng có thể được xem là đồng nhất với các đặc điểm cơ bản của tội phạm.

2.1.2. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong luật hình sự Việt Nam

** Khái niệm các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*

Các quy phạm về TTQLHC cũng rất đa dạng, có quy định do Chính phủ ban hành, có quy định do các Bộ ban hành; cũng có quy định do chính quyền địa phương ban hành... Ở các mức độ khác nhau, nếu vi phạm tùy mức độ mà người vi phạm TTQLHC phải chịu trách nhiệm hành chính hay TNHS tương ứng.

Trách nhiệm hình sự một vấn đề quan trọng và xuyên suốt trong quá trình giải quyết bất kỳ một vụ án nào, làm rõ sự công minh, không làm oan và góp phần thực hiện tốt chính sách hình sự [127, tr. 10]. Tương tự, trước khi làm sáng tỏ TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC không thể thiếu đề cập đến khái niệm chung về các tội phạm này.

Hiện nay, về *khái niệm các tội xâm phạm TTQLHC* trong các Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm) và các sách báo pháp lý, dưới góc độ khoa học, các tội xâm phạm TTQLHC cũng đã được đề cập bởi các nhà nghiên cứu lý luận, thực tiễn khác nhau. Chẳng hạn, có quan điểm nêu: "Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính là các hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm một nhóm quan hệ xã hội cùng tính chất là trật tự quản lý hành chính, tức là xâm phạm hoạt động đúng đắn và bình thường của các cơ quan nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các

cơ quan này" [53, tr. 296]; hoặc "Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định tại Chương XX của Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý hành chính" [118, tr. 520]; v.v... Nói chung, các quan điểm trên đều phản ánh nội hàm khái niệm các tội xâm phạm TTQLHC. Tuy nhiên, ở chừng mực nhất định, có quan điểm lại chưa đề cập đến yếu tố "*chủ thể của tội phạm*" hay có đề cập nhưng lại chưa nhắc đến dấu hiệu "*đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự*" của chủ thể; hoặc có quan điểm trong khái niệm các tội xâm phạm TTQLHC chưa khẳng định rõ *khách thể* của tội phạm này - có nghĩa, các tội phạm này xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về TTQLHC. Vì vậy, dưới góc độ khoa học, khái niệm đang nghiên cứu có thể được định nghĩa như sau: *Các tội xâm phạm TTQLHC là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do những người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm các quy định của Nhà nước về TTQLHC.*

** Khái niệm TNHS đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*

Trong khi đó, nghiên cứu khái niệm TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC chưa được đề cập trong các sách báo pháp lý hình sự trong và ngoài nước. Do đó, để làm sáng tỏ khái niệm này, từ các cách tiếp cận khác nhau về khái niệm TNHS (nói chung), nghiên cứu sinh tiếp cận và đưa ra khái niệm TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC theo các nghĩa tương ứng để phân tích. Bởi lẽ, việc áp dụng TNHS chính xác đối với người phạm tội có mục đích rất quan trọng mang tính chất chính trị - xã hội, - "đó là nhằm từng bước hạn chế, đẩy lùi và tiến tới thủ tiêu tình trạng phạm tội và những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm..." [65, tr. 12].

Trước hết, có quan điểm về TNHS của TS. Kent Roach rất rộng và tiếp cận dưới góc độ xã hội học: "Trách nhiệm hình sự là sự phản ứng hay sự lên án của Nhà nước (và xã hội) đối với người thực hiện hành vi phạm tội và thể hiện ở bản án mà trong đó họ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế để tước bỏ hoặc hạn chế các quyền hay lợi ích nhất định..." [127, tr. 7-8; 29].

Như vậy, tiếp cận TNHS theo nghĩa này, thì *TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC được hiểu là sự phản ứng hay sự lên án của Nhà nước (và xã hội) đối với*

người thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC và thể hiện ở bản án mà trong đó họ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế để tước bỏ hoặc hạn chế các quyền hay lợi ích nhất định.

Quan điểm này có điểm mới khi chỉ ra TNHS là sự phản ứng hay sự lên án của Nhà nước (hay và) xã hội đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, sự lên án của Nhà nước cũng phản ánh sự phản ứng của xã hội đối với người thực hiện tội phạm. Hơn nữa, sự phản ứng của Nhà nước đã thể hiện ở bản án mà trong đó người phạm tội xâm phạm TTQLHC bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế để tước bỏ hoặc hạn chế các quyền hay lợi ích nhất định.

Ngoài ra, quan điểm này mặc dù khẳng định đúng việc "*trách nhiệm hình sự phải thể hiện trong bản án*" vì rõ ràng, phán quyết về sinh mệnh chính trị của một con người không gì bảo đảm bằng việc đưa ra một bản án công minh, có căn cứ và đúng pháp luật, tuy nhiên, quan điểm này lại chưa thể hiện rõ bản án do Tòa án là cơ quan có thẩm quyền áp dụng TNHS và được thể hiện thông qua các biện pháp cưỡng chế về hình sự.

Tương tự, quan điểm khác nêu cụ thể hơn: "Trách nhiệm hình sự là sự phản ứng của *Nhà nước* đối với người thực hiện tội phạm, thể hiện tập trung ở sự áp dụng *hình phạt* với chủ thể đó. Người phạm tội phải gánh chịu những hậu quả nhất định" [97, tr. 157].

Như vậy, tiếp cận TNHS theo nghĩa này, thì *TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC được hiểu là sự phản ứng của Nhà nước đối với người thực hiện các tội xâm phạm TTQLHC, thể hiện tập trung ở việc áp dụng hình phạt với các chủ thể đó. Người phạm tội phải gánh chịu những hậu quả nhất định từ việc thực hiện các tội xâm phạm TTQLHC.*

Quan điểm này có điểm tiến bộ như cách tiếp cận của TS. Kent Roach ở trên khi nêu bật một vấn đề đó là sự phản ứng của Nhà nước đối với người thực hiện tội phạm, đồng thời chỉ ra việc người phạm tội phải gánh chịu những hậu quả nhất định từ việc thực hiện các tội xâm phạm TTQLHC, nhưng lại chỉ nhấn mạnh sự thể hiện tập trung *nhất* ở việc áp dụng hình phạt đối với chủ thể đó là chưa hoàn toàn chính xác, vì ngoài việc có thể áp dụng hình phạt ra, thì trên thực tế, trong một số trường

hợp người phạm tội chỉ bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế về hình sự khác (như miễn hình phạt, áp dụng một trong các biện pháp tư pháp; v.v...) đối với những người phạm tội xâm phạm TTQLHC.

Quan điểm khác tiếp cận dưới góc độ tổ tụng hình sự lại cho rằng: "Trách nhiệm hình sự xuất hiện tại thời điểm xác định cấu thành tội phạm còn văn bản tổ tụng xác định điểm khởi đầu của trách nhiệm hình sự chính là quyết định khởi tố bị can". Quan điểm này đưa ra lập luận rằng TNHS luôn cụ thể và có tính cá nhân, là trách nhiệm của người đã thực hiện hành vi tội phạm có đủ tuổi và năng lực hành vi vì thế TNHS chỉ xuất hiện khi xác định chính thức cá nhân được xem là người thực hiện hành vi tội phạm tức là khi khởi tố bị can [133, tr. 27-28].

Như vậy, tiếp cận TNHS theo nghĩa này, thì *TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC xuất hiện tại thời điểm xác định cấu thành tội phạm còn văn bản tổ tụng xác định điểm khởi đầu của TNHS chính là quyết định khởi tố bị can đối với các đối tượng phạm các tội xâm phạm TTQLHC*. Tiếp cận như vậy là dưới góc độ luật tổ tụng hình sự và xác định thông qua căn cứ là quyết định khởi tố bị can, thu hẹp thời điểm phát sinh TNHS, đồng thời, nội hàm của khái niệm TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC chưa được làm sáng tỏ dưới khía cạnh luật hình sự.

Ngoài ra, có quan điểm khác tiếp cận TNHS dưới cả góc độ TNHS và hình phạt lại cho rằng: "Trách nhiệm hình sự là việc thực hiện chế tài pháp lý hình sự, phát sinh từ khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội" [103, tr. 59].

Như vậy, tiếp cận TNHS theo nghĩa này, thì *TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC được hiểu là việc thực hiện chế tài pháp lý hình sự, TNHS phát sinh từ khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội xâm phạm TTQLHC*.

Tuy nhiên, nghiên cứu sinh cho rằng, quan điểm này chưa thật chính xác vì đã thu hẹp nội dung của TNHS, đồng thời đã đồng nhất nội hàm của TNHS với hình phạt, xem việc áp dụng TNHS cũng chính là hình phạt. Rõ ràng và đương nhiên TNHS là khái niệm có nội hàm rộng hơn hình phạt. TNHS là hậu quả pháp lý bất lợi của việc thực hiện tội phạm và được thể hiện bằng việc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do BLHS quy định đối với người phạm tội, còn hình phạt chỉ là một trong những biện pháp cưỡng chế chủ yếu và là một dạng đặc trưng, điển hình

và áp dụng phổ biến của TNHS mà thôi. Ngoài ra, trong trường hợp miễn hình phạt, TNHS lại được thể hiện bằng bản án kết tội của Tòa án mà không có việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Cho nên, với việc có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật, "*người phạm tội*" bị coi là "*người có tội*" vì bị Tòa án nhân danh Nhà nước kết án vì họ đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm, mặc dù ở đây người này có TNHS, nhưng lại không bị Tòa án quyết định hình phạt - không áp dụng hình phạt nào trong hệ thống hình phạt do BLHS quy định mà được miễn hình phạt. Do đó, không thể coi TNHS phát sinh từ khi áp dụng *hình phạt* đối với người phạm tội [114, tr. 222]. Tương ứng, logic đương nhiên là không thể coi TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC phát sinh từ khi áp dụng hình phạt đối với người phạm các tội phạm này, vì trên thực tế, người phạm tội một trong các tội phạm này có thể được Tòa án miễn hình phạt, miễn TNHS trên những cơ sở chung; v.v...

Ngoài ra, có tác giả nghiên cứu sâu về TNHS định nghĩa:

Trách nhiệm hình sự là một dạng trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước do việc người đó thực hiện tội phạm và là kết quả của việc áp dụng các quy phạm PLHS, được thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật và một số biện pháp cưỡng chế hình sự khác do luật hình sự quy định [47, tr. 45-46].

Tiếp cận TNHS theo nghĩa này, thì *TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC được hiểu là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước do việc người đó thực hiện các tội xâm phạm TTQLHC và là kết quả của việc Tòa án áp dụng các quy phạm PLHS đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC.*

Như vậy, khái niệm về TNHS này cũng đã bao quát và được xây dựng dựa trên cơ sở sự tổng hợp các đặc điểm cơ bản cấu thành của nó bao gồm: TNHS là hậu quả pháp lý của việc thực hiện hành vi bị BLHS coi là tội phạm; TNHS là trách nhiệm của cá nhân người phạm tội; TNHS được thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật và TNHS là trách nhiệm trước Nhà nước chứ không phải là trách nhiệm trước cá nhân người bị hại hoặc trước cơ quan, tổ chức nào. Cho nên,

kết quả ở đây chính là việc Tòa án áp dụng các quy phạm PLHS đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC.

Đặc biệt, có quan điểm lại tiếp cận khái niệm về TNHS theo nghĩa tổng thể (nghĩa rộng) và nghĩa trực tiếp.

Theo nghĩa *tổng thể*, TNHS bao gồm hai mặt đan xen thống nhất là:

1) Thực hiện trách nhiệm hình sự từ phía Nhà nước và; 2) Chịu trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Trách nhiệm hình sự thực chất là nội dung của mối quan hệ giữa Nhà nước và người phạm tội, phát sinh từ thời điểm tội phạm được thực hiện, và được cụ thể hóa bằng các quyền và nghĩa vụ của Nhà nước và người phạm tội [40, tr. 5-8].

Do đó, tiếp cận TNHS theo nghĩa này, thì *TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là tổng hợp các quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể tham gia quan hệ PLHS - phát sinh trên cơ sở một hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC được thực hiện. Các bên chủ thể tham gia quan hệ PLHS này, cũng như các quan hệ PLHS nói chung là Nhà nước và người phạm tội xâm phạm TTQLHC.*

Như vậy, Nhà nước và người phạm tội đồng thời là hai bên chủ thể của TNHS. Nhà nước là bên thực hiện TNHS. Người phạm tội là bên chịu TNHS. Nhà nước, đại diện là các cơ quan tiến hành tố tụng có quyền truy tố, xét xử và buộc người phạm tội phải chịu hình phạt tương xứng khi phạm tội xâm phạm TTQLHC và có nghĩa vụ bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội không bị xâm phạm. Còn người phạm tội xâm phạm TTQLHC có nghĩa vụ phải chịu sự tác động của hoạt động truy cứu TNHS, của các biện pháp cưỡng chế Nhà nước, trong đó có biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất về hình sự là hình phạt do Tòa án áp dụng, nhưng cũng có quyền yêu cầu Nhà nước bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trên những giới hạn luật cho phép.

Bên cạnh đó, theo nghĩa *trực tiếp*, "trách nhiệm hình sự là nghĩa vụ của người phạm tội đối với Nhà nước do việc thực hiện hành vi phạm tội, bao hàm nghĩa vụ phải gánh chịu các hậu quả pháp lý bất lợi mà pháp luật quy định đối với hành vi phạm tội đó" [43, tr. 210].

Do đó, tương tự, thì *TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là nghĩa vụ của người phạm tội đối với Nhà nước phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi do việc đã thực hiện hành vi bị coi là tội phạm xâm phạm TTQLHC.*

Nghiên cứu sinh cho rằng khái niệm TNHS theo nghĩa trực tiếp không hề mâu thuẫn với khái niệm TNHS theo nghĩa rộng. Nghĩa vụ của người phạm tội phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi do việc đã thực hiện hành vi bị coi là tội phạm xâm phạm TTQLHC, đồng thời cũng chính là quyền và nghĩa vụ của Nhà nước buộc người phạm tội gánh chịu các hậu quả bất lợi đó. Tuy nhiên, cách tiếp cận và diễn đạt TNHS theo nghĩa trực tiếp không phản ánh được hết mối quan hệ giữa các bên chủ thể của TNHS. Khái niệm TNHS theo nghĩa rộng lại chưa phản ánh được nội dung trực tiếp của TNHS.

Ở đây, gắn với cách hiểu về TNHS theo nghĩa *trực tiếp*, thuật ngữ TNHS đối với các tội phạm xâm phạm TTQLHC chỉ mang tính quy ước và đã được sử dụng thành thông lệ trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn áp dụng PLHS. Thực chất đây là TNHS của người phạm tội xâm phạm TTQLHC.

Tóm lại, có thể đưa ra một cách diễn đạt về TNHS đối với các tội phạm xâm phạm TTQLHC vừa trực tiếp thể hiện nội dung cơ bản của TNHS vừa phản ánh được mối quan hệ giữa các bên chủ thể của TNHS, thông qua khái niệm cơ bản và tổng quát sau: *TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là nghĩa vụ pháp lý mà người đã thực hiện hành vi bị coi là tội phạm xâm phạm TTQLHC phải chịu, được thể hiện bằng bộ pháp luật ở nước có thẩm quyền áp dụng theo quy định của PLHS.*

** Những đặc điểm cơ bản của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC*

Từ khái niệm khoa học đã nêu, có thể chỉ ra những đặc điểm cơ bản của TNHS đối với các tội phạm xâm phạm TTQLHC như sau:

Một là, TNHS đối với các tội phạm xâm phạm TTQLHC là dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất so với bất kỳ dạng trách nhiệm pháp lý mà người thực hiện các tội phạm xâm phạm TTQLHC bị áp dụng.

Trách nhiệm pháp lý được đặt ra tùy theo tính chất vi phạm của hành vi đối với từng nhóm quan hệ xã hội khác nhau được pháp luật bảo vệ, mà nội dung bao gồm các loại như: TNHS, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm

kỷ luật; v.v... Vì vậy, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất so với bất kỳ dạng trách nhiệm pháp lý mà người vi phạm TTQLHC bị áp dụng theo các trình tự, thủ tục do luật định.

Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ đã quy định rõ việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình, trong đó có quy định xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến TTQLHC nhưng chưa đến mức truy cứu TNHS như: hành vi chống người thi hành công vụ; lợi dụng quyền tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng để lôi kéo, kích động người khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; v.v...

Hai là, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là sự lên án của Nhà nước đối với những người thực hiện tội xâm phạm TTQLHC bằng việc quy định các biện pháp cưỡng chế về hình sự để áp dụng đối với người đó.

Nhà nước quy định tội phạm và thể hiện nội dung TNHS trong luật với mức độ TNHS tương ứng với từng loại tội. Đối với các hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC, Nhà nước cũng quy định rõ sự phản ứng của mình bằng việc quy định hình phạt và các biện pháp cưỡng chế về hình sự khác để áp dụng đối với những người thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC, thể hiện tính pháp chế, tính công bằng và bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, các lợi ích của cơ quan, tổ chức và cũng chính các quyền hay lợi ích nhất định của người đã thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC.

Ba là, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm, TNHS chỉ phát sinh khi có sự việc phạm tội.

Ở đây, nếu không có việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị BLHS quy định là các tội xâm phạm TTQLHC thì không thể có TNHS. TNHS tồn tại khách quan mà không phụ thuộc vào việc các cơ quan hay người có thẩm quyền đã phát hiện được tội phạm và người phạm tội hay chưa [24, tr. 101]. Vì vậy, trong khoảng thời gian còn thời hiệu truy cứu TNHS, người phạm tội xâm phạm TTQLHC

phải chịu sự truy cứu TNHS từ phía Nhà nước, còn Nhà nước có quyền truy cứu TNHS người phạm các tội này trên cơ sở chung.

Bốn là, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC chỉ được thực hiện trong phạm vi của quan hệ PLHS giữa hai bên với tính chất là hai chủ thể có các quyền và nghĩa vụ nhất định - một bên là đại diện cho Nhà nước, còn bên kia là người phạm tội [15, tr. 611].

Cụ thể, Nhà nước, mà đại diện cho nó là các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền - có quyền xử lý người phạm tội, nhưng phải có nghĩa vụ chỉ được xử lý dựa trên căn cứ và trong các giới hạn, biên độ do pháp luật quy định và điều chỉnh; ngược lại, người phạm tội có nghĩa vụ phải chịu sự tước bỏ hoặc hạn chế quyền, tự do nhất định, nhưng đồng thời họ cũng có quyền yêu cầu sự tuân thủ nghiêm minh, đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật từ phía Nhà nước, từ phía các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền và từ các cán bộ thực thi pháp luật - đối với các quyền, tự do và lợi ích chính đáng của con người, của công dân theo đúng quy định của pháp luật. *Hai* nội dung (quyền và nghĩa vụ) thực hiện luôn luôn song hành với hai chủ thể của quan hệ PLHS là Nhà nước và người phạm tội [15, tr. 612].

Năm là, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC áp dụng đối với cá nhân người phạm tội.

Ở đây, TNHS đối với tội phạm nói chung, các tội xâm phạm TTQLHC mang tính chất cá nhân và chỉ được áp dụng đối với bản thân một người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm. Chủ thể của tội phạm là cá nhân người đã thực hiện tội phạm, có đủ năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS. Vừa qua, căn cứ vào điều kiện kinh tế - chính trị, xã hội, cũng như thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay, chúng ta mới chỉ thừa nhận TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC của cá nhân mà chưa coi pháp nhân là chủ thể của tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự như luật hình sự một số nước trên thế giới đã quy định (Hoa Kỳ, Pháp, Hà Lan, Bỉ; v.v...) [99, tr. 10-200]. BLHS năm 2015 đã quy định chủ thể của tội phạm là pháp nhân, song chỉ áp dụng đối với các tội phạm quy định tại Điều 76 Bộ luật này, không có nhóm tội phạm xâm phạm TTQLHC.

Sáu là, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC mang tính chất *công*.

Theo đó, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC mang tính chất công - chỉ có Nhà nước mới có quyền buộc người phạm tội phải chịu TNHS và ngược lại, TNHS của người phạm tội ở đây là trước Nhà nước, trước xã hội chứ không phải trước cơ quan, đơn vị hay cá nhân nào. Đồng thời, TNHS được thể hiện trong bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án áp dụng đối với người phạm tội một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do BLHS quy định. Bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án là cơ sở pháp lý quan trọng xác nhận một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm chính thức bị coi là "*có tội*". Nói một cách khác, đây là hậu quả pháp lý thể hiện một trong những nội dung quan trọng của TNHS, mà người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước, trước xã hội về hành vi của mình. Điều này cũng thể hiện tính cưỡng chế Nhà nước của TNHS. Tính cưỡng chế này được thực hiện bởi cơ quan duy nhất có thẩm quyền xét xử người phạm tội đó chính là Tòa án.

2.1.3. Ý nghĩa của việc quy định trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong luật hình sự Việt Nam

Như vậy, từ khái niệm và những đặc điểm cơ bản đã nêu có thể chỉ ra ý nghĩa của việc quy định TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC như sau:

Thứ nhất, góp phần bảo đảm pháp chế và xử lý nghiêm minh, kịp thời, công minh và đúng pháp luật các hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC.

Luật hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm hệ thống những quy phạm pháp luật, xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội (trong đó có hành vi xâm phạm hoạt động của cơ quan nhà nước) là tội phạm; quy định TNHS thông qua loại và mức hình phạt áp dụng đối với từng tội phạm cụ thể. Ngoài ra, luật hình sự còn là công cụ quan trọng để bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh phòng và chống mọi hành vi phạm tội, góp phần hoàn thành *hai* nhiệm vụ quan trọng nhất - xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN Việt Nam. Do đó, việc quy định các tội phạm này không chỉ bảo đảm pháp chế, mà còn

là cơ sở pháp lý để xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các hành vi xâm phạm đến TTQLHC và trật tự quản lý nhà nước.

Thứ hai, góp phần bảo đảm nguyên tắc công bằng, bình đẳng trong luật hình sự Việt Nam.

Với việc quy định TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC còn để bảo đảm nguyên tắc công bằng "ở việc không thoát khỏi trách nhiệm và sự tương xứng của trách nhiệm đối với hành vi vi phạm" [115, tr. 45]. Đối với tư pháp, công bằng là nền tảng để tồn tại như một nhà luật học danh tiếng (A.M.Jekovev, GS.TS. Võ Khánh Vinh dẫn) đã viết: "Thiếu sự cưỡng chế tư pháp hình sự sẽ không có sức mạnh, thiếu sự giáo dục tư pháp sẽ vô nhân đạo. Nhưng thiếu công bằng tư pháp nói chung sẽ không tồn tại" [115, tr. 47]. Nói một cách khác, một người thực hiện hành vi xâm phạm TTQLHC đến đâu, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đến thế nào thì có chế tài cụ thể và mức độ TNHS tương ứng. Trên cơ sở đó, góp phần bảo đảm cho BLHS thể hiện tinh thần chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống mọi tội phạm và thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục, cảm hóa, cải tạo người phạm tội trở thành người lương thiện; qua đó, bồi dưỡng cho mọi công dân tinh thần, ý thức làm chủ xã hội, ý thức tuân theo pháp luật, chủ động tham gia phòng ngừa tội phạm [72, tr. 14].

Thứ ba, xác định rõ ranh giới giữa tội phạm với hành vi vi phạm pháp luật khác và với các hành vi không phải là tội phạm, đồng thời phản ánh chính sách hình sự của Nhà nước đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

Như vậy, để làm cơ sở cho việc truy cứu TNHS đối với hành vi xâm phạm TTQLHC theo nguyên tắc chung - "Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự" [72, tr. 15]. Cho nên, về ý nghĩa pháp lý, thì việc quy định TNHS đối với các hành vi xâm phạm TTQLHC là cơ sở pháp lý để xử lý người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm hoạt động đúng đắn và bình thường của cơ quan nhà nước.

Như đã đề cập, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ đã quy định rõ việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng,

chống bạo lực gia đình, trong đó có quy định xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến TTQLHC nhưng chưa đến mức truy cứu TNHS như: hành vi chống người thi hành công vụ; lợi dụng quyền tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng để lôi kéo, kích động người khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; v.v... Quy định rõ TNHS đối với nhóm tội phạm này bằng các điều luật cụ thể, minh bạch để phân biệt với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực này.

Đặc biệt, thông qua việc "*quy định trong luật*" về các hình thức cưỡng chế đối với người thực hiện hành vi phạm một trong các tội xâm phạm TTQLHC sẽ tác động đến ý thức của nhân dân. Từ đó tác động tới tâm lý nhân dân tạo hiệu quả trong cảnh báo và răn đe nếu ai đó thực hiện hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn và bình thường của cơ quan nhà nước. Đặc biệt, việc truy cứu TNHS đối với người phạm một trong các tội xâm phạm TTQLHC là thông điệp cụ thể - "Nhà nước làm thật chứ không chỉ tuyên bố trong luật".

2.2. CƠ SỞ CỦA TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Cơ sở của TNHS là một trong những vấn đề rất quan trọng trong luật hình sự và của nội dung TNHS vì, cơ sở của TNHS chính căn cứ pháp lý rất quan trọng, mà dựa vào đó, các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền của Nhà nước mới đặt ra vấn đề TNHS của một người nào đó trên thực tế vì đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm. Do đó, "khi quy định và giải quyết đúng đắn và nhận thức chính xác cơ sở của trách nhiệm hình sự sẽ góp phần triển khai tốt được chính sách hình sự và các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam" [113, tr. 46]. Cho nên, "nếu chỉ thấy hành vi (hoặc biết hành vi) mà không thừa nhận các yếu tố khác về mặt chủ quan thì sẽ rơi vào hình thức chủ nghĩa, quy kết trách nhiệm tràn lan. Nhưng nếu chỉ vì yếu tố chủ quan mà truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ phạm vào đàn áp tư tưởng..." [105, tr. 43]. Đây là nội dung phản ánh trực tiếp và xuyên suốt mọi nội dung trong BLHS, vì suy cho cùng, giải quyết TNHS của người phạm tội, trước tiên và quan trọng đó là vấn đề *cơ sở* của TNHS. Điều này còn phản ánh nội dung "điểm khởi đầu của TNHS là thời điểm xảy ra tội phạm" [81, tr. 127].

Khi bàn về cơ sở TNHS, trong khoa học luật hình sự Việt Nam cũng có các quan điểm khác nhau về vấn đề này [42, tr. 113], [64, tr. 18], [105, tr. 43]. Tuy nhiên, từ cơ sở pháp lý quy định tại Điều 2 BLHS đối với cá nhân - "*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định thì mới phải chịu trách nhiệm hình sự*", dưới góc độ khoa học, nghiên cứu sinh tán thành với cách tiếp cận của GS. TSKH. Lê Văn Cẩm cho rằng, nên nghiên cứu vấn đề cơ sở của TNHS theo một hệ thống đầy đủ và chặt chẽ tương ứng với ba bình diện: về mặt nội dung hay *vật chất* (khách quan); về mặt hình thức (bên ngoài) và; về mặt quy phạm (pháp lý). Trên cơ sở này, tác giả đã chỉ ra và nghiên cứu sinh nêu lại như sau:

Một là, cơ sở khách quan của TNHS - là việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm (hay bị BLHS quy định là tội phạm);

Hai là, cơ sở hình thức của TNHS - là căn cứ chung, có tính chất bắt buộc và do luật hình sự quy định mà chỉ có và phải dựa vào đó các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có thể đặt ra vấn đề TNHS của người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm;

Ba là, cơ sở pháp lý (quy phạm) của TNHS - là hành vi nguy hiểm cho xã hội có đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể tương ứng được ghi nhận trong PLHS [15, tr. 627-632].

Như vậy, với cách tiếp cận trên, cơ sở của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC như sau:

Thứ nhất, bình diện thứ nhất - về mặt *nội dung* (vật chất), không phải tất cả những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến TTQLHC mà BLHS quy định là tội phạm thì đều là những tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC. Ví dụ: Hành vi giết người vì lý do công vụ của nạn nhân là hành vi xâm phạm đến cả quan hệ trong lĩnh vực TTQLHC nhưng không bị truy cứu về tội chống người thi hành công vụ mà sẽ bị truy cứu TNHS về tội giết người với tình tiết để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân. Còn những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến TTQLHC mà BLHS quy định là tội phạm thì đều là tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC.

Từ những lập luận nêu trên, về mặt nội dung, dưới góc độ khoa học, có thể đưa ra khái niệm *cơ sở khách quan* của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC như sau: *Cơ sở của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC.*

Thứ hai, bình diện *thứ hai* - về mặt *hình thức*, thì xuất phát từ việc phân tích khái niệm cơ sở hình thức của TNHS của các nhà khoa học, nghiên cứu sinh đồng tình với quan điểm của GS.TSKH. Lê Văn Cẩm (đã nêu) cho rằng, cơ sở hình thức của TNHS của các tội xâm phạm TTQLHC là căn cứ chung, có tính chất bắt buộc và do pháp luật quy định mà chỉ có và phải dựa vào đó, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử có thẩm quyền mới có thể đặt ra vấn đề TNHS của những người đã thực hiện các hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm TTQLHC mà BLHS quy định là tội phạm. Bởi lẽ, hành vi khách quan của mỗi tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC do PLHS quy định là căn cứ chung, yêu cầu bắt buộc đối với việc truy cứu TNHS những hành vi cụ thể xâm phạm TTQLHC thỏa mãn các dấu hiệu được mô tả trong PLHS. Ví dụ: Hành vi sửa chữa, làm sai lệch nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch và sử dụng giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng là hành vi sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức. Như vậy, "*hành vi sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức*" là căn cứ chung do PLHS quy định và chỉ có thể dựa vào đó mà có thể đặt vấn đề truy cứu TNHS các hành vi nêu trên về tội hành vi sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Do đó, dưới góc độ khoa học, có thể khái niệm *cơ sở hình thức* của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC như sau: *Cơ sở của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là căn cứ chung, có tính chất bắt buộc và do BLHS quy định mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải dựa vào đó để truy cứu TNHS người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm TTQLHC.*

Thứ ba, bình diện *thứ ba* - về mặt *pháp lý (quy phạm)*, cơ sở của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là những hành vi nguy hiểm cho xã hội có đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC được BLHS quy định. Như vậy, trên *cơ sở pháp lý* quy định tại Điều 2 BLHS, nghiên cứu sinh cho

rằng chỉ hành vi có đầy đủ các yếu tố cấu thành một tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC tại Chương XX - "*Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*" của BLHS mới bị truy cứu TNHS về loại tội phạm này.

Như vậy, từ việc chỉ ra *ba* bình diện khác nhau khi nghiên cứu về cơ sở của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC cho thấy rằng, cần thiết phải hoàn thiện không chỉ cơ sở của TNHS (nói chung), cơ sở của TNHS đối với các tội phạm TTQLHC (nói riêng), mà còn cần phải hoàn thiện TNHS và các dấu hiệu pháp lý hình sự (cụ thể) của các tội xâm phạm này trong BLHS. Do đó, trong phạm vi luận án này, nghiên cứu sinh tập trung làm rõ nội dung của bình diện *thứ ba* - về mặt *pháp lý (quy phạm)*, cơ sở của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

Cấu thành tội phạm chính là khuôn mẫu pháp lý của từng tội phạm cụ thể. Để xác định TNHS đối với một người đòi hỏi phải xác định được hành vi mà người đó thực hiện thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong luật hình sự. Cấu thành tội phạm "*là hình thức phản ánh tội phạm trong luật*" [42, tr. 115]. Nếu hành vi một người thực hiện không thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong luật hình sự thì người thực hiện hành vi không thể phải chịu TNHS về tội mà cấu thành tội phạm đó phản ánh. Do đó, nếu hành vi đã thực hiện không thỏa mãn một dấu hiệu nào đó của cấu thành tội phạm thì cũng có nghĩa là hành vi không thỏa mãn cấu thành của tội phạm đó. Nói một cách khác, cấu thành tội phạm "*là cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự*" [42, tr. 113]. Bởi lẽ, "*đó là những dấu hiệu do luật hình sự quy định; phải có đủ các dấu hiệu đó thì hành vi mới cấu thành tội phạm và; chỉ cần có những dấu hiệu đó, thì hành vi đó là tội phạm*" [117, tr. 113].

Cho nên, việc phân tích cơ sở của TNHS đối với các tội phạm xâm phạm TTQLHC thực chất là phân tích quy định của BLHS về các dấu hiệu pháp lý cấu thành tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC. Do đó, luận án tập trung phân tích, làm rõ các yếu tố và dấu hiệu pháp lý hình sự của nhóm tội xâm phạm TTQLHC được quy định tại Chương XX BLHS hiện hành với tư cách là cơ sở pháp lý của TNHS đối với nhóm tội phạm này.

Tóm lại, dưới góc độ khoa học, có thể đưa ra khái niệm cơ sở pháp lý của TNHS đối với các tội phạm này như sau: *Cơ sở của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC*

là cá u thành tội phạm cũ a nhữ ng tội xâm phạm TTQLHC đ ư ợ c ghi nhậ n trong BLHS.

2.2.1. Khách thể của các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Khách thể của tội phạm luôn mang tính giai cấp và là một phạm trù lịch sử, phản ánh nội dung chính trị - xã hội của tội phạm ở từng thời kỳ. Trong xã hội có giai cấp, Nhà nước bao giờ cũng thiết lập một hệ thống các quan hệ xã hội phù hợp với lợi ích của mình để bảo vệ bằng pháp luật, trong đó có PLHS.

Khách thể của tội phạm là yếu tố không tách rời của tội phạm, tội phạm bao giờ cũng xâm hại đến một hoặc một số quan hệ xã hội được Nhà nước xác định bảo vệ bằng luật hình sự, đồng thời còn là một căn cứ phân biệt tội phạm với những hành vi không phải là tội phạm. Khách thể của tội phạm có ý nghĩa là một trong các yếu tố bắt buộc và không thể thiếu trong cấu thành tội phạm. Do đó, trên cơ sở chung, khách thể của các tội xâm phạm TTQLHC là *khách thể loại của tội phạm*, tức là khách thể của một nhóm tội phạm trong BLHS.

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, nói chung, các quan điểm đều thống nhất xác định về khách thể của các tội xâm phạm TTQLHC. Chẳng hạn, "các tội ở chương các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính xâm phạm đến khách thể loại là hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Hành vi phạm tội sẽ làm cho công tác quản lý nhà nước bị khó khăn" [43, tr. 492]. Hoặc "khách thể của các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính là trật tự quản lý hành chính nhà nước, xâm hại đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan, tổ chức, làm giảm hiệu lực quản lý hành chính nhà nước" [10, tr. 625]; v.v... Từ những phân tích trên, chúng ta dễ dàng nhận diện khách thể của tội xâm phạm TTQLHC được xác định tại Điều 8 khoản 1 và tên gọi chung của nhóm tội được quy định tại Chương XX BLHS là các tội xâm phạm TTQLHC.

Bên cạnh đó, về kỹ thuật lập pháp, BLHS Việt Nam phân nhóm các tội phạm theo Chương phần các tội phạm dựa chủ yếu vào các tiêu chí *khách thể loại* của tội phạm. Khách thể loại của tội phạm là một nhóm các quan hệ xã hội có cùng tính chất được một nhóm các quy phạm PLHS bảo vệ và bị một nhóm tội phạm xâm hại. Nhóm các quan hệ xã hội này có các đặc trưng là có tính cùng loại và có mối liên hệ

lẫn nhau tạo thành một bộ phận nhất định trong hệ thống các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ khỏi sự xâm hại của các tội phạm.

Do đó, từ cách đặt vấn đề, dưới góc độ khoa học, có thể đưa ra định nghĩa của khái niệm đang nghiên cứu như sau: *Khách thể loại của các tội xâm phạm TTQLHC là những quan hệ xã hội tồn tại trong các lĩnh vực của quản lý hành chính nhà nước, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính nhà nước.*

Trong khi đó, *khách thể trực tiếp của các tội xâm phạm TTQLHC là quan hệ xã hội cụ thể bị tội phạm cụ thể trực tiếp gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại.* Bất cứ tội phạm cụ thể nào xâm phạm TTQLHC cũng có khách thể trực tiếp. Nghiên cứu các tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC, nghiên cứu sinh thấy khách thể trực tiếp của loại tội phạm này là quan hệ xã hội về: hoạt động bình thường của người thi hành công vụ, của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, các quy định của Nhà nước về thực hiện các quyền; TTQLHC trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự và việc thực hiện nghĩa vụ quân sự của công dân; chế độ bảo vệ bí mật Nhà nước; TTQLHC trong lĩnh vực quản lý chức vụ, cấp bậc và uy tín của cán bộ; TTQLHC thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng các giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan tổ chức; TTQLHC trong lĩnh vực quản lý nhà ở; lĩnh vực xuất bản và phát hành sách, báo, đĩa âm thanh, băng âm thanh, đĩa hình hoặc các ấn phẩm khác; TTQLHC trong lĩnh vực bảo vệ quản lý và sử dụng các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; chế độ quản lý nhà nước về khu vực biên giới quốc gia; TTQLHC trong lĩnh vực xuất nhập cảnh; TTQLHC trong quan hệ đối nội, đối ngoại và khách thể đặc biệt là quốc thể.

Tuy nhiên, mỗi quan hệ xã hội là khách thể trực tiếp của một nhóm tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC. Ví dụ: quan hệ xã hội trong TTQLHC của việc thực hiện nghĩa vụ quân sự là khách thể trực tiếp của tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự, Tội làm trái các quy định về thực hiện nghĩa vụ quân sự; TTQLHC trong lĩnh vực quản lý chức vụ, cấp bậc và uy tín của cán bộ là khách thể trực tiếp của tội giả mạo chức vụ, cấp bậc; v.v... Do đó, việc xác định khách thể trực tiếp của các tội xâm phạm

TTQLHC là căn cứ để chia những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến lĩnh vực này thành những nhóm tội phạm khác nhau và theo các lĩnh vực tương ứng.

Bên cạnh đó, đối tượng tác động của các tội xâm phạm TTQLHC là bộ phận của khách thể của nhóm tội phạm này, bị hành vi phạm tội tác động đến để gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ [37, tr. 84]. Vì thế, đối tượng của tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC có thể: là con người như tội chống người thi hành công vụ; là chính sách về nghĩa vụ quân sự như tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự, tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ, tội làm trái các quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự, tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; là bí mật Nhà nước bao gồm: những tin tức về vụ, việc, tài liệu, địa điểm, vật, lời nói có nội dung quan trọng thuộc các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học, công nghệ hoặc các lĩnh vực khác mà Nhà nước chưa công bố hoặc không công bố như tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước và tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật của Nhà nước; là hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch hoặc các loại giấy chứng nhận và tài liệu khác của cơ quan, tổ chức như tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức, tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; v.v...

2.2.2. Mặt khách quan của các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Tội phạm là hành vi nguy hiểm của con người, là thể thống nhất giữa những diễn biến tâm lý bên trong của con người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và những biểu hiện diễn ra bên ngoài mà ta có thể nhận biết trực tiếp bằng các giác quan. Những biểu hiện của tội phạm ra bên ngoài mặt khách quan bao gồm các dấu hiệu: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm và hậu quả nguy hiểm cho xã hội, các dấu hiệu khác như công cụ, phương tiện phạm tội, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội... Tổng thể các biểu hiện đó tạo thành mặt khách quan của tội phạm. Hành vi là dấu hiệu bắt buộc của mọi cấu thành tội phạm, "hành vi khách quan là biểu hiện cơ bản nhất" [44, tr. 91], trong khi đó, các dấu hiệu khác chỉ được quy định trong những cấu thành tội phạm nhất định mà thôi.

Trước hết, hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC về cơ bản được thể hiện dưới dạng hành động - tức là bằng việc thực hiện hành vi cụ thể người phạm tội đã tích cực thực hiện một việc làm trái pháp luật nào đó (ví dụ như chống người thi hành công vụ, làm lộ bí mật Nhà nước...). Ngoài ra, hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC còn có thể được thể hiện dưới dạng không hành động - tức là không làm một việc mà pháp luật bắt phải làm (ví dụ như không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, không chấp hành các quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh). Vì vậy, việc đánh giá hành vi nào là hành vi nguy hiểm cho xã hội tới mức bị coi là tội phạm khi xâm phạm TTQLHC phụ thuộc vào tình hình phát triển của xã hội và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nếu trước đây, hành vi sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức chưa bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt hành chính đã là hành vi nguy hiểm cho xã hội, thì đến nay, BLHS quy định hành vi trên đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt hành chính mà còn vi phạm mới là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được coi là hành vi phạm tội. Ngược lại, có hành vi trước đây chưa được coi là hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhưng nay lại coi là nguy hiểm cho xã hội và được coi là tội phạm. Ví dụ: việc không chấp hành lệnh gọi quân nhân nhập ngũ trước đây không bị coi là hành vi nguy hiểm cho xã hội, nay hành vi này được coi là hành vi nguy hiểm cho xã hội và bị coi là tội phạm.

Trong từng tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC, biểu hiện của hành vi khách quan cũng khác nhau. Chẳng hạn, dấu hiệu "*đã bị xử lý hành chính về hành vi đó mà còn vi phạm*" là dấu hiệu bắt buộc của nhiều cấu thành tội phạm như: Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự; tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận các tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở; tội vi phạm quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng; tội vi phạm quy chế về biên giới; v.v... Bên cạnh đó, dấu hiệu "*đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" là dấu hiệu cấu thành của một số tội phạm như: tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự; tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở; tội vi phạm quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng; v.v...

Ngoài ra, đa số các cấu thành tội phạm trong các tội xâm phạm TTQLHC không phản ánh dấu hiệu hậu quả trong mặt khách quan của tội phạm. Dấu hiệu "*gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng*" là dấu hiệu định khung tăng nặng của các tội như: tội chống người thi hành công vụ; tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức; v.v... Có 01/20 điều luật trong Chương này, "*hậu quả nghiêm trọng*" là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm là tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng. Dấu hiệu "*hậu quả nghiêm trọng*" có thể là thiệt hại về vật chất có thể tính toán, đo lường được, cũng có thể là thiệt hại phi vật chất như thiệt hại về chính trị, tinh thần, danh tiếng... không tính toán được. Xuất phát từ tên gọi "*Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*" trong BLHS nên các hành vi xâm phạm gây ra thiệt hại chủ yếu liên quan đến tổ chức, ngành hoặc Nhà nước mà ít liên quan đến cá nhân như các tội phạm khác trong Bộ luật. Ví dụ: Tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới; tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy; v.v...

Ngoài những nội dung biểu hiện của mặt khách quan đã được trình bày ở trên, mặt khách quan của các tội xâm phạm TTQLHC còn có công cụ, phương tiện phạm tội, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, địa điểm thời gian phạm tội.

Công cụ, phương tiện phạm tội xâm phạm TTQLHC là những đối tượng được chủ thể của tội phạm sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Ví dụ như để thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức người phạm tội đã sử dụng máy in, mực in để làm ra các tài liệu giả đó...

Phương pháp, thủ đoạn thực hiện các tội xâm phạm TTQLHC rất đa dạng như phạm tội bằng cách dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái các quy định về nghĩa vụ quân sự; lén lút, gian dối, uy hiếp thể chất hoặc tinh thần đối với người quản lý tài liệu bí mật Nhà nước để lấy các tài liệu đó; dùng giấy tờ giả; mặc trang phục giống với trang phục mà người phạm tội muốn giả mạo; đeo cấp hàm, cấp hiệu giống với cấp hàm, cấp hiệu mà

họ muốn giả mạo; tẩy xóa, viết thêm làm sai lệch nội dung của hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch hoặc các loại giấy chứng nhận và tài liệu khác của cơ quan, tổ chức; in lậu, bán hoặc phân phối lậu các ấn phẩm đã in lậu; in và phát hành các ấn phẩm Nhà nước cấm; v.v... Do đó, tùy từng tội phạm cụ thể mà các nhà làm luật đã mô tả một cách khái quát hoặc chi tiết các phương pháp, thủ đoạn phạm tội trong từng cấu thành tội phạm.

Thời gian phạm tội không phải là các dấu hiệu bắt buộc đối với các cấu thành cơ bản của các tội xâm phạm TTQLHC. Tuy nhiên, thời gian được BLHS quy định là những tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt của một số tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC. Chẳng hạn, "*phạm tội trong thời chiến*", "*có chiến tranh*", "*có lệnh tổng động viên, có nhu cầu tăng cường cho lực lượng thường trực của quân đội*" là những tình tiết loại này trong các tội như tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự; tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ; tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; v.v...

Một số phương pháp, thủ đoạn phạm tội xâm phạm TTQLHC như "*phạm tội có tổ chức*"; "*lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội*"; "*phạm tội nhiều lần*" và "*gây hậu quả nghiêm trọng*" được coi là các tình tiết định khung tăng nặng TNHS của một số tội phạm (ví dụ tội chống người thi hành công vụ, Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự...). Đối với một số tội xâm phạm TTQLHC, trong cấu thành cơ bản tình tiết "*đã bị xử lý kỷ luật*" hoặc "*đã bị xử phạt hành chính*" về hành vi xâm phạm TTQLHC được coi là dấu hiệu định tội (ví dụ như tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự; tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở; v.v...).

Như vậy, dưới góc độ khoa học, khái niệm đang nghiên cứu có thể được định nghĩa như sau: *Mặt khách quan của các tội xâm phạm TTQLHC là những biểu hiện của các tội phạm này diễn ra bên ngoài, bao gồm hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội; mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan và hậu quả nguy hiểm cho xã hội, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, phương pháp, thủ đoạn phạm tội.*

2.2.3. Chủ thể của các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Theo luật hình sự Việt Nam, tội phạm là hành vi của con người có tính nguy hiểm cho xã hội, chủ thể của tội phạm là con người cụ thể đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tình trạng có năng lực TNHS và đạt độ tuổi chịu TNHS do BLHS quy định.

Xuất phát từ nguyên tắc TNHS là trách nhiệm cá nhân, mục đích của các biện pháp TNHS là giáo dục, cải tạo những cá nhân cụ thể đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm, BLHS năm 2015 đã quy định pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm nhưng đối với nhóm tội phạm này, chủ thể của tội phạm vẫn là cá nhân. Do đó, chủ thể của các tội xâm phạm TTQLHC có *ba* đặc điểm sau:

Một là, một số tội phạm xâm phạm TTQLHC có *chủ thể đặc biệt*. Đó là các tội gồm tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự; tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ; tội làm trái các quy định về thực hiện nghĩa vụ quân sự; tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước; tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật Nhà nước; tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, quản chế hành chính. Ngoài ra, đối với mỗi tội phạm này lại có những điểm lưu ý. Chẳng hạn, đối với tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự chỉ đối với những người ở một độ tuổi nhất định theo Luật Nghĩa vụ quân sự quy định mới có thể là chủ thể của tội phạm này. Theo quy định tại Điều 12 Luật Nghĩa vụ quân sự thì, công dân nam giới đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; lứa tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 27 tuổi, nhưng không phải chỉ những người từ đủ 18 tuổi đến hết 27 tuổi mới là chủ thể của tội phạm này, vì đó là tuổi gọi nhập ngũ, còn theo quy định tại Điều 20 Luật Nghĩa vụ quân sự thì công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm đó phải đến cơ quan quân sự để đăng ký nghĩa vụ quân sự. Do đó, chủ thể của tội phạm này là công dân nam giới từ đủ 17 tuổi đến hết 27 tuổi... Như vậy, việc xác định chủ thể của tội phạm này phải căn cứ vào quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự có liên quan đến giới tính, độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; v.v...

Hai là, hầu hết các tội phạm xâm phạm TTQLHC là tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng nên chủ thể của các tội này không thể là người chưa đủ 16 tuổi. Chỉ có hai tội là tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu

bí mật Nhà nước (khoản 2 và khoản 3 Điều 263, nay là Điều 337) và tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275, nay là Điều 348, 349 và 350) thì chủ thể mới có thể là người dưới 16 tuổi.

Ba là, do Chương XX - Các tội xâm phạm TTQLHC (nay là Chương XXII) không có tội phạm nào là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nên người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi do vô ý xâm phạm đến các quan hệ xã hội trong TTQLHC thì không cấu thành tội phạm và không bị truy cứu TNHS.

2.2.4. Mặt chủ quan các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Luật hình sự Việt Nam không chấp nhận việc truy cứu TNHS đối với một người mà chỉ căn cứ vào yếu tố khách quan - tức là chỉ dựa vào hành vi trên thực tế có gây thiệt hại hay không, mức độ gây thiệt hại như thế nào, mà không xem xét đến thái độ chủ quan của chủ thể khi thực hiện hành vi đó. Mặt chủ quan của tội phạm là mặt bên trong của tội phạm, là thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ thực hiện và với hậu quả do hành vi ấy gây ra cho xã hội và được thể hiện bởi các yếu tố: lỗi, động cơ, mục đích phạm tội.

Trên cơ sở nghiên cứu quan điểm: "Một người chỉ phải chịu trách nhiệm về hành vi gây thiệt hại cho xã hội của mình trong trường hợp người đó đã lựa chọn hành vi này khi có đủ điều kiện lựa chọn hành vi khác không gây thiệt hại cho xã hội. Đó là những trường hợp có lỗi [35, tr. 26]; "Tội phạm là một thể thống nhất giữa các yếu tố khách quan và chủ quan, do đó hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm được thực hiện trong thực tế khách quan chỉ có thể quy cho chủ thể nếu nó bao hàm yếu tố chủ quan của người đó" [23, tr. 59] và "để có cơ sở chủ quan để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội nhất thiết phải chứng minh được lỗi (cố ý hoặc vô ý) của người đó, tức là phải xác định được lý trí và ý chí của người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm tương ứng" [15, tr. 377].

Do đó, dưới góc độ khoa học, khái niệm đang nghiên cứu có thể được định nghĩa như sau: *Mặt chủ quan của các tội xâm phạm TTQLHC là diễn biến bên trong phản ánh trạng thái tâm lý của chủ thể các tội phạm này đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra, bao gồm các yếu tố: lỗi, động cơ và mục đích phạm tội.*

Trước hết, về dấu hiệu lỗi, GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa viết: "với ý nghĩa là nội dung của lỗi, quan hệ giữa cá nhân người phạm tội và xã hội luôn luôn được thể hiện và tồn tại là quan hệ tâm lý nhất định giữa chủ thể với hành vi gây thiệt hại cho xã hội..." [42, tr. 90]. Do đó, trong các tội xâm phạm TTQLHC, hình thức lỗi cố ý của tội phạm cụ thể hoặc được các nhà làm luật xác định rõ ngay trong từng tội danh (ví dụ như tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức) hoặc được xác định thông qua dấu hiệu hành vi, động cơ, mục đích phạm tội (tội giả mạo chức vụ, cấp bậc). Ngoài ra, đa số các tội trong nhóm tội xâm phạm TTQLHC là lỗi cố ý, trừ tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật Nhà nước. Còn động cơ phạm tội, mặc dù động cơ, mục đích nói chung không phải là dấu hiệu bắt buộc của các tội phạm này nhưng vẫn cần đặt ra khi giải quyết vấn đề TNHS [11, tr. 523].

Một số tội xâm phạm TTQLHC đều được thực hiện với động cơ vụ lợi, tư lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác (để thực hiện hành vi trái pháp luật khác) được quy định trong cấu thành cơ bản của tội phạm hoặc dấu hiệu định khung tăng nặng như: tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của công dân; tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Đặc biệt, mục đích phạm tội là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội đặt ra phải đạt được khi thực hiện hành vi phạm tội và chỉ có thể nói đến mục đích phạm tội của những hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp vì chỉ trong trường hợp này người phạm tội mới có sự mong muốn gây ra tội phạm để đạt được những mục đích nhất định [43, tr. 145-146]. Như vậy, chỉ các tội xâm phạm TTQLHC được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp mới có dấu hiệu mục đích phạm tội trong cấu thành tội phạm.

2.3. NHỮNG HÌNH THỨC CỦA TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Hiện nay, chưa có nghiên cứu nào đề cập trực tiếp đến khái niệm "hình thức của trách nhiệm hình sự", tuy nhiên, dưới góc độ nhận thức chung, nghiên cứu sinh xếp "hình phạt và các biện pháp tư pháp" là những hình thức của trách nhiệm hình sự điển hình, phổ biến được áp dụng trong thực tiễn xét xử. Hơn nữa, xuất phát từ nội dung "trách nhiệm hình sự là sự phản ứng hay sự lên án của Nhà nước đối với người thực hiện hành vi phạm tội và thể hiện ở bản án mà trong đó họ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế để

tước bỏ hoặc hạn chế các quyền hay lợi ích nhất định..." [127, tr. 7-8; 29]. Trong đó, các biện pháp cưỡng chế về hình sự chủ yếu của PLHS chính là hình phạt, các biện pháp tư pháp, miễn hình phạt... Do đó, đối với các tội xâm phạm TTQLHC, tiếp cận những hình thức của TNHS cũng vậy, mà dưới đây chúng ta sẽ lần lượt xem xét.

2.3.1. Hình phạt

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội.

Tội phạm và hình phạt luôn luôn đi liền với nhau, có nghĩa là giữa tội phạm và hình phạt luôn luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và không tách rời nhau [48, tr. 93]. Nói một cách khác, đúng như PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn đã viết: "Hình phạt gắn với tội phạm là một đặc điểm của hình phạt... Hình phạt chỉ được áp dụng và chỉ cho phép được áp dụng với tính chất là sự phản ứng của Nhà nước và xã hội đối với tội phạm, là thể hiện sự không thể dung thứ của Nhà nước và xã hội đối với các hành vi phạm tội" [98, tr. 37]. Các quy định về hình phạt áp dụng đối với các tội xâm phạm TTQLHC là một trong những nội dung sửa đổi của BLHS năm 1999 và được thể hiện trong cơ cấu hình phạt của hai BLHS như sau:

Bảng 2.1: Cơ cấu hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong cơ cấu hình phạt đối với các tội phạm được quy định trong BLHS năm 1985

Các loại hình phạt	Các tội xâm phạm TTQLHC	Tổng số tội phạm hình sự	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4 = 2/3 x 100
Cảnh cáo	5	42	11,90
Phạt tiền	1	6	16,67
Cải tạo không giam giữ	10	116	8,62
Tù có thời hạn	14	281	4,98
Tù chung thân	0	38	0
Tử hình	0	29	0

Nguồn: Tổng hợp từ BLHS năm 1985.

Bảng 2.2: Cơ cấu hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong cơ cấu hình phạt đối với các tội phạm được quy định trong BLHS năm 1999

Các loại hình phạt	Các tội xâm phạm	Tổng số	Tỷ lệ (%)
--------------------	------------------	---------	-----------

	TTQLHC	tội phạm hình sự	
1	2	3	4 =2/3x100
Cảnh cáo	6	37	16,21
Phạt tiền	7	68	10,29
Cải tạo không giam giữ	14	146	9,58
Tù có thời hạn	20	250	8,00
Tù chung thân	0	56	0
Tử hình	0	29	0

Nguồn: Tổng hợp từ BLHS năm 1999, sửa đổi năm 2009.

Lưu ý, về hình phạt tử hình, trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 19/6/2009, các nhà làm luật đã bỏ hình phạt tử hình trong 8 cấu thành tội phạm. BLHS chỉ còn 21 cấu thành tội phạm có quy định hình phạt tử hình.

** Hình phạt chính*

Đối với các tội xâm phạm TTQLHC, chỉ có *bốn* loại hình phạt sau được áp dụng là cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Ngoài ra, BLHS xây dựng chế tài *lựa chọn* giữa các hình phạt chính với nhau. Trong hầu hết các điều luật, cảnh cáo và cải tạo không giam giữ được quy định là hình phạt chính lựa chọn với các hình phạt khác, trong đó có hình phạt tù có thời hạn. Quy định này sẽ tránh cho việc áp dụng hình phạt tù một cách tràn lan, không cần thiết đối với các tội xâm phạm TTQLHC ít nghiêm trọng nhưng vẫn bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa và yêu cầu giáo dục, cải tạo.

a) Cảnh cáo

Cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong số các hình phạt chính được áp dụng đối với các tội xâm phạm TTQLHC. Nội dung của hình phạt cảnh cáo là sự khiển trách công khai của Nhà nước do Tòa án tuyên phạt đối với người phạm tội. Họ phải chịu sự lên án của Nhà nước về hành vi phạm tội của mình.

Quán triệt tinh thần tăng cường các hình phạt không cách ly người phạm tội khỏi đời sống xã hội, BLHS năm 1999 mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với các tội xâm phạm TTQLHC song vẫn quy định điều kiện áp dụng chặt chẽ trong từng điều luật cụ thể của từng loại tội có hình phạt cảnh cáo. BLHS năm 1999 quy định hình phạt cảnh cáo trong chế tài lựa chọn của các tội như: tội lợi

dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội vi phạm các quy định về xuất bản, phát hành sách, báo, đĩa âm thanh, băng âm thanh, đĩa hình, băng hình hoặc các ấn phẩm khác; tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng; tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cảnh cáo vào thực tiễn thì chỉ nên áp dụng hình phạt này đối với các tội xâm phạm TTQLHC khi đáp ứng được đồng thời những quy định cụ thể tại Chương XX - Các tội xâm phạm TTQLHC (nay là Chương XXII) và các điều kiện chung quy định tại Điều 29 - Cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

Như vậy, mặc dù là hình phạt nhẹ nhất và được quy định tại 6/20 điều luật trong Chương XX - Các tội xâm phạm TTQLHC, đây thực sự là hình phạt chính có giá trị pháp lý cao giúp cho việc áp dụng hình phạt này được chính xác, nghiêm khắc và công bằng. Mọi yêu cầu coi nhẹ việc tuân thủ phạm vi và điều kiện áp dụng hình phạt cảnh cáo đều dẫn đến vi phạm nguyên tắc pháp chế XHCN.

b) Phạt tiền

Phạt tiền là hình phạt có tính chất kinh tế nhằm vào tài sản của người phạm tội, khi bị Tòa án tuyên phạt hình phạt tiền, người phạm tội phải nộp một khoản tiền nhất định sung công quỹ Nhà nước.

Trong BLHS năm 1985, hình phạt tiền đối với các tội xâm phạm TTQLHC chỉ có một tội quy định phạt tiền với tư cách hình phạt chính là tội vi phạm các quy định về xuất bản và phát hành sách, báo, ấn phẩm khác (Điều 215). Chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với các tội xâm phạm TTQLHC thay đổi theo hướng buộc người phạm tội chịu phạt tiền nhằm bù đắp lại những tổn thất, mất mát về vật chất và tinh thần do hành vi của họ gây ra. Do đó, trong BLHS năm 1999 hình phạt tiền được mở rộng phạm vi áp dụng với tư cách là hình phạt chính tại 7/20 điều luật của chương các tội xâm phạm TTQLHC và được lựa chọn với một số hình phạt chính khác như cảnh cáo, cải tạo

không giam giữ, tù có thời hạn. Có thể nói, quy định này đã thể hiện một bước tiến bộ trong sự phát triển của kỹ thuật lập pháp ở nước ta. Trong cơ chế kinh tế thị trường, các tội xâm phạm TTQLHC diễn biến rất phức tạp, đa dạng với nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt với nhiều đối tượng xâm phạm khác nhau, vì vậy chế tài của điều luật không thể chỉ quy định cứng nhắc một loại hình phạt hoặc tù có thời hạn hoặc phạt tiền. Việc quy định hình phạt tiền là hình phạt chính trong chế tài lựa chọn với các hình phạt chính khác (cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn) còn tạo khả năng cho Tòa án lựa chọn, quyết định áp dụng một loại và mức hình phạt thích hợp với từng trường hợp phạm tội cụ thể xâm phạm TTQLHC. Việc dành quyền lựa chọn giữa hình phạt tiền với hình phạt chính khác trong đó có hình phạt cải tạo không giam giữ, đặt ra câu hỏi khi nào áp dụng hình phạt tiền, khi nào áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Do đó, căn cứ để quyết định một cách đúng đắn không chỉ là các quy định trong các điều luật cụ thể quy định trong Chương XX BLHS, mà còn là quy định chung về hình phạt tiền trong Phần chung (Điều 30), cũng như phải xem xét sự cần thiết hay không cần thiết áp dụng giữa hình phạt tiền và hình phạt cải tạo không giam giữ để vừa bảo đảm tính răn đe nghiêm khắc vừa mang tính giáo dục, phòng ngừa hiệu quả.

Trong chế tài các điều luật cụ thể có quy định một cách cụ thể, chi tiết về mức phạt tiền đối với các tội xâm phạm TTQLHC. Mức phạt thấp nhất là 1 triệu đồng và cao nhất là 100 triệu đồng. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt tiền các cơ quan tiến hành tố tụng phải căn cứ vào tính chất, hành vi, mức độ và hậu quả của tội phạm, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội mà quyết định hình phạt tiền cho phù hợp. Tiền phạt có thể nộp một lần hoặc nhiều lần trong thời hạn do Tòa án quyết định được tuyên trong bản án. Những quy định này bảo đảm được tính khả thi của hình phạt tiền trong thực tiễn thi hành PLHS.

c) Cải tạo không giam giữ

Cải tạo không giam giữ là hình phạt không buộc người bị kết án phải cách ly khỏi xã hội, giao họ cho cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giám sát, giáo dục nhằm phát huy vai trò của quần chúng nhân dân tham gia vào việc cải tạo, giáo dục người phạm tội để giúp họ trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về phạm vi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các tội xâm phạm TTQLHC, hình phạt này được quy định trong chế tài của 14/20 điều luật trong chương các tội xâm phạm TTQLHC và được áp dụng đối với tội phạm ít nghiêm trọng. BLHS xác nhận hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ áp dụng đối với những người đã thực hiện hành vi phạm tội đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng cũng như xác định rõ trách nhiệm của gia đình người bị kết án trong việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Việc khấu trừ một phần thu nhập của người bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ từ 5% đến 20% sung quỹ Nhà nước được coi là "*bắt buộc*" và thời hạn cải tạo không giam giữ là 3 năm. Những quy định này một mặt bảo đảm mục đích trừng phạt về tài sản do hành vi phạm tội gây nên, mặt khác bảo đảm tính nghiêm khắc, răn đe của hình phạt và PLHS.

d) Tù có thời hạn

Tù có thời hạn là hình phạt tước quyền tự do của người phạm tội, buộc họ phải cách ly khỏi xã hội trong một thời gian nhất định thấp nhất là 3 tháng, cao nhất là 20 năm.

Hình phạt tù có thời hạn là loại hình phạt được áp dụng đối với tất cả các tội xâm phạm TTQLHC. Đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong BLHS năm 1999 thì mức hình phạt tù thấp nhất là 3 tháng và tội phạm có khung hình phạt tù cao nhất là tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 275) lên đến 20 năm. Tuy nhiên, đối với một số khung hình phạt, khoảng cách giữa mức khởi điểm và mức tối đa của một số khung hình phạt tù có thời hạn tương đối dài, như quy định tại: khoản 2 và khoản 3 Điều 275 BLHS là 7 - 8 năm (phạt tù từ 5 năm đến 12 năm hoặc phạt tù từ 12 năm đến 20 năm). Việc quy định khoảng cách giữa mức khởi điểm và mức tối đa của một số khung hình phạt tù có thời hạn tương đối dài dễ dẫn tới sự tùy tiện, khó thống nhất trong việc quyết định hình phạt ở các Tòa án khác nhau và chưa bảo đảm sự công bằng.

Bên cạnh đó, đối với người nước ngoài phạm một trong các tội xâm phạm TTQLHC, tùy vào từng trường hợp cụ thể, có thể bị Tòa án áp dụng hình phạt chính là trục xuất để buộc họ rời khỏi lãnh thổ Việt Nam trên những cơ sở chung.

** Hình phạt bổ sung*

Khác với BLHS năm 1985, hình phạt bổ sung được quy định chung tại một điều luật ở cuối Chương các tội xâm phạm TTQLHC, thì trong BLHS năm 1999, hình phạt bổ sung được quy định ngay trong từng điều luật về các tội xâm phạm TTQLHC. Đây là một quy định mới của BLHS năm 1999 nhằm bảo đảm nguyên tắc cá thể hóa. Thực tiễn cho thấy quy định hình phạt bổ sung trong một điều luật cuối mỗi chương gây không ít khó khăn khi áp dụng pháp luật vì phải tìm và viện dẫn, áp dụng đồng thời một số điều luật. Trong nhiều trường hợp dễ dẫn đến việc bỏ sót không áp dụng hình phạt bổ sung. Để khắc phục những hạn chế trên, BLHS năm 1999 đã đưa ngay quy định về hình phạt bổ sung tại khoản cuối của điều luật. Có 9/20 tội danh xâm phạm TTQLHC quy định hình phạt bổ sung.

Hình phạt bổ sung được áp dụng trong chương các tội xâm phạm TTQLHC là phạt tiền (khi không áp dụng là hình phạt chính), cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 đến 5 năm, cấm cư trú từ 1 đến 5 năm.

a) Phạt tiền là hình phạt bổ sung khi không áp dụng là hình phạt chính

Trong BLHS năm 1999, phạt tiền với tư cách là hình phạt chính hay hình phạt bổ sung được quy định với các mức khác nhau ngay trong từng điều luật cụ thể các tội xâm phạm TTQLHC. Với tư cách là hình phạt bổ sung đối với nhóm tội này, phạt tiền được quy định ở 7/10 điều luật, mức phạt tiền được chỉ rõ trong điều luật, từ 1 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Cơ sở và mục đích của việc mở rộng phạm vi quy định cũng như quyết định phạt tiền là hình phạt bổ sung cũng được xem xét giống như đối với phạt tiền là hình phạt chính.

b) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

Theo đó, hình phạt này được áp dụng đối với các tội xâm phạm TTQLHC như một biện pháp phòng ngừa, hạn chế những điều kiện phạm tội. Người bị áp dụng hình phạt bổ sung này sẽ bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo. Chức vụ, nghề nghiệp hoặc công việc mà người bị kết án bị cấm đảm nhiệm hoặc cấm làm phải được ghi rõ trong phần quyết định bản án của Tòa án. BLHS năm

1999 quy định hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định ở 5/20 điều luật. Tuy nhiên, hình phạt bổ sung này quy định trong 5 điều luật trên đều là quy định tùy nghi mà khi xét xử Tòa án có quyền áp dụng hình phạt này hoặc áp dụng hình phạt tiền.

c) Cấm cư trú

Đây là hình phạt bổ sung áp dụng duy nhất đối với tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới (Điều 273 BLHS). Hình phạt này áp dụng đối với người phạm tội chủ yếu là cấm họ cư trú ở vùng biên giới vì do họ cư trú ở vùng biên giới nên mới có điều kiện phạm tội này.

Như vậy, hệ thống hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC quy định tại Chương XX BLHS gồm hai hệ thống hình phạt: hình phạt chính (có 4 loại hình phạt được áp dụng: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn); hình phạt bổ sung (có 3 loại hình phạt được áp dụng: phạt tiền khi không áp dụng là hình phạt chính, cấm cư trú và cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định). Những hình phạt không cách ly người phạm tội khỏi xã hội được tăng cường nhằm nâng cao mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội ý thức tuân thủ pháp luật, cho họ cơ hội để sửa chữa sai lầm. Đồng thời, hình phạt tù có thời hạn quy định cũng rất cụ thể ở từng điều luật trong Chương XX BLHS thể hiện sự nghiêm khắc của PLHS đối với một số hành vi phạm tội nguy hiểm cao cho xã hội. Bên cạnh đó, sự đa dạng hóa về các loại hình phạt áp dụng đối với các tội xâm phạm TTQLHC đã tăng cường khả năng cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội, tạo điều kiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng lựa chọn một hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, bảo đảm cho việc xét xử được bình đẳng và công bằng.

Tương tự, tùy từng trường hợp cụ thể, Tòa án có thể áp dụng hình phạt bổ sung là trục xuất đối với người nước ngoài phạm tội trên những cơ sở chung.

2.3.2. Các biện pháp tư pháp

Bên cạnh hình phạt, các biện pháp tư pháp cũng là một dạng của TNHS, một trong những biện pháp cưỡng chế về hình sự ít nghiêm khắc hơn hình phạt, nhưng cũng thể hiện là một hình thức của TNHS. Các biện pháp tư pháp là:

Biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước ít nghiêm khắc hơn hình phạt do pháp luật hình sự quy định và được cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền căn cứ vào giai đoạn tố tụng áp dụng đối với người phạm tội nhằm hạn chế quyền, tự do của người đó hoặc hỗ trợ hay thay thế cho hình phạt [15, tr. 680-681]. BLHS năm 1999 quy định có *hai* nhóm biện pháp tư pháp là: biện pháp tư pháp chung; biện pháp tư pháp riêng - áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Các biện pháp tư pháp *chung* được quy định tại các điều từ Điều 41 đến Điều 44 BLHS. Việc quy định áp dụng từng biện pháp đối với các tội xâm phạm TTQLHC như sau:

** Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm*

Theo đó, biện pháp tư pháp này áp dụng đối với các tội xâm phạm TTQLHC là tịch thu, sung quỹ Nhà nước công cụ, phương tiện dùng vào việc thực hiện các tội xâm phạm TTQLHC hoặc thông qua việc thực hiện các tội phạm này mà có hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có hoặc là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành. Đối tượng bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước là: công cụ, phương tiện dùng vào việc thực hiện các tội xâm phạm TTQLHC; vật, tiền mà người phạm tội có được thông qua việc thực hiện các tội phạm này; vật, tiền do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có và vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành.

Công cụ, phương tiện dùng vào việc thực hiện các tội xâm phạm TTQLHC chỉ có thể bị tịch thu khi công cụ, phương tiện đó thuộc quyền sở hữu của người phạm tội hoặc của người khác có lỗi để cho người phạm tội sử dụng vào việc phạm tội hay thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành. Biện pháp này có thể được áp dụng đối với người phạm một trong các tội sau: tội chống người thi hành công vụ; tội giả mạo chức vụ, cấp bậc; tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở; tội vi phạm các quy định về xuất bản, phát hành sách, báo, đĩa âm thanh, băng âm thanh, đĩa hình, băng hình hoặc các ấn phẩm khác; tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng.

Vật, tiền mà người phạm tội có được do thực hiện các tội xâm phạm TTQLHC là những vật, tiền bạc mà người phạm tội có được ngay sau khi thực hiện một trong

các tội xâm phạm TTQLHC hoặc sau khi thực hiện một hoặc vài hành vi kế tiếp hành vi phạm tội, bao gồm: vật, tiền mà người phạm tội chiếm đoạt trong quá trình thực hiện tội phạm; vật, tiền mà người phạm tội có được sau khi định đoạt vật, tiền đã chiếm đoạt được (như vật, tiền do mua bán, đổi chác những thứ đã chiếm đoạt mà có; vật, tiền sinh lời từ việc sử dụng trái phép những thứ đã chiếm đoạt; vật, tiền mà người phạm tội được thuê, được thưởng về hành vi phạm tội như được thưởng do làm giả giấy tờ). Như vậy, vật, tiền mà người phạm tội có được do mua bán, đổi chác những thứ do phạm tội mà có chỉ là một dạng của vật, tiền mà người phạm tội có được do thực hiện tội phạm mà có.

** Buộc công khai xin lỗi*

Đây là biện pháp tư pháp hình sự chung được áp dụng đối với mọi tội phạm gây thiệt hại về tinh thần. Do vậy, về nguyên tắc, thì biện pháp tư pháp này có thể áp dụng đối với người phạm các tội xâm phạm TTQLHC gây thiệt hại về tinh thần (như người bị bôi xấu trong vụ án về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân). Thực tiễn áp dụng cho thấy, các Tòa án rất ít khi áp dụng biện pháp tư pháp này. Có trường hợp, Tòa án áp dụng nhưng người bị hại không cần; ngược lại có trường hợp Tòa án áp dụng nhưng người bị hại không thi hành. Cho nên, PGS.TS. Phạm Hồng Hải đã rất đúng khi cho rằng, biện pháp buộc người phạm tội công khai xin lỗi người bị hại chỉ có thể áp dụng trên cơ sở tự nguyện của người phạm tội và sự đồng ý của người bị hại [31, tr. 188].

** Bắt buộc chữa bệnh*

Đây là biện pháp tư pháp được quy định trong BLHS xuất phát từ tính chất nhân đạo trong chính sách về con người của Nhà nước ta.

Bắt buộc chữa bệnh là biện pháp buộc người phạm tội phải chữa bệnh trong một cơ sở chuyên khoa y tế do các cơ quan tiến hành tố tụng quyết định tùy theo giai đoạn tố tụng. Điều 13 và Điều 43 BLHS quy định đối tượng bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh bao gồm: Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; người phạm tội trong khi có năng lực

TNHS nhưng trước khi bị kết án hoặc tuy đã bị kết án nhưng chưa thi hành bản án, mà bị bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi; người đang chấp hành hình phạt tù mà bị bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Mục đích của việc áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh nhằm ngăn ngừa họ tiếp tục thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đồng thời thực hiện các biện pháp y tế cần thiết giúp họ chữa bệnh, thể hiện nguyên tắc nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta. Đối với các tội xâm phạm TTQLHC, biện pháp này có thể áp dụng cho cả nhóm đối tượng nêu ở trên.

** Biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng (Điều 70 BLHS)*

Theo đó, đây là những biện pháp chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Đối với các tội xâm phạm TTQLHC phạm tội là người thành niên không nhiều, nếu có chủ yếu là những người đồng phạm với vai trò giúp sức. Do vậy, khi áp dụng các biện pháp tư pháp này có tác dụng thay thế hình phạt, để giúp người chưa thành niên nhận ra sai lầm, khuyết điểm mà tự sửa chữa, khắc phục để trở thành công dân có ích cho xã hội. BLHS năm 2015 chỉ còn quy định biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, còn biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được coi là biện pháp giám sát, giáo dục trong trường hợp được miễn TNHS.

Tóm lại, việc BLHS quy định các biện pháp tư pháp có ý nghĩa quan trọng, bởi vì các biện pháp này khi được áp dụng nó có khả năng tác động hỗ trợ cho hình phạt đối với người phạm tội và trong nhiều trường hợp các biện pháp này có thể thay thế hình phạt, giúp cho việc xử lý tội phạm được triệt để. Đồng thời cũng thể hiện rõ hình phạt không phải là phương tiện duy nhất trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm. Nhìn chung, việc không quy định hoặc thiếu hướng dẫn các biện pháp tư pháp cụ thể áp dụng đối với các tội phạm cụ thể đã dẫn đến một thực tế là các Tòa án không chú ý nhiều đến sự cần thiết áp dụng các biện pháp này đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

2.4. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Nếu như việc điều chỉnh pháp luật trong nước để tương thích với các chuẩn mực pháp luật quốc tế đề ra bởi Hiến chương và các Công ước quốc tế của Liên Hợp quốc là nghĩa vụ của các quốc gia thành viên thì việc học tập kinh nghiệm, đánh giá tương thích với PLHS các nước để hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia cũng không nằm ngoài mục đích đó. Do đó, trong phạm vi luận án này, nghiên cứu sinh làm sáng tỏ quy định của BLHS hiện hành của Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Nhật Bản về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC để nhà làm luật nước ta có thêm tư liệu tham khảo.

2.4.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996, sửa đổi năm 2010 hiện hành, trong đó khẳng định dứt khoát ngay nhiệm vụ của Bộ luật này: "Nhiệm vụ của Bộ luật hình sự này bao gồm: bảo vệ các quyền và tự do của con người và công dân, chế độ sở hữu, trật tự và an toàn xã hội, môi trường, chế độ Hiến pháp Liên bang Nga trước sự xâm hại của hành vi phạm tội, bảo đảm nền hòa bình và an toàn nhân loại, cũng như ngăn chặn tội phạm" (khoản 1 Điều 2) [102, tr. 18]. Ngoài ra, "để thực hiện cho các nhiệm vụ trên, Bộ luật hình sự này... xác định những hành vi nào *gây nguy hiểm cho cá nhân, xã hội hoặc Nhà nước* bị coi là tội phạm..." (khoản 2 Điều 2) [102, tr. 18]. Sau đó, chỉ dẫn tại Điều 8 về *cơ sở* của TNHS: "Cơ sở của trách nhiệm hình sự là việc thực hiện hành vi bao hàm mọi dấu hiệu cấu thành tội phạm mà Bộ luật này quy định" [102, tr. 22].

Trên cơ sở quy định về "*cơ sở của trách nhiệm hình sự*", nghiên cứu BLHS Liên bang Nga cho thấy, các nhà làm luật nước này có nhiều tội phạm tương đồng với BLHS Việt Nam với Chương 32 có tên gọi tương tự là "*Các tội xâm phạm trật tự quản lý*" bao gồm 16 tội danh sau đây [102, tr. 582, 584, 586, 588, 590, 592, 594]:

- Tội xâm phạm tính mạng của cán bộ bảo vệ pháp luật (Điều 317) có mức hình phạt cao nhất là tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân;

- Tội sử dụng vũ lực với người đại diện chính quyền (Điều 318) có mức hình phạt cao nhất là tù từ 5 năm đến 10 năm;
- Tội xúc phạm người đại diện chính quyền (Điều 319) có mức hình phạt cao nhất là cải tạo lao động từ 6 tháng đến một năm;
- Tội công bố thông tin về các biện pháp an ninh được áp dụng cho quan chức trong các cơ quan bảo vệ pháp luật hay các cơ quan kiểm tra (Điều 320) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù đến 5 năm;
- Tội làm rối loạn các hoạt động của các đơn vị thực hiện nhiệm vụ giáo dục phạm nhân (Điều 321) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù từ 5 năm đến 12 năm;
- Tội qua lại biên giới Liên bang Nga trái pháp luật (Điều 322) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù đến 5 năm;
- Tội tổ chức vượt biên trái phép (Điều 322-1) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù từ 2 năm đến 5 năm;
- Tội thay đổi biên giới quốc gia Liên bang Nga trái pháp luật (Điều 323) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù đến 4 năm;
- Tội mua hoặc tiêu thụ các văn bằng chính thức và các huân huy chương Nhà nước (Điều 324) có mức hình phạt cao nhất là bị phạt giam đến 3 tháng;
- Tội trộm cắp hoặc làm hư hỏng các loại con dấu, tài liệu hoặc trộm cắp các loại tem thuế, tem đặc biệt hoặc các dấu hiệu nhận biết tương ứng (Điều 325) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù đến 2 năm;
- Tội làm giả hoặc hủy hoại biển số của các loại phương tiện giao thông vận tải (Điều 326) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù đến 3 năm;
- Tội làm giả, sản xuất hoặc tiêu thụ các loại văn bằng giả, huân huy chương Nhà nước giả, các loại con dấu, mẫu in sẵn giả (Điều 327) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù đến 4 năm;
- Tội sản xuất, tiêu thụ các loại tem thuế giả, tem đặc biệt giả hoặc các dấu nhãn hiệu nhận biết hàng hóa tương đương giả (Điều 327-1) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù đến 5 năm;
- Tội trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ dân sự thay cho quân sự (Điều 328) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù đến 2 năm;

- Tội xúc phạm quốc huy Liên bang Nga, quốc kỳ Liên bang Nga (Điều 329) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù đến 1 năm;

- Tội hành động tự tiện (Điều 330) có mức hình phạt cao nhất là phạt tù đến 5 năm.

Như vậy, nghiên cứu so sánh quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong BLHS Liên bang Nga với nước ta có một số nhận xét sau:

Một là, về cơ bản BLHS Việt Nam và Liên bang Nga đều quy định tương đối đầy đủ các tội danh, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC làm cơ sở pháp lý trong việc xử lý người phạm tội, bảo vệ TTQLHC của Nhà nước, đặc biệt là việc quy định rõ ràng và dứt khoát "*cơ sở của trách nhiệm hình sự*".

Hai là, tên gọi tội danh xâm phạm TTQLHC về cơ bản cũng tương tự nhau, tuy nhiên, có một số tội danh BLHS nước ta không quy định như: Tội sử dụng vũ lực với người đại diện chính quyền (Điều 318); tội xúc phạm người đại diện chính quyền (Điều 319); tội công bố thông tin về các biện pháp an ninh được áp dụng cho quan chức trong các cơ quan bảo vệ pháp luật hay các cơ quan kiểm tra (Điều 320); tội hành động tự tiện (Điều 330). Ngoài ra, một số tội danh trong BLHS Liên bang Nga được chia tách hành vi nhỏ và cụ thể hơn để truy cứu TNHS như: Tội mua hoặc tiêu thụ các văn bằng chính thức và các huân huy chương Nhà nước (Điều 324); tội trộm cắp hoặc làm hư hỏng các loại con dấu, tài liệu hoặc trộm cắp các loại tem thuế, tem đặc biệt hoặc các dấu hiệu nhận biết tương ứng (Điều 325); tội làm giả hoặc hủy hoại biên số của các loại phương tiện giao thông vận tải (Điều 326); v.v...

Ba là, đối với hành vi chống người thi hành công vụ, BLHS Liên bang Nga quy định ba tội và mức hình phạt nghiêm khắc hơn BLHS nước ta. Đó là Tội xâm phạm tính mạng của cán bộ bảo vệ pháp luật (Điều 317) có mức hình phạt cao nhất là tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; tội sử dụng vũ lực với người đại diện chính quyền (Điều 318) có mức hình phạt cao nhất là tù từ 5 năm đến 10 năm và Tội xúc phạm người đại diện chính quyền (Điều 319) có mức hình phạt cao nhất là cải tạo lao động từ 6 tháng đến 1 năm, trong khi tội chống người thi hành công vụ theo BLHS Việt Nam có mức cao nhất là đến 10 năm tù (Điều 257). Ngược lại, một số tội phạm trong BLHS nước ta lại có mức hình phạt nghiêm khắc hơn, ví dụ: Tội

xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy quy định hình phạt tù cao nhất đến 3 năm, trong khi BLHS Liên bang Nga quy định đến 1 năm.

2.4.2. Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1997, sửa đổi năm 2005 hiện hành. Điều 2 Phần chung BLHS quy định:

Nhiệm vụ của Bộ luật hình sự... là sử dụng hình phạt đối với tất cả các hành vi phạm tội nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ chính quyền chuyên chính dân chủ nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản thuộc sở hữu Nhà nước và tài sản thuộc sở hữu tập thể của quần chúng lao động, bảo vệ tài sản thuộc sở hữu của công dân và các quyền khác, duy trì trật tự xã hội, trật tự kinh tế, bảo đảm tiến hành thuận lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội [27, tr. 37-38].

Đồng thời, BLHS cũng quy định rõ cơ sở của TNHS tại Điều 3 "Chỉ những hành vi nào mà pháp luật quy định rõ là hành vi phạm tội thì người có hành vi đó mới bị kết án hoặc bị xử phạt; còn những hành vi nào mà pháp luật không quy định rõ là hành vi phạm tội thì người có hành vi đó không bị kết án hoặc xử phạt" [27, tr. 41-42].

Đến Phần các tội phạm BLHS, các nhà làm luật Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không nêu tên tội danh, do đó, để bảo vệ TTQLHC và TNHS đối với người thực hiện các tội phạm này được quy định với tên gọi tại Chương VI là "Tội xâm phạm trật tự quản lý xã hội" với 28 điều luật cụ thể như sau [27, tr. 175-188]:

- Điều 277 quy định: "Người nào dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực nhằm cản trở nhân viên cơ quan nhà nước thi hành nhiệm vụ thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 278 quy định: "Người nào kích động quần chúng dùng bạo lực chống lại việc thực hiện pháp luật Nhà nước... thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 279 quy định: "Người nào mạo danh cán bộ để lừa đảo thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 280 quy định: "Người nào làm giả, sửa chữa, mua bán, trộm cắp, cướp, tiêu hủy công văn, giấy chứng nhận, con dấu của cơ quan nhà nước thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 281 quy định: "Người nào sản xuất, mua bán trái phép trang phục, biển số xe hoặc các biển hiệu chuyên dùng khác của cảnh sát, có tình tiết nghiêm trọng thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 282 quy định: "Người nào có được bí mật Nhà nước một cách bất hợp pháp bằng cách lấy trộm, bí mật thu thập, mua chuộc, thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 283 quy định: "Người nào sản xuất, tiêu thụ phi pháp các thiết bị gián điệp chuyên dùng để nghe trộm, chụp trộm, thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 284 quy định: "Người nào sử dụng phi pháp những thiết bị chuyên dùng để nghe trộm, chụp trộm gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù đến 2 năm...";

- Điều 285 quy định: "Người nào vi phạm quy định của Nhà nước, xâm nhập vào hệ thống máy vi tính chứa thông tin về công việc Nhà nước, các công trình quốc phòng, các lĩnh vực khoa học kỹ thuật mũi nhọn, thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 286 quy định: "Người nào vi phạm các quy định của Nhà nước, tiến hành xóa bỏ, sửa chữa, bổ sung, gây nhiễu hệ thống thông tin máy tính, làm cho hệ thống thông tin máy tính không thể vận hành bình thường được, gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù đến 5 năm...";

- Điều 287 quy định: "Người nào sử dụng máy tính thực hiện hành vi lừa đảo tiền tệ, trộm cắp, tham ô, lạm dụng công quỹ, đánh cắp bí mật quốc gia hoặc phạm tội khác, thì bị xử phạt theo các quy định có liên quan trong Bộ luật này";

- Điều 288 quy định:

Người nào vi phạm các quy định của Nhà nước, tự động thiết kế, sử dụng đài vô tuyến hoặc tự dụng chiếm dụng tần số, đã bị cấm không được sử dụng mà vẫn tiếp tục sử dụng làm nhiều việc tiến hành bình thường thông tin vô tuyến điện, gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù đến 3 năm..., đơn vị nào phạm tội nêu trên thì sẽ bị phạt tiền; đối với người phụ trách trực tiếp hoặc những nhân viên chịu trách nhiệm trực tiếp khác thì bị xử phạt theo quy định trên [27];

- Điều 289 quy định: "Người nào tụ tập gây lộn, đánh nhau gây thương tích nặng hoặc dẫn đến tử vong, sẽ bị xử phạt theo quy định chung...";

- Điều 290 quy định: "Người nào tổ chức tụ tập, gây rối trật tự xã hội, có tình tiết nghiêm trọng... thì bị xử phạt tù từ 3 năm đến 7 năm...";

- Điều 291 quy định: "Trường hợp đông người tụ tập gây rối loạn ở bến xe, bến tàu, sân bay, cửa hàng bách hóa..., cản trở những nhân viên làm công tác quản lý trật tự trị an đang thi hành công vụ, có tình tiết nghiêm trọng, thì người chủ mưu bị xử phạt tù đến 5 năm...";

- Điều 292 quy định: "Trường hợp nhiều người tụ tập đánh nhau, thì người chủ mưu và những người tham gia tích cực khác bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 293 quy định:

Người nào có một trong những hành vi khiêu khích dưới đây, phá hoại trật tự xã hội thì bị phạt tù đến 5 năm....: 1. Tự ý đánh người khác, có tình tiết xấu; 2. Đuổi theo, chặn đường, nhục mạ người khác, có tình tiết xấu; 3. Giành giật hoặc cố ý làm tổn hại, chiếm dụng tài sản của công dân hoặc cá nhân, có tình tiết nghiêm trọng; 4. Gây náo động ở những nơi công cộng, làm rối loạn nghiêm trọng trật tự ở những nơi công cộng [27];

- Điều 294 quy định:

Người nào lãnh đạo tổ chức, tích cực tham gia tổ chức mang tính chất xã hội đen, hoạt động phạm tội, vi phạm pháp luật một cách có tổ chức bằng cách dùng bạo lực, uy hiếp hoặc các thủ đoạn khác, xưng bá một vùng, làm điều ác, đàn áp, sát hại quần chúng, phá hoại kinh tế một cách nghiêm trọng, gây mất trật tự cuộc sống xã hội thì bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm... [27];

- Điều 295 quy định: "Người nào truyền thụ phương pháp phạm tội, thì bị phạt tù đến 5 năm...";

- Điều 296 quy định: "Người nào tiến hành tụ tập, diễu hành thị uy mà không xin phép theo quy định của pháp luật hoặc đã xin phép nhưng chưa được đồng ý, hoặc không căn cứ vào thời gian, địa điểm, tuyến đường cho phép của cơ quan chủ quản, chống lại mệnh lệnh giải tán, phá hoại nghiêm trọng trật tự xã hội, thì bị phạt tù đến 5 năm...";

- Điều 297 quy định: "Người nào vi phạm quy định của pháp luật, mang theo vũ khí, dao, mìn hoặc chất nổ bị cấm, tham gia tụ tập, diễu hành, thị uy thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 298 quy định: "Người nào làm rối loạn, tập kích hoặc bằng những biện pháp phá hoại việc tụ tập, diễu hành, thị uy được tiến hành theo đúng pháp luật, gây hỗn loạn trật tự công cộng, thì bị phạt tù đến 5 năm...";

- Điều 299 quy định: "Người nào làm nhục quốc huy, quốc kỳ của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ở nơi công cộng bằng những hình thức như thiêu đốt, phá hủy, vẽ bẩn lên, giầy xéo, thì bị phạt tù đến 5 năm...";

- Điều 300 quy định: "Người nào tổ chức và lợi dụng các môn đạo, tổ chức tà giáo hoặc lợi dụng mê tín phá hoại pháp luật của Nhà nước và việc thực thi pháp quy hành chính, thì bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm...";

- Điều 301 quy định: "Người nào tụ tập tiến hành hoạt động dâm loạn, thì người chủ mưu hoặc tham gia nhiều lần sẽ bị phạt tù đến 5 năm...";

- Điều 302 quy định: "Người nào trộm cắp, làm nhục thi hài thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 303 quy định: "Người nào lấy việc tụ tập đánh bạc, mở sòng bạc làm mục đích kinh doanh kiếm lời hoặc lấy việc đánh bạc làm nghiệp, thì bị phạt tù đến 3 năm...";

- Điều 304 quy định: "Nhân viên công tác trong ngành bưu chính mà vô trách nhiệm một cách nghiêm trọng, cố ý kéo dài việc trả bưu kiện, làm tổn hại đến lợi ích và tài sản của Nhà nước, của nhân dân, thì bị phạt tù đến 2 năm..." [27, tr. 175-188].

Như vậy, nghiên cứu so sánh quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa với nước ta có một số nhận xét sau:

Một là, về cơ bản BLHS Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đều quy định tương đối đầy đủ các tội danh, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC làm cơ sở pháp lý trong việc xử lý người phạm tội, bảo vệ TTQLHC của Nhà nước, đặc biệt là khẳng định rõ ràng và dứt khoát "*cơ sở của trách nhiệm hình sự*".

Hai là, tên gọi tội danh xâm phạm TTQLHC về cơ bản cũng tương tự nhau, tuy nhiên, các nhà làm luật Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không nêu tên tội danh mà chỉ mô tả hành vi khách quan của tội phạm. Ngoài ra, các nhà làm luật Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định gộp chung cả các tội xâm phạm TTQLHC và các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng vào một Chương - "Tội xâm phạm

trật tự quản lý xã hội" với 28 điều luật, trong khi đó, theo BLHS Việt Nam được tách ra thành các Chương khác nhau. Ví dụ: Trong BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định cả tội gây rối trật tự công cộng (Điều 291), tội đánh bạc (Điều 302); v.v... trong khi BLHS Việt Nam quy định tại Chương các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (Chương XIX).

Ba là, về mức độ TNHS, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định cũng tương đồng về hình phạt áp dụng đối với các tội xâm phạm TTQLHC, một số tội phạm quy định ít nghiêm khắc hơn BLHS nước ta như tội chống người thi hành công vụ, tội chiếm đoạt bí mật Nhà nước... Đặc biệt, có một số tội phạm không có trong BLHS nước ta như tội truyền thụ phương pháp phạm tội (Điều 295); tội hoạt động dâm loạn (Điều 301); v.v...

2.4.3. Bộ luật hình sự Nhật Bản

Để có cơ sở xử lý, Điều 1 BLHS Nhật Bản năm 1907, sửa đổi năm 2011 hiện hành nước này quy định: "Luật này được áp dụng với bất kỳ người phạm tội nào phạm tội trên lãnh thổ Nhật Bản" (khoản 1) [33, tr. 35]; đồng thời Điều 6 quy định: "Khi có sự thay đổi hình phạt theo luật mà có sau khi phạm tội xảy ra thì sẽ áp dụng hình phạt nhẹ" (khoản 1) [33, tr. 43]. Quy định về các tội xâm phạm TTQLHC, các nhà làm luật Nhật Bản không quy định rõ thành Chương độc lập như BLHS Việt Nam, mà các tội phạm này được quy định rải rác trong một số Chương, điều tương ứng.

- Chương 5 - Tội cản trở việc thi hành công vụ với các điều luật như [33, tr. 90]:

+ Tội cản trở việc thi hành công vụ (Điều 95) quy định người phạm tội bị phạt tù giam, hoặc tù cầm cố dưới 3 năm...;

+ Tội phá hủy dấu niêm phong (Điều 96) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 2 năm...;

+ Tội cản trở việc thi hành cưỡng chế (Điều 96-2) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 2 năm...;

+ Tội cản trở đấu giá (Điều 96-3) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 2 năm...;

+ Tội cản trở đấu giá liên quan tới thi hành cưỡng chế (Điều 96-4) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 3 năm...;

+ Tội để người khác hủy hoại con dấu niêm phong tài sản kê biên (Điều 96-5) quy định người phạm tội bị xử phạt dưới 5 năm tù...;

- + Tội cản trở đấu giá liên quan đến hợp đồng Nhà nước (Điều 96-6) quy định người phạm tội bị xử phạt tù giam dưới 3 năm...;
- Chương 13 - Tội xâm phạm bí mật với các điều luật như [33, tr. 114-115]:
 - + Mở thư từ (Điều 133) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 1 năm...;
 - + Tiết lộ bí mật (Điều 134) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 6 tháng...;
- Chương 17 - Tội làm giả văn bản với các điều luật như [33, tr. 123-126]:
 - + Làm giả Chiếu chỉ (Điều 154) quy định người phạm tội bị phạt tù chung thân...;
 - + Làm giả văn bản của cơ quan nhà nước (Điều 155) quy định người phạm tội bị phạt tù đến dưới 10 năm...;
 - + Làm sai lệch nội dung văn bản của cơ quan nhà nước (Điều 156) quy định người phạm tội bị phạt tù tương tự Điều 154, 155;
 - + Ghi không đúng sự thật vào văn bản chính có chứng thực (Điều 157) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 5 năm...;
 - + Sử dụng văn bản của cơ quan nhà nước bị làm giả (Điều 158) quy định người phạm tội bị phạt tù như cùng với người làm giả, sửa đổi, hoặc làm sai lệch...;
 - + Làm giả văn bản cá nhân (Điều 159) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 5 năm;
 - + Làm giấy tờ chuẩn đoán giả (Điều 160) quy định người phạm tội bị phạt tù cầm cố đến 3 năm...;
 - + Sử dụng giấy tờ tư nhân bị làm giả (Điều 161) quy định người phạm tội bị phạt tù như hai điều 159-160;
 - + Tạo ra và cung cấp dữ liệu điện tử không đúng (Điều 161-2) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 5 năm;
- Chương 19 - Tội làm giả con dấu bản với các điều luật như [33, tr. 135-138]:
 - + Làm giả và sử dụng con dấu của Nhật Hoàng (Điều 164) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 2 năm...;
 - + Làm giả và sử dụng bất chính con dấu của cơ quan nhà nước (Điều 165) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 5 năm...;
 - + Tội làm giả số ký hiệu của cơ quan nhà nước và sử dụng bất hợp pháp (Điều 166) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 3 năm...;

+ Tội làm giả và sử dụng con dấu tư nhân (Điều 167) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 3 năm...;

+ Tội làm giả dữ liệu điện tử giả (Điều 168-2) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 3 năm...;

+ Đoạt được dữ liệu điện tử bất chính (Điều 168-3) quy định người phạm tội bị phạt tù dưới 2 năm...

Như vậy, nghiên cứu so sánh quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong BLHS Nhật Bản với nước ta có một số nhận xét sau:

Một là, về cơ bản BLHS Việt Nam và Nhật Bản đều quy định tương đối đầy đủ các tội danh, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC làm cơ sở pháp lý trong việc xử lý người phạm tội, bảo vệ TTQLHC của Nhà nước; tuy nhiên, BLHS Nhật Bản không có nội dung về "*cơ sở của trách nhiệm hình sự*".

Hai là, các nhà làm luật Nhật Bản quy định rải rác một số tội phạm tương ứng xâm phạm TTQLHC nhưng ở nhiều Chương khác nhau trong BLHS, với mức hình phạt ổn định. Riêng tội làm giả Chiếu chỉ (Điều 154) quy định người phạm tội ở mức nghiêm khắc có thể bị phạt tù chung thân. Ngoài ra, phạm vi các tội xâm phạm TTQLHC quy định trong BLHS ít hơn BLHS Việt Nam.

Ba là, về mức độ TNHS, BLHS Nhật Bản quy định cả vấn đề chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt ở ngay cuối mỗi điều luật trong Phần riêng (nếu có), còn BLHS Việt Nam lại quy định ở Phần chung BLHS.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Tóm lại, qua nghiên cứu nội dung Chương 2 luận án, nghiên cứu sinh rút ra một số kết luận chung sau đây:

1. Các tội xâm phạm TTQLHC là một nhóm tội phạm được quy định trong BLHS. Các tội xâm phạm TTQLHC là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do những người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm các quy định của Nhà nước về TTQLHC. Trên cơ sở khái niệm TNHS, các cách tiếp cận khác nhau về TNHS, khái niệm TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là nghĩa vụ pháp lý mà người đã thực hiện hành vi bị coi là tội phạm, xâm phạm TTQLHC phải thực hiện theo quy

định của PLHS, thể hiện trong sự tác động mang tính cưỡng chế của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng. Như vậy, việc quy định TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC còn để bảo đảm nguyên tắc công bằng "ở việc không thoát khỏi trách nhiệm và sự tương xứng của trách nhiệm đối với hành vi vi phạm" [115, tr. 45].

2. Cơ sở và các hình thức TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC đã được cụ thể hóa rõ ràng trong BLHS. Cơ sở của TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLH được tiếp cận dưới nhiều khía cạnh khác nhau nhưng vẫn trên cơ sở chung tại Điều 2 BLHS. Ngoài ra, với 4 loại hình phạt chính, 3 hình phạt bổ sung và 4 biện pháp tư pháp có thể được áp dụng đối với các tội phạm này đã tạo ra sự mềm dẻo, linh hoạt cho Tòa án khi xét xử.

3. Nghiên cứu so sánh BLHS một số nước trên thế giới cho thấy quy định về các tội danh, TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC làm cơ sở pháp lý trong việc xử lý người phạm tội, bảo vệ TTQLHC của Nhà nước đều được ghi nhận đầy đủ, trong đó đặc biệt là "cơ sở của TNHS" mặc dù mức độ TNHS có sự khác nhau. Đáng chú ý, BLHS Liên bang Nga có nhiều tội phạm tương đồng với BLHS Việt Nam, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa lại ghép cả các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng vào cùng các tội xâm phạm TTQLHC. Đặc biệt, về mức độ TNHS, BLHS Nhật Bản quy định cả vấn đề chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt ở ngay cuối mỗi điều luật trong Phần riêng (nếu có), còn BLHS Việt Nam lại chỉ quy định ở Phần chung BLHS.

Chương 3

PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

3.1. PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

3.1.1. Pháp luật hình sự Việt Nam giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015 về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

** Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước pháp điển
hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985*

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập với bản chất là một chế độ mới, tiến bộ và dân chủ, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Mặc dù, công việc xây dựng Nhà nước còn nhiều bề bộn và vô vàn những khó khăn, tuy nhiên, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ các quyền cơ bản của con người, ngày 03/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ sớm xây dựng Hiến pháp [55, tr. tr. 279-280]. Trên cơ sở này, ở một chừng mực nhất định đã có các quy định tương ứng về TNHS đối với một số tội phạm tương ứng như các tội xâm phạm TTQLHC của BLHS năm 1985 và năm 1999 sau này.

Trước hết, giống như *tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự*, ngay trong thời kỳ này, Nhà nước đã ban hành Sắc lệnh 68-SL ngày 30/11/1945 quy định việc trưng dụng, trưng thu, trưng tập trong thời kỳ kháng chiến, trong đó xác định rõ: "Trưng tập người là bắt những người ấy phải làm cho Nhà nước trong thời hạn định trước hoặc không định trước những việc thuộc về quân sự hoặc về một công vụ nào đó" (Điều 2) [88, tr. 447]. Chế tài áp dụng đối với việc không tuân hành cũng quy định (sửa đổi theo Sắc lệnh số 100-SL ngày 30/5/1950): "Người nào nhận được lệnh trưng tập mà không tuân hành sẽ bị truy tố trước Tòa án thường và bị phạt tù từ 6 ngày đến 3 tháng, và phạt tiền từ 100 đồng đến 2.000 đồng hoặc một

trong hai hình phạt ấy. Nếu tái phạm sẽ phạt tù từ 2 tháng đến hai năm và phạt tiền từ 300 đồng đến 20.000 đồng" [88, tr. 448] (theo đơn vị tiền cũ).

Ngoài ra, về *tội lạm dụng quốc kỳ*, Chủ tịch Chính phủ đã ra thông cáo số 14 ngày 08/10/1946 quy định: Để giữ tính cách thiêng liêng của Quốc kỳ, ngày thường các tư gia không được treo cờ. Quốc kỳ chỉ được treo trong những ngày hội công, những ngày lễ có tính cách công. Các tư nhân đều cấm không được cắm quốc kỳ hay dán quốc kỳ vào xe hơi. Ai trái luật sẽ bị truy tố trước pháp luật về tội lạm dụng phù hiệu, tương tự đó là tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc ca sau này [88, tr. 325].

Ngày 18/8/1948, Hồ Chủ tịch ban hành Sắc lệnh số 205-SL ấn định thể lệ trục xuất ngoại kiều:

Những người ngoại kiều bị trục xuất mà không chịu rời bỏ lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hòa trong thời gian đã định, hoặc đã ra khỏi biên giới còn trở lại đất Việt Nam mà không có giấy phép của Chính phủ, sẽ bị truy tố và phạt tù từ 1 tháng đến 1 năm. Sau khi mãn hạn tù họ sẽ bị áp dẫn ra ngoài biên giới. Trong thời kỳ chiến tranh, nếu chưa có thể áp dẫn các ngoại kiều bị trục xuất ra ngoài biên giới thì Ủy ban kháng chiến hành chính liên khu có thể quyết định tạm giam họ lại, để chờ cơ hội thuận tiện có thể áp dẫn họ ra khỏi biên thùy [88, tr. 496].

Sau đó, ngày 17/07/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Sắc lệnh số 128-SL về trừng trị tội bóc lột, ăn cắp hay thủ tiêu Công văn của Chính phủ hay thư từ của công dân. Theo đó: "Những kẻ bóc lột hay ăn cắp hay thủ tiêu công văn của Chính phủ sẽ bị truy tố trước Tòa án và phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm, phạt tiền từ 1.000 đồng đến 10.000 đồng hay một trong hai hình phạt ấy" [88, tr. 519]. Cùng ngày 17/11/1950, Chủ tịch nước đã ban hành Sắc lệnh số 154-SL ấn định hình phạt trừng trị việc tiết lộ bí mật cơ quan hoặc công tác của Chính phủ, trong đó quy định: "Trong thời kỳ kháng chiến, việc giữ bí mật về cơ quan hay công tác của Chính phủ là nhiệm vụ của công chức, quân nhân và của toàn dân. Người nào tiết lộ bí mật nói trên, tùy lỗi nặng, nhẹ sẽ bị cảnh cáo, phạt vi cảnh, truy tố trước Tòa án thường và có thể bị phạt tù từ 6 ngày đến 6 tháng" [88, tr. 520]. Sau đó, ngày 15/6/1956, Chủ tịch nước đã ban hành Sắc lệnh số 267-SL trừng trị những âm mưu và hành động phá hoại tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã, của nhân dân, làm cản

trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch Nhà nước. Điều 3 Sắc lệnh quy định rõ "Kẻ nào vì mục đích phá hoại mà tiết lộ, đánh cắp, mua bán, do thám bí mật Nhà nước, sẽ bị phạt từ 5 năm đến 20 năm tù" [88, tr. 447]. Điều 10 Sắc lệnh này quy định sự trừng trị đối với kẻ vô ý làm lộ bí mật Nhà nước:

Kẻ nào, vì thiếu tinh thần trách nhiệm, mà trong công tác mình phụ trách, để lộ bí mật Nhà nước thì sẽ bị phạt từ 3 tháng đến 2 năm tù. Nếu bị can là người phụ trách thì có thể bị phạt tới 5 năm tù. Nếu gây ra thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng thì có thể bị phạt đến 20 năm tù hoặc tù chung thân và phải bồi thường thiệt hại [88, tr. 478].

Tiếp đến, Nghị định số 519-TTG ngày 29/10/1957 của Thủ tướng Chính phủ quy định thể lệ về bảo tồn cổ tích. Điều 1 của Nghị định quy định rõ: Tất cả những bất động sản và động sản có một giá trị lịch sử hay nghệ thuật (kể cả bất động sản và động sản còn nằm dưới đất hay dưới nước) và những danh lam thắng cảnh (danh thắng) trên lãnh thổ nước Việt Nam, bất cứ là thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, một đơn vị hành chính, một cơ quan, một đoàn thể, hoặc một tư nhân, từ nay đều đặt dưới chế độ bảo vệ của Nhà nước quy định trong Nghị định này [88, tr. 324]. Điều 11 và Điều 29 Nghị định còn quy định *trách nhiệm* đối với người vi phạm: Những tư nhân, cán bộ, những cơ quan, đoàn thể, những ban bảo vệ di tích lịch sử vi phạm những quy định trong Nghị định này, tùy theo lỗi nặng hay nhẹ, sẽ bị phê bình, cảnh cáo hoặc truy tố trước Tòa án và có thể bị xử phạt và bồi thường theo luật lệ hiện hành [88, tr. 325]. Sau đó, Thông tư số 81-CP ngày 29/4/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc bảo vệ việc bảo vệ di tích lịch sử, di tích nghệ thuật và hàng động được sử dụng vào công tác sơ tán phòng không cũng quy định trách nhiệm khi vi phạm chế độ bảo tồn di sản văn hóa: Những người nào vi phạm luật lệ bảo vệ di tích thì tùy theo lỗi nhẹ hay nặng sẽ bị phê bình, cảnh cáo, thi hành kỷ luật hành chính hoặc truy tố trước Tòa án... [88, tr. 325].

Về tội *vô ý làm lộ bí mật Nhà nước*, Nghị định số 69-CP ngày 14/6/1962 của Hội đồng Chính phủ cũng quy định TNHS như sau: Người nào vì sơ suất mà để lộ bí mật của Nhà nước hoặc để mất tài liệu bí mật, sẽ tùy trường hợp mà bị thi hành kỷ luật hành chính hoặc bị truy tố trước pháp luật. Nghị định này cũng quy định những vấn đề thuộc phạm vi bí mật của Nhà nước [88, tr. 198].

Về các trường hợp giả mạo, Nghị định số 389-TTg ngày 27/10/1959 của Thủ tướng Chính phủ quy định trách nhiệm đối với trường hợp giả mạo hộ chiếu: Người nào dùng hoặc làm hộ chiếu giả mạo, tự ý sửa đổi những điều ghi trong hộ chiếu, cho mượn hộ chiếu, sử dụng hộ chiếu của người khác, sẽ bị truy tố trước pháp luật. Cùng ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 390-TTg ngày 27/10/1959 quy định giả mạo thị thực hộ chiếu: Người nào dùng hoặc làm thị thực giả mạo, dùng thị thực của người khác, tự ý sửa đổi những điều ghi trong thị thực sẽ bị truy tố trước pháp luật [88, tr. 520].

Về *tội vi phạm thể lệ xuất nhập khẩu và phát hành văn hóa phẩm*, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100-CP ngày 01/6/1966 về việc thống nhất quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm với quy định: Cấm xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm có nội dung trái với 5 điều kỷ luật tuyên truyền ghi trong Sắc lệnh số 282-SL ngày 14/12/1956, trái với đường lối của Đảng và Nhà nước. Những người vi phạm, tùy theo lỗi nhẹ hay nặng sẽ bị phê bình, cảnh cáo hoặc truy tố trước Tòa án, những văn hóa phẩm xuất khẩu hoặc nhập khẩu trái phép có thể bị tịch thu [88, tr. 518].

Tuy nhiên, đáng chú ý là quy định TNHS và việc xử lý hành vi chống người thi hành công vụ. Báo cáo tổng kết công tác năm 1973 của TANDTC nêu: Hiện tượng hành hung cán bộ đang hoặc nhân khi làm nhiệm vụ xảy ra nhiều hơn những năm trước và là một hiện tượng cần phải kiên quyết ngăn chặn, chống mọi biểu hiện coi thường, xúc phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự người cán bộ và uy tín của chính quyền. Đường lối xử lý những vụ án này phải tùy thuộc vào sự phân biệt bị cáo đã hoặc đang có hành động phạm pháp gì hay không và người cán bộ bị xúc phạm có sai lầm gì trong sự thi hành chức năng, nhiệm vụ của mình hay không. Trường hợp bị cáo là người có lỗi nhưng khi nhà chức trách đến giải quyết việc làm sai trái của họ thì chống lại cần phải xử lý nghiêm khắc. Trường hợp hành động chống đối và phạm pháp chỉ là do về phía người cán bộ có sai trái thì khi xử lý bị cáo phải chiếu cố thích đáng đến các nguyên nhân, hoàn cảnh phạm pháp... [88, tr. 198].

Tóm lại, qua nghiên cứu các quy định pháp luật trong lịch sử pháp luật Việt Nam từ năm 1945 đến trước khi có BLHS năm 1985 cho thấy Nhà nước ta giai đoạn này luôn dành sự quan tâm đặc biệt và chú trọng đến nhiệm vụ củng cố, bảo vệ và phát

triển hoạt động đúng đắn của Nhà nước, đặc biệt quy định TNHS đối với các hành vi xâm phạm bí mật của Nhà nước, làm giả giấy tờ, tài liệu và hành vi chống người thi hành công vụ. Những quy định này đã thực sự là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc bảo vệ quan hệ xã hội trong lĩnh vực quản lý hành chính, nhất là trong điều kiện đất nước phải trải qua hai cuộc chiến tranh.

** Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015*

Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời trên cơ sở tổng kết, kế thừa các quy định PLHS qua thực tiễn 40 năm vận dụng thi hành (1945 - 1985) đã tạo cơ sở pháp lý có hiệu quả cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đánh dấu một bước phát triển của PLHS của đất nước ta thời kỳ này. Trong BLHS năm 1985, việc bảo vệ các quan hệ xã hội trong lĩnh vực TTQLHC đã được nâng tầm khi quy định thành một Chương độc lập. Theo đó, để bảo vệ các quan hệ xã hội trong lĩnh vực này, Mục C, Chương VIII Phân các tội phạm BLHS năm 1985 đã quy định về ***các tội xâm phạm TTQLHC***, bao gồm 14 điều luật (từ Điều 205 đến Điều 217), trong đó quy định rõ cấu thành tội phạm, TNHS, mức và loại hình phạt tương ứng đó là:

- Tội chống người thi hành công vụ (Điều 205);
- Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức xã hội hoặc của công dân (Điều 205a);
- Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (Điều 206);
- Tội làm trái hoặc cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 207);
- Tội trốn tránh nghĩa vụ lao động công ích (Điều 208);
- Tội làm trái hoặc cản trở việc thực hiện nghĩa vụ lao động công ích (Điều 209);
- Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 210);
- Tội giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội (Điều 211);
- Tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy con dấu, tài liệu cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội (Điều 212);
- Tội không chấp hành các quyết định hành chính về cư trú bắt buộc, cấm cư trú, quản chế hoặc lao động bắt buộc (Điều 213);

- Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà (Điều 214);
- Tội vi phạm các quy định về xuất bản và phát hành sách, báo, ấn phẩm khác (Điều 215);
- Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 216);
- Tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy (Điều 217).

Với các quy định này, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp của nước ta kể từ ngày được thành lập, các hành vi xâm phạm TTQLHC bị coi là tội phạm được tập hợp lại và xây dựng thành hệ thống đồng bộ các quy phạm PLHS để điều chỉnh, thông qua các quy định về tội danh, các tình tiết, yếu tố cấu thành tội phạm, hình thức TNHS và các hình phạt tương ứng đối với mỗi hành vi xâm phạm TTQLHC bị xác định là tội phạm. Trong quá trình áp dụng và qua 4 lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997, chỉ có 1 điều luật trong các tội xâm phạm TTQLHC đó là: Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức xã hội hoặc của công dân (Điều 205a) bổ sung vào lần thứ hai (năm 1991) còn lại các tội khác không có sự thay đổi và cả chương vẫn được giữ nguyên về số lượng điều luật. Riêng về hình phạt, theo phân loại tội phạm của BLHS năm 1985, đa số các tội xâm phạm TTQLHC là tội phạm ít nghiêm trọng, có mức cao nhất của khung hình phạt đối với mỗi tội đó đều không vượt quá năm năm tù. Tuy nhiên, ở một số tội như tội chống người thi hành công vụ (Điều 205) và tội làm trái hoặc cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 207) có mức hình phạt cao đến 10 năm tù và là tội nghiêm trọng.

Ngoài BLHS, ngày 29/11/1986, Hội đồng Thẩm phán TANDTC cũng đã ban hành Nghị quyết số 04-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần các tội phạm BLHS, trong đó tập trung hướng dẫn riêng tội chống người thi hành công vụ về hành vi khách quan, đáng chú ý hướng dẫn cụ thể về "*Hậu quả nghiêm trọng*" quy định tại khoản 2 Điều luật này và phân biệt với trường hợp giết người thi hành công vụ hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người thi hành công vụ. Sau đó, từ khi ban hành BLHS năm 1985 và Nghị quyết số 04-HĐTP ngày 29/11/1986 về hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần các tội phạm BLHS không có văn bản hướng dẫn liên quan đến nhóm tội phạm này.

Tóm lại, qua quá trình thi hành và áp dụng, BLHS năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997, đến năm 1999, đã được thay thế bởi BLHS năm 1999. Hiện nay, BLHS năm 1999 giữ một vị trí rất quan trọng và là cơ sở pháp lý vững chắc trong việc bảo vệ quyền con người, thể hiện rõ tinh thần chủ động đấu tranh phòng, chống tội phạm. Quy định về các tội xâm phạm TTQLHC so với những quy định trước đây của BLHS năm 1985 đã có một số thay đổi như: Các tội xâm phạm TTQLHC được quy định tại Chương XX BLHS năm 1999 gồm các tội xâm phạm TTQLHC được quy định tại Mục C, Chương VIII và một số tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Mục B, Chương I Phần các tội phạm BLHS năm 1985. Ngoài ra, nhà làm luật quy định thêm hai tội phạm mới mà BLHS năm 1985 chưa quy định, đó là: Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân nhập ngũ (Điều 260) và tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới (Điều 273). Ngoài ra, tên tội danh trong các điều luật của BLHS năm 1999 cũng được sửa đổi, bổ sung; một số tội danh quy định thêm hành vi phạm tội mới hoặc sửa đổi cho phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của đất nước; hoặc một số tội danh được tách từ một hoặc một số tình tiết là yếu tố định khung hình phạt; quy định hình phạt bổ sung; v.v... [69, tr. 10].

Các tội xâm phạm TTQLHC bao gồm 20 tội phạm quy định từ Điều 257 đến Điều 276 BLHS năm 1999.

Hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC chủ yếu được thể hiện dưới dạng hành động (ví dụ: Điều 257, Điều 263 BLHS...). Ngoài ra, hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC còn có thể được thể hiện dưới dạng không hành động (ví dụ: Điều 269). Trong mỗi tội phạm cụ thể, "*đã bị xử lý hành chính về hành vi đó mà còn vi phạm*" là dấu hiệu bắt buộc của nhiều cấu thành tội phạm như: Điều 259, Điều 266, Điều 270... Còn "*đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" là dấu hiệu cấu thành của một số tội phạm như: Điều 259, Điều 270, Điều 272; v.v...

Ngoài ra, đa số cấu thành tội phạm trong các tội xâm phạm TTQLHC không phản ánh dấu hiệu hậu quả trong mặt khách quan của tội phạm. Dấu hiệu "*gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng*" là dấu hiệu định khung tăng

nặng của các tội như: Điều 257, Điều 262, Điều 263; Điều 264, Điều 266; v.v... Có 01/20 điều luật quy định "*hậu quả nghiêm trọng*" là dấu hiệu bắt buộc là Điều 272 BLHS.

Tương tự, cũng đa số các tội phạm xâm phạm TTQLHC là tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng nên chủ thể của các tội này không thể là người chưa đủ 16 tuổi. Chỉ có khoản 2 và khoản 3 Điều 263 và khoản 2 Điều 275 BLHS năm 1999 thì chủ thể mới có thể là người dưới 16 tuổi.

Các loại hình phạt chính được quy định áp dụng đối với nhóm tội phạm này như sau: Cảnh cáo được quy định trong 06 cấu thành tội phạm; phạt tiền - 07 cấu thành tội phạm; cải tạo không giam giữ - 14 cấu thành tội phạm; tù có thời hạn - 20 cấu thành tội phạm. Hình phạt tù chung thân và tử hình không quy định đối với nhóm tội phạm này.

Sau đó, đến lần sửa đổi, bổ sung năm 2009, Chương XX BLHS về các tội xâm phạm TTQLHC, quy định 20 tội danh. Các tội xâm phạm TTQLHC trong BLHS năm 1999 đã được quy định cụ thể hơn, xác định, phân hóa rõ TNHS cũng như phân định cụ thể hơn các khung hình phạt áp dụng đối với các trường hợp phạm tội quy định ở từng khoản trong cùng một tội danh tùy theo tính chất, mức độ của tội phạm, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống các tội phạm này trong tình hình mới.

3.1.2. Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Ngày 27/11/2015, Quốc hội đã thông qua BLHS năm 2015, với tổng số 22 tội danh (từ Điều 330 đến Điều 351), trước đây là 20 tội danh (từ Điều 257 đến Điều 276 BLHS năm 1999). Quy định về TNHS đối với nhóm tội phạm này được phản ánh thông qua một số nội dung chính sau đây:

Một là, về hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC chủ yếu được thể hiện dưới dạng hành động (ví dụ: Điều 330, Điều 331 BLHS...). Ngoài ra, hành vi phạm tội xâm phạm TTQLHC còn có thể được thể hiện dưới dạng không hành động (ví dụ: Điều 338). Trong mỗi tội phạm cụ thể, "*đã bị xử lý hành chính về hành vi đó mà còn vi phạm*" là dấu hiệu bắt buộc của nhiều cấu thành tội phạm như: Điều 332, Điều 336, Điều 340... Còn "*đã bị kết án về tội này chưa được xóa*

án tích mà còn vi phạm" là dấu hiệu cấu thành của một số tội phạm như: Điều 332, Điều 340, Điều 343; v.v...

Hai là, đa số các tội phạm xâm phạm TTQLHC là tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng nên chủ thể của các tội này không thể là người chưa đủ 16 tuổi. Chỉ có khoản 2 và khoản 3 Điều 337 và các điều 348-350 BLHS năm 2015 thì chủ thể mới có thể là người dưới 16 tuổi.

Ba là, các loại hình phạt chính được quy định áp dụng đối với nhóm tội phạm này như sau: Cảnh cáo được quy định trong 07 cấu thành tội phạm; phạt tiền - 07 cấu thành tội phạm; cải tạo không giam giữ - 16 cấu thành tội phạm; tù có thời hạn - 20 cấu thành tội phạm. Hình phạt tù chung thân và tử hình không quy định đối với nhóm tội phạm này.

Bốn là, trong BLHS năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung về các tội xâm phạm TTQLHC, khắc phục nhiều bất cập, hạn chế trong thực tiễn xét xử và thực tiễn áp dụng TNHS đối với các tội phạm này như: Các dấu hiệu định tội, định khung của một số cấu thành tội phạm trong BLHS đã được hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và phục vụ tốt cho thực tiễn xét xử, chẳng hạn:

- Cụ thể hóa các dấu hiệu định tội, định khung hình phạt trong các cấu thành tội phạm: a) Dấu hiệu định tội "*gây hậu quả nghiêm trọng*" trong cấu thành tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng (khoản 1 Điều 272, nay là Điều 345) và tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 266, nay là Điều 340 BLHS); b) Dấu hiệu định khung tăng nặng "*gây hậu quả nghiêm trọng*" trong cấu thành tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257, nay là Điều 330 BLHS); tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước (khoản 2 Điều 263, nay là Điều 337); tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật Nhà nước (khoản 2 Điều 264, nay là Điều 338); tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm c khoản 2 Điều 267, nay là Điều 341); tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội (điểm b khoản 2 Điều 268, nay là Điều 342); v.v... c) Dấu hiệu định

khung tăng nặng "*gây hậu quả rất nghiêm trọng*" trong cấu thành tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước (khoản 3 Điều 263, nay là Điều 337); tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm c khoản 2 Điều 266, nay là Điều 340); tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 3 Điều 267, nay là Điều 341); tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội (điểm b khoản 2 Điều 268, nay là Điều 342); v.v... d) Dấu hiệu định khung tăng nặng "*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*" trong cấu thành tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước (khoản 3 Điều 263, nay là Điều 337); tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm c khoản 2 Điều 266); tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 3 Điều 267, nay là Điều 341); tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội (điểm b khoản 2 Điều 268, nay là Điều 342); tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng (khoản 2 Điều 272, nay là Điều 345).

- Cụ thể hóa hơn nhiều tình tiết định khung trong các điều luật, chẳng hạn "*phạm tội nhiều lần*" được quy định rõ thành "*phạm tội 02 lần trở lên*"; "*phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng*" được cụ thể là "*trường hợp gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*"; v.v... Đặc biệt, Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2000 quy định việc bảo vệ bí mật Nhà nước là nhiệm vụ rất quan trọng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 2), đồng thời quy định rất rõ phạm vi bí mật Nhà nước căn cứ vào tính chất quan trọng của nội dung tin, mức độ nguy hại nếu bị tiết lộ, các tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được chia làm 3 mức độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật (Điều 4) [146]. Do đó, BLHS năm 2015 đã bổ sung tình tiết định khung tăng nặng đối với các hành vi làm lộ bí mật Nhà nước, chiếm đoạt, tiêu hủy ở mức độ "*Tuyệt mật*" và "*Tối mật*" tương ứng với các khung tăng nặng hình phạt.

- Bổ sung thêm "*Tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật*" (Điều 336) nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử; thay đổi tên gọi Điều 338, 339 cho chính xác là

"Tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật Nhà nước"; "Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác"; tách tội tổ chức, môi giới và cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép thành ba tội danh độc lập (các điều 348, 349 và 350).

- Phi tội phạm hóa đối với "Tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, quản chế hành chính" (Điều 269 BLHS) vì hiện nay những biện pháp này biện pháp xử lý hành chính được thực hiện theo quyết định của Tòa án, đã được quy định vào Điều 304 BLHS và đã bỏ biện pháp quản chế hành chính.

- Tăng hình phạt tiền ở nhiều tội phạm (bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung), đồng thời đã cụ thể hóa nhiều tình tiết định khung hình phạt để bảo đảm tính răn đe và giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy, một số quy định của BLHS năm 2015 về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC còn có những hạn chế cần tiếp tục hoàn thiện. Nội dung này sẽ đề cập cụ thể hơn trong Chương 4 của luận án.

3.2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

3.2.1. Tình hình xét xử

Đánh giá tình hình xét xử các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) được thể hiện qua việc phân tích tổng số vụ và tổng số bị cáo phạm các tội này trong tương quan với tổng số vụ và tổng số tội phạm nói chung, mà dưới đây sẽ lần lượt xem xét.

Trước hết, theo thông kê của TANDTC, tổng số vụ và tổng số bị cáo phạm các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), toàn quốc đã xảy ra **20.090** vụ phạm các tội xâm phạm TTQLHC với **22.432** bị cáo, cụ thể như sau:

- Năm 2005 có 896 vụ, 1.744 bị cáo;
- Năm 2006 có 919 vụ, 1.730 bị cáo;
- Năm 2007 có 869 vụ, 1.718 bị cáo;
- Năm 2008 có 970 vụ, 1.923 bị cáo;

- Năm 2009 có 1.045 vụ, 1.900 bị cáo;
- Năm 2010 có 1.049 vụ, 2.031 bị cáo;
- Năm 2011 có 1.083 vụ, 2.156 bị cáo;
- Năm 2012 có 1.317 vụ, 2.404 bị cáo;
- Năm 2013 có 1.385 vụ, 2.469 bị cáo;
- Năm 2014 có 1.311 vụ, 2.484 bị cáo
- Năm 2015 có 1.064 vụ, 1.906 bị cáo (xem Bảng 3.1).

Bảng 3.1: Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự về các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	896	1.744
2006	919	1.730
2007	869	1.718
2008	970	1.923
2009	1.045	1.900
2010	1.049	2.031
2011	1.083	2.156
2012	1.317	2.404
2013	1.385	2.469
2014	1.311	2.484
2015	1.064	1.906
Tổng số	20.090	22.432

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

Như vậy, phân tích thực tiễn xét xử các tội xâm phạm TTQLHC giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) cho thấy: các tội xâm phạm TTQLHC xảy ra và bị đưa ra xét xử chiếm tỷ lệ tương đối thấp trong tổng số các tội phạm hình sự nói chung bị Tòa án đưa ra xét xử. Ví dụ:

- Năm 2005, tổng số vụ đưa ra xét xử là 63.150 vụ và 138.338 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm các tội xâm phạm TTQLHC là 896 vụ và 1.744 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 1,41% và 1,26%;

- Năm 2006, tổng số vụ đưa ra xét xử là 62.166 vụ và 103.733 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm các tội xâm phạm TTQLHC là 919 vụ và 1.730 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 1,47% và 1,66%;

- Năm 2007, tổng số vụ đưa ra xét xử là 65.606 vụ và 114.578 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm các tội xâm phạm TTQLHC là 869 vụ và 1.718 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 1,32% và 1,49%;

- Năm 2008, tổng số vụ đưa ra xét xử là 68.679 vụ và 120.610 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm tội xâm phạm TTQLHC là 970 vụ và 1.923 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 1,41% và 1,59%.

- Năm 2009, tổng số vụ đưa ra xét xử là 58.754 vụ và 131.302 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm tội xâm phạm TTQLHC là 1.045 vụ và 1.900 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 1,77% và 1,44%.

- Năm 2010, tổng số vụ đưa ra xét xử là 56.233 vụ và 174.569 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm tội xâm phạm TTQLHC là 1.049 vụ và 2.031 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 1,86% và 1,16%.

- Năm 2011, tổng số vụ đưa ra xét xử là 59.700 vụ và 173.481 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm tội xâm phạm TTQLHC là 1.083 vụ và 2.156 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 1,81% và 1,24%.

- Năm 2012, tổng số vụ đưa ra xét xử là 66.842 vụ và 187.390 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm tội xâm phạm TTQLHC là 1.371 vụ và 2.404 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 2,05% và 1,28%.

- Năm 2013, tổng số vụ đưa ra xét xử là 85.765 vụ và 151.254 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm tội xâm phạm TTQLHC là 1.385 vụ và 2.469 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 1,61% và 1,63%.

- Năm 2014, tổng số vụ đưa ra xét xử là 86.347 vụ và 153.427 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm tội xâm phạm TTQLHC là 1.311 vụ và 2.484 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 1,51% và 1,61%.

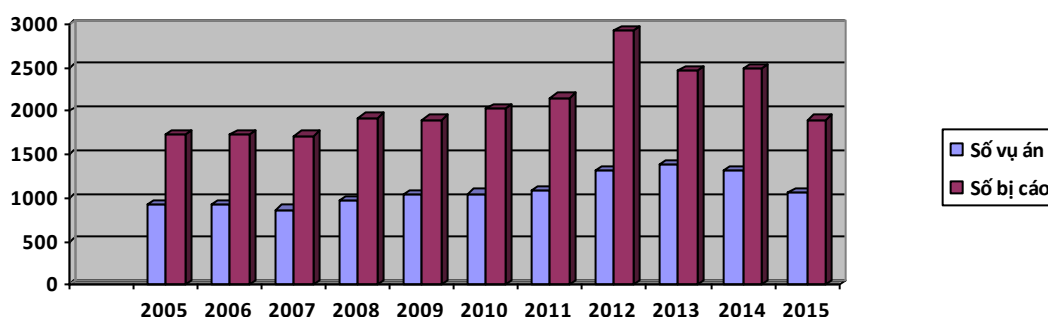
- Năm 2015, tổng số vụ đưa ra xét xử là 78.164 vụ và 136.409 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về nhóm tội xâm phạm TTQLHC là 1.064 vụ và 1.906 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 1,36% và 1,39%.

Tổng hợp số liệu cho thấy tỷ lệ này như sau:

Bảng 3.2: Tỷ lệ tổng số vụ và tổng số bị cáo đã đưa ra xét xử trên tổng số vụ và tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Năm	Số vụ án đã xét xử về các tội phạm (I)	Số vụ án về các tội xâm phạm TTQLHC (II)	Tỷ lệ II/I	Số bị cáo đã xét xử về các tội (III)	Số bị cáo về các tội xâm phạm TTQLHC (IV)	Tỷ lệ IV/III (%)
2005	63.150	896	1,41%	138.338	1.744	1,26
2006	62.166	919	1,47%	103.733	1.730	1,66
2007	65.606	869	1,32%	114.578	1.718	1,49
2008	68.679	970	1,41%	120.610	1.923	1,59
2009	58.754	1.045	1,77%	131.302	1.900	1,44
2010	56.233	1.049	1,86%	174.569	2.031	1,16
2011	59.700	1.083	1,81%	173.481	2.156	1,24
2012	66.842	1.317	2,05%	187.390	2.404	1,28
2013	85.756	1.385	1,61%	151.254	2.469	1,63
2014	86.347	1.311	1,51%	153.427	2.484	1,61
2015	78.164	1.064	1,36%	136.409	1.906	1,39
TC	751.397	20.126	1,59%	1.588.091	22.432	1,41

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.



Biểu đồ 3.1: Số vụ và số bị cáo bị xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

Nhìn vào bảng 3.2 và biểu đồ 3.1 ta thấy: Trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), số vụ và số bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC vẫn có xu hướng tăng, nếu như năm 2005 - 2008 số vụ về tội xâm phạm TTQLHC đã xét xử trung bình dưới 1.000 vụ mỗi năm, thì từ năm 2009 - 2011, số vụ về tội xâm phạm TTQLHC đã tăng lên trung bình mỗi năm xét xử hơn 1.000 vụ, từ năm 2012 - 2014, số vụ về các

tội xâm phạm TTQLHC lại tiếp tục tăng cao, trung bình mỗi năm xử hơn 1.300 vụ. Năm 2013, số vụ và bị cáo xét xử về nhóm tội xâm phạm TTQLHC tăng cao nhất, với 1.385 vụ và 85.756 bị cáo. Tuy vậy, năm 2015 có điểm đáng mừng là số vụ và số bị cáo về các tội phạm này đã giảm hơn (1.064 vụ và 1.906 bị cáo phản ánh hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm này.

Bên cạnh đó, số vụ và số bị cáo bị xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC không nhiều so với số vụ và số bị cáo bị xét xử các tội phạm. Nhìn chung, tỷ lệ tổng số vụ và tổng số bị cáo đã bị Tòa án nhân dân các cấp đưa ra xét xử chiếm tỷ lệ nhỏ, trung bình khoảng 1,59% số vụ và 1,41% số bị cáo, đặc biệt tỷ lệ này năm 2007 rất thấp (1,32% và 1,49%), năm 2012 tỷ lệ này khá cao (2,05% và 1,28%). Tuy nhiên, các tội phạm này có ảnh hưởng quan trọng đến xã hội vì chúng liên quan đến TTQLHC nên cũng cần phải phân tích và đánh giá để làm sáng tỏ thực trạng, qua đó phục vụ cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là những dự báo về nhóm tội phạm này mà dưới đây sẽ lần lượt xem xét.

Trước hết, để xác định con số tội phạm và người phạm tội đã thực hiện các tội phạm đó cần phải tính đến con số tội phạm và số bị cáo bị Tòa án xét xử, tuyên bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật. Số liệu này thường được Tòa án thống kê và hàng năm thường được nêu rõ trong báo cáo tổng kết của Tòa án. Ưu điểm của thống kê hình sự của Tòa án là tính chính xác cao, ổn định vì đây là giai đoạn cuối của quá trình chứng minh. Mặt khác, thực tế cũng cho thấy số người bị Tòa án xét xử oan là rất hãn hữu. Do vậy, con số thống kê về tội phạm và người phạm tội của TANDTC chưa phản ánh đúng thực tế toàn bộ số tội phạm và người phạm tội qua xét xử trên quy mô toàn quốc. Đồng thời nó cũng chưa tính đến số tội phạm và người phạm tội đã phát hiện song chưa đủ điều kiện để đưa ra xét xử hoặc không cần thiết áp dụng thủ tục xét xử và nó cũng chưa tính đến số liệu tội phạm chưa được phát hiện. Chính vì thế ngoài con số tội phạm và người phạm tội qua xét xử, cần thiết phải cộng với con số tội phạm và người phạm tội đã bị phát hiện nhưng không cần thiết áp dụng thủ tục xét xử của Tòa án và số tội phạm đã phát hiện song chưa đủ điều kiện để đưa ra xét xử. Con số này được ghi nhận trong thống kê của Viện kiểm sát và của cơ quan Công an [66, tr. 98].

Ngoài ra, cơ cấu của các tội xâm phạm TTQLHC được thể hiện trong mối tương quan với tình hình tội phạm nói chung. Trong 11 năm (2005 - 2015), trên

phạm vi toàn quốc đã xảy ra **751.397** vụ phạm tội, trong đó có **20.126** vụ xâm phạm TTQLHC, chiếm 1,59% (xem Bảng 3.2 và Biểu đồ 3.2).



Biểu đồ 3.2: Cơ cấu các tội xâm phạm TTQLHC trong các tội phạm nói chung đã được Tòa án các cấp xét xử sơ thẩm giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

Đặc biệt, nghiên cứu các bản án do các Tòa án xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC, nghiên cứu sinh thấy trong số 20 tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC được quy định tại Chương XX BLHS, thì tất cả các tội phạm xâm phạm TTQLHC đã đưa ra xét xử.

Bảng số liệu dưới đây hình dung rõ hơn về tỷ lệ% số vụ và số bị cáo về từng tội phạm cụ thể xâm phạm TTQLHC tính trên tổng số vụ án và số bị cáo bị kết án về các tội phạm này trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015).

Bảng 3.3: Thống kê vụ án và số bị cáo được xét xử sơ thẩm về các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

TT	Tội danh	Điều luật	Số vụ đã xét xử sơ thẩm các tội xâm phạm TTQLHC	% trong tổng số vụ xét xử sơ thẩm các tội xâm phạm TTQLHC	Số bị cáo đã xét xử sơ thẩm các tội xâm phạm TTQLHC	% trong tổng số bị cáo xét xử sơ thẩm các tội xâm phạm TTQLHC
1	Tội chống người thi hành công vụ	257	8598	42,72%	14.952	66,65%
2	Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân	258	68	0,33%	191	0,85%
3	Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự	259	98	0,48%	101	0,45%

4	Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ	260	01	0,004%	02	0,008%
5	Tội làm trái việc thực hiện nghĩa vụ quân sự	261	04	0,019%	04	0,008%
6	Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự	262	03	0,014%	05	0,111%
7	Tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước	263	62	0,30%	99	0,441%
8	Tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật Nhà nước	264	01	0,004%	01	0,004%
9	Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc	265	49	0,24%	77	0,34%
10	Tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận các tài liệu của cơ quan, tổ chức	266	42	1,20%	127	0,56%
11	Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	267	1.909	9,48%	4.962	22,12%
12	Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội	268	71	0,35%	131	0,58%
13	Tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, quản chế hành chính	269	50	0,24%	92	0,41%
14	Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở	270	05	0,02%	12	0,05%
15	Tội vi phạm các quy định về xuất bản, phát hành sách báo, đĩa âm thanh, băng âm thanh, đĩa hình, băng hình hoặc các ấn phẩm khác	271	17	0,08%	25	0,12%
16	Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng	272	05	0,02%	24	0,11%
17	Tội vi phạm quy chế về biên giới	273	03	0,01%	05	0,02%
18	Tội xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; tội ở lại Việt Nam trái phép	274	20	0,09%	31	0,13%
19	Tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép	275	708	3,51%	1.429	6,37%
20	Tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy	276	103	0,51%	186	0,82%
Tổng cộng			20.126	100%	22.432	100%

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

Bảng số liệu thống kê nêu trên cho thấy, các tội xâm phạm TTQLHC bị xét xử nhiều là: tội chống người thi hành công vụ; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép. Trong đó, tội chống người thi hành công vụ xảy ra nhiều nhất. Các tội xâm phạm TTQLHC bị đưa ra xét xử ít là: tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ; tội làm trái việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật Nhà nước và tội vi phạm quy chế về biên giới.

Theo thống kê xét xử, tội chống người thi hành công vụ xảy ra chiếm tỷ lệ đa số với 8.598 vụ/20.126 vụ (chiếm 42,72%) tổng số vụ về các tội xâm phạm TTQLHC mà Tòa án đã đưa ra xét xử và với 14.952 bị cáo/22.432 bị cáo (chiếm 66,65%). Điều này có nghĩa, trung bình Tòa án đưa ra xét xử 800 vụ/năm. Nguyên nhân phạm tội chống người thi hành công vụ ngày một gia tăng là do một bộ phận người dân thiếu hiểu biết pháp luật, bị các đối tượng xấu kích động, lôi kéo tham gia; nhiều thanh, thiếu niên do không được gia đình, nhà trường và xã hội quản lý, giáo dục tốt, thiếu hiểu biết pháp luật... nên khi có hành vi vi phạm bị bắt giữ, xử lý thì chống đối, khiêu khích hoặc dùng vũ lực tấn công lại. Hơn nữa, quy định về TNHS và hình phạt đối với tội phạm này nói chung chưa nghiêm nên chưa đủ sức răn đe, phòng ngừa tội phạm. Các đối tượng vi phạm không chỉ chống người thi hành công vụ để ngăn cản việc bị xử lý, chạy trốn khi bị bắt giữ mà còn ngang nhiên khiêu khích, đe dọa người thi hành công vụ đang làm nhiệm vụ... [28].

Ví dụ: Ngày 17/01/2014, Nguyễn Thị Oanh đến trụ sở Ủy ban nhân dân phường Ninh Dương, Móng Cái vào phòng Địa chính gặp chị Hoàng Thị Bích Thủy là cán bộ địa chính để thắc mắc về nội dung liên quan đến thửa đất của gia đình mình. Khi đến, được chị Thủy giải thích nhưng Oanh không đồng ý, to tiếng chửi bới và có hành vi kéo chị Thủy ra khỏi chỗ làm việc đồng thời đánh chị Thủy gây thương tích nhẹ, khi đó được mọi người can ngăn và mời về phòng Phó Chủ tịch để làm việc nhưng tại đây Oanh vẫn có hành vi và lời nói xúc phạm cán bộ Ủy ban nhân dân phường, nên Ủy ban nhân dân phường yêu cầu Công an phường Ninh Dương cử người đến giữ trật tự và giải quyết. Công an phường cử anh Nguyễn Văn Tuấn (cán bộ Công an phường) và anh Thái Tuấn Linh (Phó trưởng Công an phường) đến giải quyết (đều mặc trang

phục Công an) và thấy Oanh vẫn đang có lời nói, chửi bới cán bộ phường Ninh Dương, nên đã yêu cầu Oanh không được chửi bới, to tiếng làm mất trật tự nhưng Oanh không chấp hành. Do không chấp hành nên anh Linh đã yêu cầu Oanh về trụ sở Công an làm việc nhưng Oanh không nghe và tiếp tục có lời nói xúc phạm anh Linh đồng thời dùng tay lao vào cào cấu nhiều nhát vào mặt và dùng chân đạp vào người anh Linh, anh Tuấn để anh Linh, anh Tuấn không thực hiện được nhiệm vụ và gây thương tích nhẹ cho anh Linh. Bản án hình sự sơ thẩm số 69/HSST ngày 25/4/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái đã xét xử nghiêm minh các bị cáo.

Ngoài ra, khi Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013, để kịp thời hướng dẫn thi hành những quy định mới của Luật này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình (gọi tắt Nghị định 167/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành từ ngày 28/12/2013 và thay thế cho một số nghị định có liên quan trong đó có Nghị định số 73/NĐ-CP. Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 167/NĐ-CP có quy định: "Phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với một trong những hành vi sau đây: a) Dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống người thi hành công vụ"; v.v... Cũng giống như quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 73/NĐ-CP (đã nêu), quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 167/NĐ-CP chưa quy định rõ "*ranh giới*" phân biệt trường hợp vi phạm đến mức độ nào thì được xem là chưa đến mức truy cứu TNHS và bị xử phạt vi phạm hành chính, trường hợp nào sẽ bị truy cứu TNHS về hành vi chống người thi hành công vụ. Hiện nay, quy định này còn mang tính *định tính* nên thực tiễn khó áp dụng đã dẫn thực trạng đang tồn tại theo hai khuynh hướng sau:

Một là, do đây là tội phạm có cấu thành hình thức (không cần có hậu quả xảy ra), nên có quan điểm "*nặng*" về xử lý TNHS đối với người thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ theo quy định tại Điều 257 BLHS;

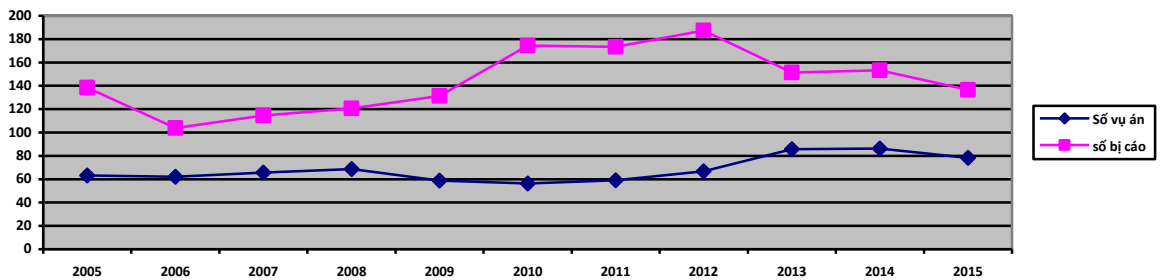
Hai là, trái lại quan điểm khác "*thiên*" về xử lý trách nhiệm hành chính nhiều hơn, điều này được minh chứng bằng thực tế ở nhiều địa phương lượng án xét xử của Tòa án về tội phạm chống người thi hành công vụ là quá ít, trong khi đó hành vi chống người thi hành công vụ vẫn diễn ra báo động.



Biểu đồ 3.3: So sánh tổng số vụ về tội chống người thi hành công vụ so với số vụ về các tội xâm phạm TTQLHC khác trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

Ngoài ra, trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), các tội xâm phạm TTQLHC diễn biến phức tạp cả về số vụ và số đối tượng, cụ thể đã xảy ra tổng số 20.126 vụ và 22.432 bị cáo. Số vụ năm sau đều tăng so với năm trước. So sánh với cả nước, theo thống kê của TANDTC, trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) trong phạm vi toàn quốc đã xảy ra 751.397 vụ phạm tội với 1.588.091 bị cáo. Mức độ gia tăng bình quân hàng năm số vụ phạm tội hình sự nói chung là 103,6%, xấp xỉ 2.418 vụ; mức độ gia tăng bình quân hàng năm số bị cáo là 104,7%, xấp xỉ 4.499 bị cáo (xem Bảng 3.3 và Biểu đồ 3.4).



Biểu đồ 3.4: Số vụ và số bị cáo nói chung đã được xét xử sơ thẩm ở Việt Nam trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

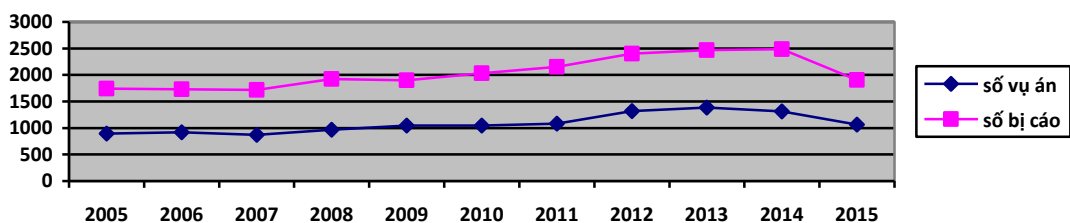
Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

Cũng thời gian này, trên phạm vi cả nước đã xảy ra 20.126 các vụ xâm phạm TTQLHC, với 22.432 bị cáo. Trung bình mỗi năm xảy ra 1.906 vụ, chiếm 1,59% số vụ phạm tội hình sự nói chung (xem Bảng 3.1 và Bảng 3.2). Số liệu thống kê trên cho thấy, án các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 2005 - 2008, trung bình

mỗi năm xét xử sơ thẩm 913 vụ, thì giai đoạn 2009 - 2011, trung bình mỗi năm xét xử sơ thẩm 1.059 vụ, giai đoạn 2012 - 2015 trung bình mỗi năm xét xử 1.337 vụ.

Đặc biệt, xét tương quan giữa tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội xâm phạm TTQLHC nói riêng cho thấy, diễn biến của các tội phạm này trong thời gian qua biến động cùng với diễn biến của tình hình tội phạm nói chung. Nếu so sánh tình hình tội phạm năm 2005 với tình hình tội phạm năm 2015 thì sau 11 năm, số vụ phạm tội nói chung tăng 136,09%, trong khi đó số vụ các tội xâm phạm TTQLHC tăng khác cao khoảng 146%. Xu hướng này không những được phản ánh qua tỷ lệ tăng dần giữa vụ các tội xâm phạm TTQLHC với các loại tội phạm nói chung từ 1,41% năm 2005 lên 1,51% năm 2014 (xem Bảng 3.3), mà còn được phản ánh qua mức độ gia tăng giữa giai đoạn 2012, 2014, 2009 - 2011 với giai đoạn 2005 - 2008 (xem Bảng 3.3).

Biểu đồ 3.5 cho thấy, từ năm 2005 đến năm 2015 tình hình các tội xâm phạm TTQLHC tăng dần theo từng giai đoạn và đặc biệt tăng mạnh vào giai đoạn 2012 - 2014, năm 2013 tăng cao nhất, nhưng ngay năm sau đó lại giảm. Nhìn vào Biểu đồ 3.4 ta thấy, tình hình tội phạm nói chung là một trong các nguyên nhân gây ra sự biến động này. Các năm 2005, 2006, 2007 tình hình tội phạm có xu hướng giảm đã kéo theo sự giảm xuống của các tội xâm phạm TTQLHC; năm 2011, 2012, 2013, 2014, tội phạm tăng nên tình hình các tội xâm phạm TTQLHC cũng vì thế mà có xu hướng gia tăng. Thêm vào đó, từ năm 2010 đến năm 2013, nền kinh tế thế giới bước vào giai đoạn khủng hoảng nghiêm trọng, Việt Nam cũng chịu sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng đó. Sự phân hóa giàu nghèo diễn ra rất quyết liệt. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và nông thôn ở mức cao và là vấn đề nổi cộm nhất của xã hội [143]. Do vậy, tình hình tội phạm về loại tội phạm này trong những năm từ 2012 đến 2014 xảy ra vẫn tương đối cao (cao nhất là năm 2013 với 1.385 vụ).



Biểu đồ 3.5: Số vụ và số bị cáo về các tội xâm phạm TTQLHC đã được xét xử sơ thẩm trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)
 Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

3.2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Với tư cách là một hình thức của TNHS, việc phân tích và làm sáng tỏ thực tiễn áp dụng hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC có ý nghĩa góp phần hoàn thiện chính sách hình sự và tiếp tục sửa đổi, bổ sung BLHS hiện hành. Nghiên cứu thực tiễn áp dụng hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) được thể hiện qua bảng 3.4 dưới đây:

Bảng 3.4: Phân tích việc áp dụng hình phạt và án treo đối với các bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Năm	Tổng số bị cáo	Hình phạt chính và án treo					Hình phạt bổ sung		
		Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Tù có thời hạn	Án treo	Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề...	Cấm cư trú	Phạt tiền
2005	1.744	2	5	38	902	495	1	0	5
2006	1.730	6	13	56	877	533	1	0	8
2007	1.718	8	5	50	827	496	1	0	6
2008	1.923	4	8	39	1.003	570	4	0	13
2009	1.900	1	13	60	930	581	1	0	17
2010	2.031	0	16	42	919	639	0	0	8
2011	2.166	4	24	72	1.124	546	6	0	27
2012	2.404	2	75	61	1.451	576	0	0	9
2013	2.469	1	43	45	1.530	562	0	0	16
2014	2.484	0	55	42	1.408	552	0	0	30
2015	1.906	1	72	31	1.238	563	0	0	72
TC	22.432	28	329	536	14.815	6.084	14	0	211

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

Cụ thể như sau:

** Hình phạt cảnh cáo*

Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực đã tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ và căn cứ pháp lý để các Tòa án áp dụng hình phạt cảnh cáo trong xét xử đối với tội xâm phạm TTQLHC nói riêng và tội phạm nói chung. Cảnh cáo là hình phạt chính được quy định trong hầu hết các điều luật của Chương XX - Các tội xâm phạm TTQLHC.

Trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) có 28 bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC bị áp dụng hình phạt cảnh cáo, so với tổng số 22.432 bị cáo phạm các tội này, chiếm 0,12% (Bảng 3.5). Theo thống kê của TANDTC năm 2014, cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm các tội gồm tội chống người thi hành công vụ (19 bị cáo), tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (4 bị cáo), tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân (01 bị cáo) và tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy (4 bị cáo). Đối với các tội khác, Tòa án không xử bị cáo nào về hình phạt này. Tuy nhiên, cũng trong giai đoạn các năm 2012 - 2014, Tòa án áp dụng hình phạt cảnh cáo rất ít đối với các bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC.

Bảng 3.5: Hình phạt cảnh cáo áp dụng đối với các bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Năm	Tổng số bị cáo	Áp dụng hình phạt cảnh cáo	
		Số bị cáo	Tỷ lệ trong tổng số bị cáo (%)
1	2	3	4 = 3/2 x 100
2005	1.744	2	0,11
2006	1.730	6	0,34
2007	1.718	8	0,46
2008	1.923	4	0,20
2009	1.900	1	0,05
2010	2.031	0	0,00
2011	2.166	4	0,18
2012	2.404	2	0,08
2013	2.469	1	0,04
2014	2.484	0	0,00
2015	1.906	1	0,09
Tổng số	22.432	28	0,12

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

** Hình phạt tiền*

Chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta khi ban hành BLHS năm 1999 thay thế BLHS năm 1985 là tăng xử lý hình sự bằng hình phạt tiền. Trong BLHS năm 1999 hình phạt tiền được mở rộng phạm vi áp dụng với tư cách là hình phạt

chính tại 7/20 điều luật của chương các tội xâm phạm TTQLHC và được lựa chọn với một số hình phạt chính khác như cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn. Trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) có 329 bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC bị áp dụng hình phạt cảnh cáo, so với tổng số 22.432 bị cáo phạm các tội này, chiếm 1,46% (bảng 3. 6). Mặc dù, hình phạt tiền Tòa án áp dụng với tỷ lệ thấp so với các hình phạt khác, tuy nhiên trong giai đoạn 2012 - 2015, tỷ lệ áp dụng hình phạt này tăng cao, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay và phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm này.

Bảng 3.6: Hình phạt tiền áp dụng đối với các bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Năm	Tổng số bị cáo	Áp dụng hình phạt cảnh cáo	
		Số bị cáo	Tỷ lệ trong tổng số bị cáo (%)
1	2	3	4 = 3/2 x 100
2005	1.744	5	0,28
2006	1.730	13	0,75
2007	1.718	5	0,29
2008	1.923	8	0,41
2009	1.900	13	0,68
2010	2.031	16	0,78
2011	2.166	24	1,10
2012	2.404	75	3,09
2013	2.469	43	1,74
2014	2.484	55	2,21
2015	1906	72	3,77
Tổng số	22.432	329	1,46

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

* Hình phạt cải tạo không giam giữ

Các bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là 536 bị cáo, chiếm 2,38% so với tổng số bị cáo phạm tội bị xét xử trong chương này. Trung bình mỗi năm, Tòa án áp dụng đối với 50 bị cáo (so với giai đoạn 2000 - 2005 trung bình là 20 bị cáo). Trong đó, các tội có số bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nhiều nhất là tội chống người thi hành công vụ và tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Bảng 3.7: Hình phạt cải tạo không giam giữ áp dụng đối với các bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Năm	Tổng số bị cáo	Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ	
		Số bị cáo	Tỷ lệ trong tổng số bị cáo (%)
1	2	3	4 = 3/2 x 100
2005	1.744	38	2,17
2006	1.730	56	3,23
2007	1.718	50	2,91
2008	1.923	39	2,02
2009	1.900	60	3,15
2010	2.031	42	2,06
2011	2.166	72	3,32
2012	2.404	61	2,53
2013	2.469	45	1,81
2014	2.484	42	1,69
2015	1.906	31	1,62
Tổng số	22.432	536	2,38

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

** Hình phạt tù có thời hạn*

Tù có thời hạn là hình phạt được quy định phổ biến trong tất cả các tội xâm phạm TTQLHC. Do vậy, hình phạt tù có thời hạn cũng được áp dụng nhiều nhất, trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) số bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn là 14.815 bị cáo/22.432 bị cáo đã xét xử, chiếm tới 66,04%. Tuy nhiên, qua phân tích ở bảng 3.8, có thể nhận thấy rất rõ các mức phạt chưa thật sự bảo đảm mức độ nghiêm khắc cần thiết. Chỉ khoảng 0,05% số bị cáo bị xử phạt trên 15 năm tù; 0,41% số bị cáo bị xử phạt từ 7 năm đến 15 năm tù; 5,23% số bị cáo bị xử phạt từ 3 năm đến 7 năm tù trong khi đó có tới 83,7% số bị cáo phạt tù dưới 3 năm và cho hưởng án treo.

Trên cơ sở nghiên cứu *Bảng 3.8* về tình hình áp dụng chế tài đối với các bị cáo bị xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC cho thấy: Trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), việc cho các bị cáo hưởng án treo và hình phạt tù (chủ yếu là từ 7 năm tù trở xuống) chiếm *chủ yếu* và tập trung vào riêng tội chống người thi hành

công vụ (Điều 257 BLHS). Năm 2005 có 495 bị cáo được hưởng án treo và 893 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 348 bị cáo được hưởng án treo về tội chống người thi hành công vụ và có 679 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống; năm 2006 có 533 bị cáo được hưởng án treo và 862 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 390 bị cáo được hưởng án treo về tội chống người thi hành công vụ và có 639 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống; năm 2007 có 496 bị cáo được hưởng án treo và 822 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 322 bị cáo được hưởng án treo về tội chống người thi hành công vụ và có 600 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống; năm 2008 có 570 bị cáo được hưởng án treo và 999 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 412 bị cáo được hưởng án treo về tội chống người thi hành công vụ và có 738 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống; năm 2009 có 581 bị cáo được hưởng án treo và 913 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 492 bị cáo được hưởng án treo về tội chống người thi hành công vụ và có 691 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống; năm 2010 có 639 bị cáo được hưởng án treo và 952 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 434 bị cáo được hưởng án treo về Tội chống người thi hành công vụ và có 741 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống; năm 2011 có 546 bị cáo được hưởng án treo và 1.109 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 319 bị cáo được hưởng án treo về tội chống người thi hành công vụ và có 850 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống; năm 2012 có 576 bị cáo được hưởng án treo và 1.448 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 368 bị cáo được hưởng án treo về tội chống người thi hành công vụ và có 1.109 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống; năm 2013 có 562 bị cáo được hưởng án treo và 1.525 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 339 bị cáo được hưởng án treo về tội chống người thi hành công vụ và có 1.156 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống; năm 2014 có 552 bị cáo được hưởng án treo và 1.387 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 237 bị cáo được hưởng án treo về tội chống người thi hành công vụ và có 895 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống và năm 2015 có 563 bị cáo được hưởng án treo và 1.230 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống, trong đó có 199 bị cáo được hưởng án treo về tội chống người thi hành công vụ và có 757 bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống.

Như vậy, việc áp dụng chế tài đối với các tội phạm này chủ yếu là Tòa án cho hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt tù (từ 7 năm tù trở xuống). Tuy nhiên, trong những năm gần đây (2011 - 2015), tỷ lệ Tòa án cho bị cáo được hưởng án treo và bị cáo bị phạt tù từ 7 năm trở xuống đối với tội chống người thi hành công vụ nói riêng và các tội xâm phạm TTQLHC nói chung giảm hơn so với giai đoạn 2005 - 2008. Bên cạnh đó, giai đoạn 2008 - 2015 không có trường hợp nào bị Tòa án tuyên không có tội, so với giai đoạn 2005 - 2007 có 5 bị cáo Tòa án tuyên không có tội. Tóm lại, việc áp dụng chế tài đối với các bị cáo phạm tội bị xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC cho thấy chủ yếu được áp dụng đối với các bị cáo phạm tội chống người thi hành công vụ.

Bảng 3.8: Hình phạt tù có thời hạn và án treo được áp dụng đối với bị cáo phạm các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Năm	Áp dụng hình phạt tù có thời hạn và án treo						
	Tổng số bị cáo bị Tòa án tuyên án phạt tù	Trong đó					
		Cho hưởng án treo	Dưới 3 năm tù	Trên 3 năm đến 7 năm	Từ 7 năm đến 15 năm	Từ 15 năm đến 20 năm	Tổng hợp hình phạt trên 20 năm
2005	1.397	495	782	111	06	3	0
2006	1.410	533	756	106	15	0	0
2007	1.323	496	699	123	04	1	0
2008	1.573	570	875	124	04	0	0
2009	1.511	581	825	88	16	1	0
2010	1.558	639	873	79	1	2	1
2011	1.670	546	1.016	93	13	2	0
2012	2.027	576	1.340	108	3	0	0
2013	2.092	562	1.407	118	2	2	1
2014	1.960	552	1.262	125	21	0	0
2015	1.905	563	1.130	100	6	2	0
Tổng	22.467	6.083	12.822	1.175	91	13	02

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC.

Như vậy, qua phân tích thực tiễn áp dụng hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2011) rút ra những nhận xét sau đây:

Một là, thực tiễn xét xử các tội xâm phạm TTQLHC còn chưa phản ánh hết tính chất và mức độ nghiêm trọng của loại tội phạm này. Hình phạt áp dụng chủ yếu là tù có thời hạn nhưng số lượng, tỷ lệ% số bị cáo bị xử tù 3 năm tù trở xuống và cho hưởng án treo còn cao (83,70%).

Hai là, việc áp dụng hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC còn chưa quán triệt chính sách hình sự của Nhà nước trong tình hình mới. Các hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ còn được áp dụng ít đối với nhóm tội phạm này.

Ba là, qua khảo sát 200 bản án của Tòa án các cấp trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) trên địa bàn cả nước (Phụ lục) cho thấy:

a) Tội chống người thi hành công vụ thường chiếm tỷ lệ rất cao, chiếm 76 vụ/200 vụ và tỷ lệ 38%; trong đó việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn là 73 vụ và hình phạt cải tạo không giam giữ 03 vụ đối với tội phạm này;

b) Việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo chiếm 28 vụ/200 vụ chiếm tỷ lệ 14%;

c) Việc áp dụng hình phạt bổ sung chủ yếu là hình phạt tiền;

d) Ngoài ra, trong tổng số 200 vụ chỉ duy nhất có 01 vụ bị cáo được Tòa án miễn hình phạt, chiếm tỷ lệ 0,5%.

3.2.3. Thực tiễn áp dụng các biện pháp tư pháp đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Như đã đề cập, cùng với hình phạt, các biện pháp tư pháp cũng là một dạng của TNHS, một trong những biện pháp cưỡng chế về hình sự ít nghiêm khắc hơn hình phạt, nhưng cũng thể hiện là một hình thức của TNHS. Các biện pháp tư pháp được áp dụng đối với người phạm tội nhằm hạn chế quyền, tự do của người đó hoặc hỗ trợ hay thay thế cho hình phạt [15, tr. 680-681].

Hiện nay, việc áp dụng các biện pháp tư pháp hình sự (kèm theo hình phạt chính) đối với các bị cáo không được thống kê nên tiếp cận là khó khăn. Do đó, trên cơ sở sử dụng phương pháp điều tra án điển hình với số lượng 200 bản án ngẫu nhiên của Tòa án nhân dân các cấp trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) trên địa bàn cả nước (Phụ lục) cho kết quả như sau:

Bảng 3.9: Việc áp dụng các biện pháp tư pháp đối với bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC từ 200 bản án trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

TT	Tội danh	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Hình phạt chính	Biện pháp tư pháp	
					Tịch thu, sung quỹ Nhà nước	Tịch thu tiêu hủy
1	Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257)	76	38	- Tù có thời hạn: 73; - Cải tạo không giam giữ: 03	0	15
2	Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân (Điều 258)	05	2,5	- Tù có thời hạn: 05	0	0
3	Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (Điều 259)	07	3,5	- Tù có thời hạn: 07	0	0
4	Tội làm trái các quy định về thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 261)	01	0,5	- Tù có thời hạn: 01	0	0
5	Tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước (Điều 263)	02	1,0	- Tù có thời hạn: 02	0	0
6	Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 265)	10	5,0	- Tù có thời hạn: 10	0	03
7	Tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 266)	01	0,5	- Tù có thời hạn: 01	0	0
8	Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 267)	57	28,5	- Tù có thời hạn: 57	14	21
9	Tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh (Điều 269)	05	2,5	- Tù có thời hạn: 05	0	0
10	Tội xuất cảnh, nhập cảnh trái phép (Điều 274)	02	1,0	- Tù có thời hạn: 01; - Phạt tiền: 01	01	01
11	Tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (Điều 275)	34	17	- Tù có thời hạn: 33; - Miễn hình phạt: 01	02	0
Tổng cộng		200	100	200	17	40

Nguồn: Tác giả tự xử lý số liệu từ 200 bản án trong Phụ lục.

Như vậy, từ việc nghiên cứu, khảo sát 200 bản án và kết quả trong Bảng 3.9 đã nêu cho phép rút ra một số nhận xét sau đây:

Một là, BLHS quy định hai nhóm biện pháp tư pháp là: biện pháp tư pháp chung; biện pháp tư pháp riêng - áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Theo đó, các biện pháp tư pháp chung được quy định tại các điều từ Điều 41 đến Điều 44 BLHS, bao gồm: tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; bắt buộc chữa bệnh. Các biện pháp tư pháp riêng - áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều 70 BLHS, bao gồm: giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng. Tuy nhiên, việc áp dụng lại chủ yếu là biện pháp tư pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm với nội dung tịch thu, sung quỹ Nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy mà không áp dụng các biện pháp tư pháp hình sự khác.

Hai là, việc áp dụng biện pháp tư pháp với nội dung tịch thu, sung quỹ Nhà nước chủ yếu áp dụng đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 267), tội xuất, nhập cảnh trái phép (Điều 274) và tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (Điều 275). Còn với nội dung tịch thu tiêu hủy lại chủ yếu áp dụng đối với tội chống người thi hành công vụ (Điều 257), tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 265), tội làm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 267) và tội xuất, nhập cảnh trái phép (Điều 274).

Ba là, trong tổng số 200 bản án có nhiều tội danh Tòa án khi xét xử không áp dụng biện pháp tư pháp nào đối với các bị cáo như: tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân (Điều 258); tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (Điều 259); tội làm trái các quy định về thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 261); tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước (Điều 263); tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 266); tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh (Điều 269).

Ngoài ra, trong tổng số 200 bản án được nghiên cứu không thấy có tồn tại, vướng mắc gì liên quan đến việc áp dụng các biện pháp tư pháp. Tuy nhiên, thực

tiền cũng phản ánh rằng, việc áp dụng các biện pháp tư pháp với mục đích hỗ trợ hoặc thay thế cho hình phạt, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm vẫn chưa được chú trọng nhiều.

3.2.4. Thực tiễn áp dụng miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt

Miễn TNHS và miễn hình phạt được quy định phản ánh yêu cầu phải bao hàm các hình thức xử lý khác nhau và ở một chừng mực nhất định vừa phải thể hiện chính sách phân hóa tội phạm và người phạm tội - để có đường lối xử lý phù hợp, chính xác và công bằng, nhưng mặt khác - cũng phải bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các nguyên tắc của luật hình sự nước ta như: pháp chế, dân chủ, bình đẳng trước luật hình sự..., qua đó còn phản ánh nguyên tắc nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục trong chính sách hình sự của Nhà nước đối với việc cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm [114, tr. 264]. Do đó, nghiên cứu thực tiễn áp dụng miễn TNHS, miễn hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) cho thấy:

Bảng 3.10: Miễn TNHS, miễn hình phạt được áp dụng đối với bị cáo phạm các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015)

Năm	Tổng số bị cáo	Miễn TNHS hoặc miễn hình phạt
2005	1.744	3
2006	1.730	5
2007	1.718	0
2008	1.923	5
2009	1.900	3
2010	2.031	0
2011	2.166	0
2012	2.404	2
2013	2.469	0
2014	2.484	0
2015	1.906	1
Tổng	22.432	18

Nguồn: Vụ Tổng hợp, TANDTC

Thông qua Bảng 3.10 nêu trên, nghiên cứu sinh có một số nhận xét sau đây:

Một là, việc Tòa án áp dụng miễn TNHS hoặc miễn hình phạt đối với các bị cáo phạm các tội xâm phạm TTQLHC còn rất ít trong tổng số bị cáo. Trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), chỉ có tổng số 18 trường hợp được áp dụng miễn TNHS hoặc miễn hình phạt trên tổng số 22.432 bị cáo phạm các tội xâm phạm TTQLHC, chiếm tỷ lệ rất nhỏ 0,08%.

Hai là, thống kê chưa phân tách các trường hợp nào Tòa án áp dụng miễn TNHS, trường hợp nào Tòa án miễn hình phạt đối với bị cáo.

Ngoài ra, nghiên cứu 200 vụ án về các tội xâm phạm TTQLHC trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) (xem: Phụ lục) thì cũng chỉ có 01 bị cáo được miễn hình phạt về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (Điều 275 BLHS) mà thôi.

Ba là, cũng trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), có 05 năm Tòa án không áp dụng miễn TNHS hoặc miễn hình phạt (các năm 2007, 2010, 2011, 2013 và 2014), có 02 năm áp dụng nhiều nhất là 05 trường hợp (năm 2006 và 2008).

3.4. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ CÁC NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN

3.4.1. Những tồn tại, hạn chế

Từ việc nghiên cứu lý luận, đánh giá thực tiễn xét xử trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), phân tích 200 bản án trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) và nghiên cứu BLHS năm 1999 về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC cho thấy những tồn tại, hạn chế như sau:

** Tồn tại, hạn chế trong việc quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC*

- Việc quy định các dấu hiệu định khung tăng nặng hình phạt của một số tội xâm phạm TTQLHC còn chưa thực sự hợp lý, đặc biệt chưa đáp ứng được yêu cầu phân hóa TNHS. Các dấu hiệu trong cùng một khung hình phạt phản ánh các trường hợp phạm tội có mức độ nguy hiểm cho xã hội tương đương, và do đó TNHS đặt ra cũng phải ngang bằng nhau. Trong Chương XX BLHS, nhiều dấu hiệu phản ánh các mức độ nguy hiểm cho xã hội khác xa nhau, nhưng lại được quy định với vai trò định khung hình phạt như nhau. Ví dụ: dấu hiệu "*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*", mặc dù chưa có hướng dẫn cụ thể nhưng hiển nhiên các dấu hiệu này có mức độ nguy hiểm khác nhau. Ở nhiều điều luật, các dấu hiệu

này được quy định là dấu hiệu định khung tăng nặng của cùng một khung hình phạt như khoản 3 Điều 263, khoản 2 Điều 266 BLHS. Việc các nhà làm luật quy định như vậy sẽ rất khó cho cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng vào thực tế.

- Ngoài ra, cùng nội dung định khung như nhau, ở các điều luật khác nhau khoảng cách giữa các mức hình phạt trong khung khác nhau, vận dụng trong thực tế cũng rất khác nhau. Chưa kể ở nhiều khung hình phạt, chênh lệch các mức phạt trong khung lại quá lớn, không bảo đảm yêu cầu phản ánh mức độ nguy hiểm và mức độ TNHS tương đương trong khung hình phạt. Ví dụ: khoản 3 Điều 275 BLHS quy định hình phạt phạt tù từ 12 năm đến 20 năm là tương đối rộng.

- Cũng trong BLHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật của Nhà nước cũng chưa quy định cụ thể về trường hợp "*gây hậu quả nghiêm trọng*", "*gây hậu quả rất nghiêm trọng*", "*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*" tại Chương XX- Các tội xâm phạm TTQLHC. Do chưa có hướng dẫn thống nhất, nên trong thực tiễn xét xử có Tòa án áp dụng "*gây hậu quả nghiêm trọng*" là những thiệt hại thực tế về vật chất (ví dụ đối với tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước, nếu hành vi cố ý làm lộ bí mật Nhà nước gây thiệt hại từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng tương đương với hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng là thuộc trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 263 BLHS); v.v...

- Các tội xâm phạm TTQLHC đa số là tội phạm ít nghiêm trọng (có khung hình phạt đến 3 năm tù), hình phạt áp dụng đối với các tội xâm phạm TTQLHC trong cấu thành cơ bản cũng chỉ đến 3 năm tù. Tuy nhiên, xem xét các hình phạt trong cấu thành cơ bản thấy: a) Có điều luật có hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ và phạt tù (Điều 258, 266...); b) Có điều luật chỉ có hình phạt cải tạo không giam giữ và phạt tù (Điều 257, 259, 260, 261, 262, 264, 265); c) Có điều luật chỉ có hình phạt tù (Điều 263); d) Có điều luật quy định chỉ có hình phạt tiền và hình phạt tù (Điều 267 BLHS...); đ) Khoảng cách giữa hình phạt tù của các điều luật khác nhau trong Chương các tội xâm phạm TTQLHC cũng không có sự đồng nhất và có khoảng cách khá xa nhau. Ví dụ: khung cơ bản phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm là các điều 259, 262, 268, 270; phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm là Điều 272; phạt tù từ

6 tháng đến 3 năm là các điều 257, 258, 260, 261, 264, 266, 267, 269, 273, 276. Tuy nhiên, Điều 271 khung hình phạt cơ bản là từ 3 tháng đến 1 năm... Rõ ràng, việc quy định các điều luật như trên là chưa hợp lý vì đây là các tội phạm ít nghiêm trọng, đều xâm phạm đến TTQLHC nên cần có quy định về hình phạt và mức tối thiểu và mức tối đa cho thống nhất trong Chương XX BLHS.

Tuy vậy, một số tồn tại, bất cập này đã được khắc phục phần nào trong BLHS năm 2015. Do đó, nghiên cứu sinh sẽ đề cập trong Chương 4 của luận án khi đề cập đến vấn đề tiếp tục hoàn thiện BLHS và các giải pháp bảo đảm thực hiện.

** Tồn tại, hạn chế trong áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC*

Liên quan đến việc áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC không có tồn tại, bất cập gì lớn trên phương diện áp dụng PLHS. Tuy nhiên, cũng có một số vấn đề đặt ra đối với một vài tội danh và vấn đề TNHS cụ thể như sau:

- Xác định chưa rõ ràng giữa tội chống người thi hành công vụ (Điều 257) và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điểm k khoản 1 Điều 104) dẫn đến việc xác định mức độ TNHS khác nhau

Ví dụ: Thực hiện thông báo của Ủy ban nhân dân xã, ngày 07/6/2005, Công an xã Thanh Lương đã giao nhiệm vụ cho tổ bảo vệ gồm: Lê Đăng Thông, Lê Đăng Huân, Đinh Văn Tạch và Đỗ Văn Ngô do anh Lê Đăng Thông làm tổ trưởng, trông coi đồng lúa và hoa màu của xã. Khoảng 10 giờ cùng ngày, tổ bảo vệ phát hiện Lã Văn Ba thả 500 con vịt vào khu ruộng lúa chín của thôn. Tổ bảo vệ yêu cầu Ba lùa đàn vịt về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thanh Lương để giải quyết. Khi đến ngõ nhà anh Khúc Văn Nhâm thì đàn vịt chạy vào sân nhà anh Nhâm. Anh Ngô dùng cây thuốc Lào vọt xuống sân để đuổi đàn vịt ra khỏi sân, vịt sợ chạy xô đẩy lên nhau, thấy vậy ông Lã Văn Hóa (chú ruột của Ba) đang đứng ở ngõ đã túm cổ áo anh Thông chửi bới, gây sự. Còn Ba chạy lại giữ tay anh Ngô. Anh Ngô gạt tay ra, không may va vào cổ Ba, lập tức Ba đâm vào mặt anh Ngô. Anh Thông thấy vậy chạy đến thì Ba lùi lại dùng thanh sắt dài khoảng 50cm vọt vào lưng anh Ngô hai

cái. Anh Thông giữ tay Ba thì bị Ba vọt vào tay nhưng không gây thương tích. Ngay sau đó mọi người can ngăn, giằng được thanh sắt vọt đi. Ba chạy về nhà và trốn khỏi địa phương, sau đó đã đến cơ quan Công an tự thú.

Quan điểm thứ nhất đồng tình với bản án hình sự sơ thẩm số 07/HSST ngày 20/02/2006 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo cho rằng Ba phạm tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257 BLHS). Quan điểm thứ hai lại cho rằng Lã Văn Ba phạm tội cố ý gây thương tích trong trường hợp để cản trở người thi hành công vụ (điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS).

Như vậy, để phân biệt hành vi phạm tội chống người thi hành công vụ quy định tại Điều 257 và hành vi phạm tội cố ý gây thương tích để cản trở người đang thi hành công vụ quy định tại điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS ở chỗ người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã gây ra hậu quả - thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho nạn nhân hay chưa. Bởi vì theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS thì điều luật này đã bao quát xử lý tất cả các hành vi sử dụng vũ lực để chống đối hay cản trở người đang thi hành công vụ nếu người phạm tội sử dụng vũ lực và hậu quả gây ra làm người thi hành công vụ bị thương tích và tỷ lệ thương tật (tổn hại sức khỏe) từ 1% đến dưới 11%. Còn theo quy định tại Điều 257 thì người phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS về tội này nếu người đó có hành vi sử dụng vũ lực nhưng không (hoặc chưa) gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe cho người thi hành công vụ. Như vậy, ở đây yêu cầu cần thiết là chúng ta cần xác định được hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác... của người phạm tội phải không thuộc trường hợp quy định tại điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS. Nếu hành vi chống người đang thi hành công vụ gây thương tích người đang thi hành công vụ thì người phạm tội phải chịu TNHS về tội cố ý gây thương tích trong trường hợp "*để cản trở người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân*" (điểm k khoản 1 Điều 104). Do đó, đối chiếu với nội dung vụ trên với những quy định của pháp luật hiện hành, cần xét xử Lã Văn Ba về tội cố ý gây thương tích để cản trở người thi hành công vụ (điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS) mới bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Việc áp dụng mức độ TNHS đối với tội chống người thi hành công vụ còn chưa chính xác

Ví dụ: Bản án số 87/2014/HSPT ngày 05/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Ngày 11/6/2014 trong khi tổ công tác của Phòng Cảnh sát Giao thông, Công an thành phố và Công an huyện An Dương đo vẽ hiện trường của vụ tai nạn giao thông. Nguyễn Ngọc Cường mặc dù không liên quan nhưng do uống rượu không kiểm chế được bản thân nên đã có hành vi chửi bới, lăng mạ xúc phạm Tổ công tác và đã xông vào giật biển hiệu trên ngực áo và tát vào mặt đồng chí Đồng Thanh Hội, dùng chân đạp vào lưng đồng chí Nguyễn Anh Đức. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo phạm tội chống người thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 257 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò và xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo như phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có bố vợ tham gia quân đội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 BLHS nhưng xử bị cáo mức hình phạt 12 tháng tù là còn nghiêm khắc. Mặt khác, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo khai gia đình bị cáo có bác ruột và chú ruột có thời gian tham gia quân đội, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn: bố đẻ bị bệnh nặng. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Ngọc Cường còn 6 tháng tù về Tội chống người thi hành công vụ.

- Việc xác định hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân còn gặp nhiều khó khăn

Ví dụ: Ngày 22/6/2012, Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Phi Duy Linh (1969, Đà Nẵng) và Trần Văn Thanh (1953, Hà Nội) về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân theo Quyết định giám đốc thẩm số 11/2011/HS-GĐT ngày 19/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Vụ án này đã qua 3 lần xét xử, tại bản án hình sự số 16/2009/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo Linh 3 năm tù; bị cáo Dương

Tiền 17 tháng 5 ngày tù; bị cáo Trần Văn Thanh 18 tháng tù (hưởng án treo), thời gian thử thách là 36 tháng. Trong thời hạn luật định, các bị cáo: Linh, Tiền, Thanh đều kháng cáo kêu oan. Ngày 31/8/2009, Viện trưởng VKSNDTC có Kháng nghị phúc thẩm số 01/KN-HSPT đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm đối với Thanh, tuyên bố bị cáo Thanh không phạm tội và đình chỉ vụ án đối với bị cáo. Vụ án được TANDTC tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm ngày 7/12/2009 và tuyên giữ nguyên các quyết định của án sơ thẩm đối với các bị cáo Linh và Tiền; bị cáo Thanh được giảm án từ 18 tháng tù (án treo) xuống còn 12 tháng tù (án treo). Ngày 29/10/2010, Viện trưởng VKSNDTC tiếp tục có Kháng nghị giám đốc thẩm số 29/QĐ-VKSTC-V3 kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 78/2009/HSPT của Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng Thẩm phán TANDTC hủy phần quyết định của bản án hình sự phúc thẩm nêu trên, tuyên bố Thanh không phạm tội và đình chỉ vụ án... Vụ án còn nhiều ý kiến khác nhau trong quá trình giải quyết, dẫn đến phải xét xử nhiều lần.

- Việc áp dụng hình phạt còn nặng nề đối với một số tội phạm trong Chương XXI- Các tội xâm phạm TTQLHC

Ví dụ: Bản án số 87/2014/HSPT ngày 06/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Bùi Nguyên Duy là chủ hiệu cầm đồ ở phường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh. Đầu tháng 6/2013, Duy rủ Đặng Xuân Sơn, Vũ Tri Tiệp, Phạm Duy Hoàng đi tìm mua xe mô tô không có giấy tờ về làm giả giấy tờ rồi đem đi lừa cầm cố hoặc bán cho các hiệu cầm đồ lấy tiền ăn tiêu. Thực hiện ý đồ này, Duy cùng các đồng phạm đã mua một máy vi tính, 01 máy in màu và 01 máy ép plastic để tại nhà Duy. Phương pháp làm giả giấy tờ tài liệu là sử dụng giấy đăng ký xe thật và giấy chứng minh nhân dân thật do khách hàng cầm đồ để lại đem đi chụp và truyền vào máy vi tính, sau đó dùng kỹ thuật xóa các thông tin trên giấy rồi điền thông tin theo đặc điểm của xe cần hợp lý hóa cùng địa chỉ giả của chủ xe, tiếp theo in bằng máy in màu thành giấy đăng ký xe thật, giấy chứng minh nhân dân thật, gán ảnh và ép plastic. Sau khi có giấy tờ này, các bị cáo dùng vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản... Tại phiên tòa phúc thẩm, về hình phạt, các bị cáo cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là nặng vì đã thật thà khai báo,

ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Sau khi xét xử sơ thẩm đã thực hiện việc bồi thường cho các bị hại, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Tiệp đã từng tham gia quân đội, là người có thành tích trong công tác được tặng bằng khen, giấy khen, có bố là thương binh được tặng thưởng nhiều huân, huy chương... Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

- Việc áp dụng hình phạt còn nhẹ đối với một số tội phạm trong Chương XXI- Các tội xâm phạm TTQLHC

Ví dụ: Bản án số 14/2014/HSST ngày 27/03/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò. Khoảng 8h ngày 23/5/2013, tại nhà ông Trần Mạnh Lai và bà Phạm Thị Chung thuộc khối Hải Triều, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, Trần Tuấn Anh đã có hành vi chửi bới và dùng vũ lực, đe dọa đánh đoàn công tác của cơ quan thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò gồm ông Lê Ngọc Hồ, Phó Chi cục trưởng, ông Nguyễn Hữu Vui, ông Lê Mạnh Hùng là cán bộ Chi cục thi hành án và bà Nguyễn Thị Phương là cán bộ tư pháp phường Nghi Hải. Hành vi của Trần Tuấn Anh đã làm cho lực lượng của Cơ quan thi hành án không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của họ. Hành vi chửi bới, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực của bị cáo Trần Tuấn Anh đã làm cho đoàn công tác của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò không thể thực hiện được nhiệm vụ. Tòa án đã đưa ra xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Tuấn Anh phạm tội chống người thi hành công vụ và xử phạt 26 tháng tù vẫn còn hơi nhẹ. Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến việc thực hiện nhiệm vụ của những người đang thi hành công vụ, xâm phạm đến hoạt động của Nhà nước được về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành nhiệm vụ công, làm mất trật tự trị an tại địa phương, cách thức thực hiện hành vi ngang nhiên coi thường pháp luật, nhân thân bị cáo xấu (tháng 8/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 18 tháng tù giam về Tội cướp tài sản, ngày 01/7/2007 chấp hành xong hình phạt; tháng 3/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An xử phạt 36 tháng tù giam về Tội cố ý gây thương tích, ngày 26/8/2013 chấp hành xong hình phạt) bị cáo không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội.

- Không có cơ sở, hướng dẫn áp dụng pháp luật để đánh giá thế nào là "hậu quả nghiêm trọng", "hậu quả rất nghiêm trọng" hay "hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" trong một số tội phạm

Ví dụ: Dự án khu đô thị mới Phước Long thuộc phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tại bản án sơ thẩm số 32/2013/HSST ngày 29/10/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa áp dụng tuyên phạt Trần Anh H. 6 năm tù, Nguyễn Mạnh H. 5 năm tù về tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước (khoản 2 Điều 263 BLHS) trong vụ án Dự án khu đô thị mới Phước Long thuộc phường Phước Long, thành phố Nha Trang. Tại bản án phúc thẩm số 107/2014/HS-PT ngày 19/02/2014, Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng áp dụng tuyên phạt Trần Anh H. 4 năm 6 tháng tù, Nguyễn Mạnh H. 4 năm tù về Tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước. Tuy nhiên, xung quanh vụ án có hai quan điểm khác nhau về áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS: Có quan điểm cho rằng Nguyễn Mạnh H. chỉ phạm tội thuộc khoản 1 Điều 263, hành vi làm lộ bí mật Nhà nước của H. không nghiêm trọng, bởi vì H. không có động cơ vụ lợi trong vụ án này mà chỉ xuất phát từ tình cảm quen biết với Trần Anh H., Nguyễn Mạnh H. không biết Trần Anh H. đưa bản dự thảo cho ai. Đối với dự án Phước Long, người dân đã có khiếu nại, tố cáo từ trước khi có bản dự thảo báo cáo thanh tra và nội dung khiếu nại, tố cáo của người dân Phước Long là có căn cứ nên hậu quả làm lộ bí mật Nhà nước của Nguyễn Mạnh H. không có gì nghiêm trọng. Quan điểm khác lại cho rằng, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và TANDTC tại Đà Nẵng đã xét xử đúng người, đúng tội, bởi vì Nguyễn Mạnh H. là thanh tra viên công tác tại Thanh tra Chính phủ, Nguyễn Mạnh H. biết bản thảo Kết luận thanh tra dự án Phước Long là tài liệu mật, nhưng vẫn tìm cách lấy từ ông Đỗ Mạnh L. và gửi cho Trần Anh H. Trần Anh H. đã phát tán bản thảo Kết luận cho nhiều người, nhiều đối tượng đã lợi dụng làm đơn tố cáo, vụ không nhiều đồng chí cán bộ tỉnh Khánh Hòa, thành phố Nha Trang, kích động tập trung đông người kéo đến các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước tại Hà Nội và Khánh Hòa gây phức tạp về an ninh, trật tự; nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng tài liệu này như tài liệu chính thức để chất vấn, kiến nghị, yêu cầu loại bỏ nhân sự bầu cử vào đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2011 - 2016; các thế lực thù địch dựa vào nội dung bản thảo

Kết luận thanh tra để viết bài xuyên tạc, vụ khống chính quyền vi phạm dân chủ, nhân quyền. Do đó, hành vi cố ý làm lộ bí mật Nhà nước của Nguyễn Mạnh H. đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; ảnh hưởng đến uy tín của nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 263 BLHS tuyên xử các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Việc áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần" không đúng đối với các bị cáo phạm tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài (Điều 275 BLHS)

Ví dụ: Bản án phúc thẩm hình sự số 205/2011/HSPT ngày 15/4/2011 của Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội. Các bị cáo Nguyễn Thị Thu Giang và Nguyễn Xuân Nam đã bàn bạc với người tên là Minh về việc đưa người ra nước ngoài, bị cáo Nam đã nhận 45.000 USD của Tạ Thành Long để làm thủ tục cho Nguyễn Khánh Linh, Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Anh Tuấn đi nước ngoài với hứa hẹn làm đầy đủ và hợp pháp, nếu không sẽ trả lại tiền. Các bị cáo sau đó có hàng loạt các hành vi làm ảnh, hộ chiếu, mua vé, xuất cảnh... Hành vi của các bị cáo đã cấu thành Tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, thời điểm tội phạm hoàn thành từ khi các bị cáo thực hiện các hành vi nói trên chứ không phải khi những người trên xuất cảnh thì tội phạm này mới hoàn thành. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm hoàn thành của tội phạm vào lúc những người trên xuất cảnh, coi việc Nguyễn Khánh Linh xuất cảnh vào ngày 12/12/2008 là lần thứ nhất, Nguyễn Thị Diệu Linh và Trần Anh Tuấn xuất cảnh vào ngày 22/12/2008 là lần thứ hai để kết luận các bị cáo phạm tội nhiều lần theo khoản 2 Điều 275 BLHS là chưa đúng. Cả ba người trên đều có quan hệ họ hàng, thân thích, có nguyện vọng xuất cảnh cùng nhau, cùng nhờ anh Long giúp một lúc, anh Long cũng chuyển ba bộ hộ chiếu cho các bị cáo cùng một lần, các bị cáo chuyển cho người tên Minh và nhận lại từ người này cũng trong một lần, do đó, chỉ quy kết các bị cáo phạm tội thuộc khoản 1 Điều 275 BLHS.

3.4.2. Các nguyên nhân cơ bản

Như vậy, nghiên cứu tình hình các tội xâm phạm TTQLHC ở Việt Nam trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), trên cơ sở phân tích tồn tại, hạn chế trong các quy định của BLHS và thực tiễn áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là do một số nguyên nhân cơ bản sau đây:

Một là, quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC vẫn còn có hạn chế, tồn tại.

Theo đó, mặc dù BLHS năm 2015 vừa được ban hành đã khắc phục được nhiều (xem thêm Chương 4 của luận án này). Tuy nhiên, nghiên cứu sinh nhận thấy vẫn còn một số nội dung cần tiếp tục hoàn thiện như:

- Chưa bảo đảm công bằng TNHS trong trường hợp người phạm tội có mục đích chống lại người thi hành công vụ nhưng không có tỷ lệ thương tật nên bị truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ và trường hợp cố ý gây thương tích [69, tr. 21];

- Việc phân tách tội danh do khó xác định hành vi khách quan ở tội vi phạm quy định về quản lý nhà ở để cá thể hóa TNHS được chính xác - hành vi chiếm dụng chỗ ở khác với hành vi xây dựng nhà trái phép (Điều 270, nay là Điều 343 BLHS năm 2015). Do đó, dẫn đến tội danh có hành vi có tính chất, mức độ khác nhau nhưng lại được áp dụng cùng một chính sách xử lý như nhau vì được quy định trong cùng một điều luật ở tội vi phạm quy định về quản lý nhà ở (Điều 270, nay là Điều 343 BLHS năm 2015); v.v...

- Tương tự, chưa phân biệt rõ hành vi phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản (Điều 267, nay là Điều 341) và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139, nay là Điều 174 BLHS năm 2015);

- Hình phạt tù vẫn chiếm đa số trong các cấu thành tội phạm, trong khi xu hướng giảm hình phạt tù, tăng cường áp dụng các hình phạt không tước tự do theo yêu cầu cải cách tư pháp đang đòi hỏi đặt ra, do đó, cần rà soát, nghiên cứu để giảm bớt đối với một số tội phạm ít nghiêm trọng...

Hai là, do đặc thù của lĩnh vực TTQLHC nên trong thực tiễn, chính sách về kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, còn nhiều sơ hở, thiếu sót, nhất là trong quản lý hành chính, quản lý xuất nhập cảnh, quản lý hoạt động xuất bản... dẫn đến do nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan của người áp dụng chưa đúng hoặc chưa chính xác quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

Lĩnh vực TTQLHC là rất rộng, đa dạng và chính sách hình sự của Nhà nước đã phân định rõ 20 cấu thành tội phạm trong BLHS để phân biệt với các hành vi không phải là tội phạm. Tuy nhiên, TTQLHC trong các tội phạm này còn chia ra thành TTQLHC trong lĩnh vực hoạt động bình thường của người thi hành công vụ, của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, các quy định của Nhà nước về thực hiện các quyền; TTQLHC trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự và việc thực hiện nghĩa vụ quân sự của công dân; chế độ bảo vệ bí mật Nhà nước; TTQLHC trong lĩnh vực quản lý chức vụ, cấp bậc và uy tín của cán bộ; TTQLHC thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng các giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan tổ chức; TTQLHC trong lĩnh vực quản lý nhà ở; lĩnh vực xuất bản và phát hành sách, báo, đĩa âm thanh, băng âm thanh, đĩa hình hoặc các ấn phẩm khác; TTQLHC trong lĩnh vực bảo vệ quản lý và sử dụng các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; chế độ quản lý nhà nước về khu vực biên giới quốc gia; TTQLHC trong lĩnh vực xuất nhập cảnh; TTQLHC trong quan hệ đối nội, đối ngoại và khách thể đặc biệt là quốc thể nên việc đánh giá còn gặp khó khăn.

Đặc biệt, vừa qua, hàng loạt các Nghị quyết, Hiến pháp, các luật tổ chức được ban hành, trong đó đáng chú ý là quan điểm phải phát triển án lệ được xác định tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về "*Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật định hướng đến năm 2020*" và giao cho Tòa án nhân dân tối cao nhiệm vụ phát triển án lệ được nêu rõ tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*". Do đó, ngày 28/10/2015, Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về "*Quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ*", vì vậy, đòi hỏi đối với những vụ án đã áp dụng đúng, chính xác cần được nghiên cứu để xây dựng án lệ.

Ba là, chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, còn nhận thức chưa toàn diện, hệ thống nên việc áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC chưa thống nhất, đồng bộ.

Thực tiễn xét xử trong giai đoạn 10 năm (2005 - 2014) cho thấy, việc áp dụng quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC còn gặp một số trường

hợp áp dụng chưa chính xác tội danh dẫn đến TNHS chưa tương xứng hoặc mức độ TNHS chưa phù hợp; áp dụng mức và loại hình phạt quá nặng hoặc lại quá nhẹ đối với người phạm tội, hay việc khó khăn trong xác định hậu quả của tội phạm... từ đó làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Mặt khác, việc ban hành BLHS mới nhưng chưa có những giải pháp bảo đảm về mặt thực tiễn thi hành sẽ là thiếu hụt trong việc bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do đó, việc đưa ra một số giải pháp bảo đảm mang tính khả thi cao phục vụ thực tiễn thi hành những quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là cần thiết.

Do đó, việc đưa ra kiến nghị tiếp tục hoàn thiện pháp luật và các giải pháp bảo đảm hiệu quả áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng không những góp phần phòng, chống tội phạm đạt hiệu quả, mà còn nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong quản lý hành chính nhà nước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Tóm lại, qua nghiên cứu nội dung Chương 3 luận án, nghiên cứu sinh rút ra một số kết luận chung sau đây:

1. Trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), số vụ và số bị cáo phạm tội xâm phạm TTQLHC tăng, giảm không đều, thể hiện vẫn còn diễn biến phức tạp, trung bình mỗi năm xử hơn 1.300 vụ. Trong tổng số các tội phạm, một số tội xâm phạm TTQLHC bị xét xử nhiều là: Tội chống người thi hành công vụ; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép. Trong đó, tội chống người thi hành công vụ là tội xảy ra nhiều nhất. Các tội xâm phạm TTQLHC bị đưa ra xét xử ít là: tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ; tội làm trái việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật Nhà nước và tội vi phạm quy chế về biên giới. Việc áp dụng án treo còn chiếm tỷ lệ cao, trong khi đó việc áp dụng biện pháp tư pháp, miễn TNHS hoặc miễn hình phạt còn rất thấp.

2. Tình hình áp dụng quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC ở Việt Nam trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) cho thấy, bên cạnh kết quả xét xử bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ TTQLHC của Nhà nước, thì vẫn có tồn tại, hạn chế trong quy định của BLHS Việt Nam và thực tiễn xét xử, làm giảm hiệu quả công tác này. Một vài tội phạm trong nhóm các tội xâm phạm TTQLHC trong thời gian tới dự báo vẫn xảy ra với diễn biến phức tạp, cụ thể là tội chống người thi hành công vụ; tội giả mạo chức vụ, cấp bậc; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép vẫn là những tội chiếm tỷ trọng lớn trong các tội xâm phạm TTQLHC.

3. Bên cạnh đó, luận án cũng đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong quy định của BLHS và trong áp dụng quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC. Theo đó, mặc dù BLHS năm 2015 đã khắc phục nhiều hạn chế trong lĩnh vực lập pháp, song vẫn cần phải tiếp tục hoàn thiện BLHS nước ta về TNHS đối với các tội phạm này và đề xuất các giải pháp bảo đảm, qua đó góp phần tôn trọng và bảo đảm trật tự quản lý nhà nước, củng cố và tạo niềm tin vào công lý, pháp chế XHCN cho quần chúng nhân dân và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Chương 4

YÊU CẦU, NỘI DUNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

4.1. YÊU CẦU TIẾP TỤC HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Bộ luật hình sự năm 1999 được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ VI thông qua ngày 21/12/1999, có hiệu lực từ ngày 01/07/2000. Từ khi ra đời đến nay, BLHS đã góp phần rất quan trọng trong việc quản lý xã hội, phòng, chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của các tổ chức và của công dân. Tuy nhiên, sau gần 15 năm thi hành, tình hình đất nước ta đã có những thay đổi lớn về mọi mặt, trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN mà nội dung cơ bản là ghi nhận và bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền cơ bản của công dân; chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật, chiến lược cải cách tư pháp và chủ động hội nhập quốc tế của Việt Nam [4, tr. 1], đòi hỏi phải sửa đổi toàn diện BLHS, trong đó có TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC. Vừa qua, ngày 27/11/2015, Quốc hội đã thông qua BLHS năm 2015, trong đó có một số sửa đổi, bổ sung về các tội xâm phạm TTQLHC, khắc phục nhiều bất cập, hạn chế trong thực tiễn xét xử và thực tiễn áp dụng TNHS đối với các tội phạm này. Tuy nhiên, với những sửa đổi, bổ sung (đã nêu trong Chương 2 luận án này), nghiên cứu sinh cho rằng, việc đề xuất yêu cầu tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC nói riêng phản ánh tính cấp trên các bình diện sau đây.

4.1.1. Về phương diện chính trị, xã hội

Việc tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ trật tự xã hội bằng PLHS. Theo đó, từ các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước trên đây sẽ là những định hướng quan trọng, xuyên suốt đối với việc hoạch định chính sách

hành sự đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và đối với các tội xâm phạm TTQLHC nói riêng. Các tư tưởng, quan điểm này cũng cần được áp dụng, nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện quy định của BLHS về các tội xâm phạm TTQLHC; xác định rõ để áp dụng TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC được cụ thể, chính xác và phù hợp hơn ở nước ta trong thời gian tới. Các quy định này phải thể chế hóa quan điểm của Đảng, chính sách hình sự của Nhà nước về tội phạm nói chung và các tội xâm phạm TTQLHC nói riêng; từ đó, quy định rõ ràng cơ sở của TNHS và hình thức TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC.

Không những thế, việc hoàn thiện này còn góp phần đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp. Các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng về vấn đề này trong những năm qua được thể hiện rõ nét qua Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "*Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*", Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị "*Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*", Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị "*Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*". Ngoài ra, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, Chính phủ đã ra Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP "*Về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*". Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 138/CP để chỉ đạo triển khai thực hiện *Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm* trong thời gian tới và đặc biệt là các nội dung trong Hiến pháp năm 2013. Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết trên, công cuộc cải cách tư pháp đã được các cấp ủy, các tổ chức Đảng lãnh đạo thực hiện với quyết tâm cao đạt được nhiều kết quả. Nhận thức được sự quan tâm của toàn xã hội đối với công tác tư pháp có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm TTQLHC nói riêng, đã nâng lên một bước góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4.1.2. Về phương diện thực tiễn xét xử

Theo đó, việc tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC không những đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng,

chống tội phạm nói chung, mà còn góp phần đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm TTQLHC nói riêng. Sau khi nước ta chuyển đổi từ nền kinh tế từ bao cấp sang kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, tình hình tội phạm cũng có sự biến đổi về số lượng, phạm vi, tính chất và mức độ gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội và ảnh hưởng không tốt đến môi trường đầu tư kinh doanh. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp cấp bách tăng cường an ninh, trật tự an toàn xã hội, cùng các biện pháp tăng cường quản lý nhà nước thông qua việc củng cố, kiện toàn bộ máy, tổ chức Nhà nước và hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, trong những năm qua, mặc dù BLHS đã phát huy tác dụng tích cực trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nhưng riêng với nhóm tội phạm này, thời gian qua nổi lên tình trạng tội phạm chống người thi hành công vụ, cá biệt có những vụ người phạm tội đã sử dụng "*vũ khí nóng*" để chống lại các lực lượng chức năng. Để xử lý tội phạm được đúng luật, để BLHS đi vào cuộc sống, phát huy được hiệu lực, hiệu quả thì luật thực định phải cụ thể, rõ ràng, phải thống nhất và có sự phân hóa hợp lý. Mặc dù BLHS năm 2015 đã khắc phục phần nào, tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục hoàn thiện để phù hợp hơn nữa cơ chế thị trường, hội nhập cũng bộc lộ một số biểu hiện tiêu cực trong xã hội, dư luận chưa thật sự quan tâm và chưa có thái độ quyết liệt trong việc góp phần đẩy mạnh công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Một số tồn tại, hạn chế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm cần khắc phục là trách nhiệm của toàn xã hội, từ người dân đến tổ chức, cơ quan nhà nước, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án, qua đó, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, trong việc định tội danh và quyết định hình phạt và mức độ TNHS bảo đảm phải xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội.

4.1.3. Về phương diện lý luận và lập pháp hình sự

Trước yêu cầu phải khắc phục các tồn tại, hạn chế của việc áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC. Trong thời gian qua, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều cố gắng trong việc áp dụng các quy

định này, làm cơ sở pháp lý trong cuộc đấu tranh với tội phạm này. Tuy nhiên, thời gian qua, chất lượng công tác tư pháp nói chung, hoạt động áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC nói riêng chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân. Cụ thể, vẫn còn một số vụ án xâm phạm TTQLHC chưa xác định rõ tội danh, dẫn đến mức độ TNHS áp dụng chưa thống nhất. Do đó, việc tiếp tục hoàn thiện và triển khai thi hành BLHS năm 2015 là cấp bách.

Ngoài ra, việc đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với các hành vi phạm tội còn có lúc nặng, lúc nhẹ, chưa bảo đảm nguyên tắc công bằng, bình đẳng trong luật hình sự Việt Nam. Đặc biệt, một số tình tiết định tội, định khung chưa được hướng dẫn nên còn có những vụ án có nhiều quan điểm khác nhau, qua đó, chưa bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật cũng như chính sách PLHS mà nghiên cứu sinh đã nêu tại Chương 3 luận án này.

4.2. NỘI DUNG TIẾP TỤC HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

4.2.1. Nhận xét chung

Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009 và gần đây nhất là BLHS năm 2015 đã quy định một cách tương đối có hệ thống, toàn diện các nguyên tắc, chế định chung của chính sách hình sự, đã hình sự hóa được khá nhiều hành vi nguy hiểm cao cho xã hội và xác định hệ thống hình phạt khá toàn diện, khoa học. BLHS thực sự là công cụ pháp lý quan trọng, góp phần tích cực vào việc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, BLHS được ban hành trong một thời gian khá dài, một số điều luật còn quy định rất chung, trong khi đó, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa được ban hành kịp thời hoặc chưa cụ thể nên khó triển khai thực hiện trên thực tế. Do đó, quy định BLHS Việt Nam về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC đã được khắc phục một số trong BLHS năm 2015 như: Các dấu hiệu định tội, định khung của một số cấu thành tội phạm trong BLHS đã được hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và phục vụ tốt cho thực tiễn xét xử mà nghiên cứu sinh đã đề cập trong Chương 3 luận án này. Chẳng hạn:

Một là, cụ thể hóa dấu hiệu định tội "gây hậu quả nghiêm trọng" (khoản 1 Điều 272, nay là Điều 345; khoản 1 Điều 266, nay là Điều 340 BLHS); dấu hiệu định khung tăng nặng "gây hậu quả nghiêm trọng" (điểm d khoản 2 Điều 257, nay là Điều 330; khoản 2 Điều 263, nay là Điều 337; khoản 2 Điều 264, nay là Điều 338; điểm c khoản 2 Điều 267, nay là Điều 341; điểm b khoản 2 Điều 268, nay là Điều 342 BLHS); dấu hiệu định khung tăng nặng "gây hậu quả rất nghiêm trọng" (khoản 3 Điều 263, nay là Điều 337; điểm c khoản 2 Điều 266, nay là Điều 340; khoản 3 Điều 267, nay là Điều 341; điểm b khoản 2 Điều 268, nay là Điều 342 BLHS); dấu hiệu định khung tăng nặng "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" (khoản 3 Điều 263, nay là Điều 337; điểm c khoản 2 Điều 266; khoản 3 Điều 267, nay là Điều 341; điểm b khoản 2 Điều 268, nay là Điều 342; khoản 2 Điều 272, nay là Điều 345 BLHS).

Hai là, đã cụ thể hóa hơn nhiều tình tiết định khung trong các điều luật, chẳng hạn "phạm tội nhiều lần" được quy định rõ thành "phạm tội 02 lần trở lên"; "phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng" được cụ thể là "trường hợp gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội"; v.v... Đặc biệt, Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2000 quy định việc bảo vệ bí mật Nhà nước là nhiệm vụ rất quan trọng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 2), đồng thời quy định rất rõ phạm vi bí mật Nhà nước căn cứ vào tính chất quan trọng của nội dung tin, mức độ nguy hại nếu bị tiết lộ, các tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được chia làm 3 mức độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật (Điều 4) [146]. Do đó, BLHS năm 2015 đã bổ sung tình tiết định khung tăng nặng đối với các hành vi làm lộ bí mật Nhà nước, chiếm đoạt, tiêu hủy ở mức độ "Tuyệt mật" và "Tối mật" tương ứng với các khung tăng nặng hình phạt.

Ba là, bổ sung thêm "Tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật" (Điều 336) nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử; thay đổi tên gọi Điều 338, 339 cho chính xác là "Tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật Nhà nước"; "Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác"; tách tội tổ chức, môi giới và cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép thành ba tội danh độc lập (các điều 348, 349 và 350).

Bốn là, đã phi tội phạm hóa đối với "Tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, quản chế hành chính" (Điều 269 BLHS) vì hiện nay những biện pháp này biện pháp xử lý hành chính được thực hiện theo quyết định của Tòa án, đã được quy định vào Điều 304 BLHS và đã bỏ biện pháp quản chế hành chính.

Năm là, tăng hình phạt tiền ở nhiều tội phạm (bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung), đồng thời đã cụ thể hóa nhiều tình tiết định khung hình phạt để bảo đảm tính răn đe và giáo dục, phòng ngừa chung; v.v...

Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện, chẳng hạn:

- Người có hành vi dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ chỉ bị truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ khi chưa gây ra thương tích (có tỷ lệ thương tật) hoặc gây ra chết người. Nếu người có hành vi dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ mà gây thương tích cho người thi hành công vụ thì bị truy cứu TNHS về tội cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 1 Điều 104 (nay là Điều 134 BLHS). Tuy nhiên, nếu nạn nhân không có đơn yêu cầu khởi tố và tỉ lệ thương tích của họ dưới 11% (trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại) thì người phạm tội thì vẫn bị truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ và họ bị chịu TNHS cùng với một khung hình phạt với trường hợp chưa gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người thi hành công vụ. Lẽ ra trong trường hợp người phạm tội chống người thi hành công vụ mà gây thương tích cho nạn nhân phải bị phạt nặng hơn người chưa gây ra thương tích cho nạn nhân nhưng BLHS năm 2015 chưa hoàn thiện vấn đề này. Vì vậy, cần quy định tình tiết "*gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người thi hành công vụ*" là tình tiết *định khung hình phạt* đối với tội chống người thi hành công vụ [69, tr. 21].

- Còn một số tội chưa không mô tả rõ ràng dấu hiệu của hành vi khách quan ít nhiều gây khó khăn cho việc xác định chính xác tội danh như: hành vi khách quan của tội vi phạm quy định về quản lý nhà ở (Điều 270, nay là Điều 343) cần tách ra thành *hai* tội độc lập vì trong Điều luật mô tả hai hành vi khác nhau.

- Bộ luật hình sự chưa phân biệt rõ hành vi phạm tội của một số tội có dấu hiệu cấu thành gần giống nhau nên thực tiễn áp dụng các điều luật này gặp nhiều

khó khăn, ví dụ như: hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản (Điều 267, nay là Điều 341 BLHS) và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139, nay là Điều 174 BLHS) dẫn đến có vụ án còn có quan điểm chưa thống nhất. Có quan điểm cho rằng hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản phải bị truy cứu TNHS hai tội là tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì Điều 341 BLHS năm 2015 đã quy định người nào làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu đó để thực hiện hành vi trái pháp luật... nên tội làm giả con dấu đã hoàn thành khi họ sử dụng con dấu giả để gian dối chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, có quan điểm cho rằng hành vi làm giả con dấu chỉ là thủ đoạn phạm tội, con dấu, tài liệu giả chỉ là công cụ, phương tiện phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên chỉ bị truy cứu TNHS về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà thôi (ví dụ: Bản án hình sự phúc thẩm số 87/2014/HSPT ngày 06/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh). Theo đó, Bùi Nguyên Duy là chủ hiệu cầm đồ ở phường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh. Đầu tháng 6/2013, Duy rủ Đặng Xuân Sơn, Vũ Tri Tiệp, Phạm Duy Hoàng đi tìm mua xe mô tô không có giấy tờ về làm giả giấy tờ rồi đem đi lừa cầm cố hoặc bán cho các hiệu cầm đồ lấy tiền ăn tiêu. Thực hiện ý đồ này, Duy cùng các đồng phạm đã mua một máy vi tính, 01 máy in màu và 01 máy ép plastic để tại nhà Duy. Phương pháp làm giả giấy tờ tài liệu là sử dụng giấy đăng ký xe thật và giấy chứng minh nhân dân thật do khách hàng cầm đồ để lại đem đi chụp và truyền vào máy vi tính, sau đó dùng kỹ thuật xóa các thông tin trên giấy rồi điền thông tin theo đặc điểm của xe cần hợp lý hóa cùng địa chỉ giả của chủ xe, tiếp theo in bằng máy in màu thành giấy đăng ký xe thật, giấy chứng minh nhân dân thật, gán ảnh và ép plastic. Sau khi có giấy tờ này, các bị cáo dùng vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản... Tòa án đã xử các bị cáo phạm hai tội là tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bên cạnh đó, ý kiến khác thì cho rằng, chỉ nên thu hút vào một tội là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì mục đích của các bị cáo có sửa chữa, làm giả cũng nhằm để chiếm đoạt tài sản mà thôi. Đồng thời, nếu các bị cáo sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân không nhằm

chiếm đoạt tài sản mà nhằm mục đích khác như: dùng bằng tốt nghiệp giả để xin việc, để được bổ nhiệm, để tăng lương, để được đi lao động ở nước ngoài; làm giả sổ hộ khẩu để được mua nhà ở trung tâm thành phố, để được giao đất trồng rừng... thì sẽ bị truy cứu TNHS về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

- Còn có tội danh có tính chất, mức độ khác nhau nhưng lại được áp dụng cùng một chính sách xử lý như nhau vì được quy định trong cùng một điều luật. Điều này đã gây khó khăn cho việc định tội danh và quyết định hình phạt cũng như xác định các tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm, đó là *tội vi phạm quy định về quản lý nhà ở* (Điều 270, nay là Điều 343 BLHS) gồm hai hành vi là *chiếm dụng chỗ ở và xây dựng nhà trái phép* là hai tội phạm độc lập có khách thể khác nhau nhưng lại quy định trong một điều luật là không hợp lý vì hành vi chiếm dụng chỗ ở có khách thể là quyền về sử dụng, sở hữu chỗ ở của công dân, cơ quan, tổ chức; còn hành vi xây dựng nhà trái phép có khách thể là vi phạm quy định của nhà nước về trật tự xây dựng [4, tr. 15].

- Có điều luật quy định tội danh nhưng trong dấu hiệu định tội lại không quy định hành vi phạm tội nên không thể áp dụng được trong thực tiễn. Đó là tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước (Điều 337 BLHS năm 2015) khi tên gọi của Điều luật là "Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; *tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước*" nhưng nội dung chỉ đề cập đến hành vi cố ý làm lộ bí mật nhà nước hoặc mua bán tài liệu bí mật nhà nước còn "quên" hành vi chiếm đoạt và tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước cũng là hành vi phạm tội.

- Nghiên cứu giảm mức hình phạt tù trong một số tội danh ít xảy ra và mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp trong giai đoạn 10 năm qua như tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước (Điều 264) có 01 vụ; tội vi phạm quy chế về biên giới (Điều 273) có 03 vụ; v.v...

- Một số thuật ngữ được sử dụng trong BLHS chưa thật sự tương đồng với một số luật khác, gây khó khăn cho việc giải thích, áp dụng trên thực tế như: Điều 263 - Tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước sử dụng thuật ngữ "*tài liệu bí mật Nhà nước*" nhưng theo Pháp lệnh Bí mật Nhà nước thì tài liệu chỉ là một dạng bí mật Nhà nước (ngoài tài liệu còn có vật, địa điểm, thời gian, lời nói; v.v...) [146]; v.v...

4.2.2. Những kiến nghị cụ thể tiếp tục sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 2015

Trên cơ sở những đề xuất và lập luận đã nêu, nghiên cứu sinh kiến nghị các nội dung tiếp tục sửa đổi, bổ sung cụ thể để hoàn thiện cơ sở pháp lý hình sự xử lý chính xác TNHS của người phạm tội xâm phạm TTQLHC trước tình hình mới của đất nước như sau:

**** Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257 BLHS năm 1999, nay là Điều 330 BLHS năm 2015)***

Đối với tội phạm này cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung như sau:

- Người có hành vi dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ chỉ bị truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ khi chưa gây ra thương tích (có tỷ lệ thương tật) hoặc gây ra chết người. Nếu người có hành vi dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ mà gây thương tích cho người thi hành công vụ thì bị truy cứu TNHS về tội cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 1 Điều 104 (nay là Điều 134 BLHS). Tuy nhiên, nếu nạn nhân không có đơn yêu cầu khởi tố và tỉ lệ thương tích của họ dưới 11% (trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại) thì người phạm tội thì vẫn bị truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ và họ vẫn bị chịu TNHS cùng với một khung hình phạt với trường hợp chưa gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người thi hành công vụ. Lẽ ra trong trường hợp người phạm tội chống người thi hành công vụ mà gây thương tích cho nạn nhân phải bị phạt nặng hơn người chưa gây ra thương tích cho nạn nhân. Đối với hành vi chống người thi hành công vụ, nếu gây thương tích cho người thi hành công vụ có tỷ lệ thương tật từ 1% trở lên, thì người phạm tội bị truy cứu TNHS về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác mà không bị truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ. Thực tiễn xét xử có nhiều trường hợp rõ ràng hành vi của người phạm tội là hành vi chống người thi hành công vụ nhưng Tòa án lại kết án họ về tội cố ý gây thương tích làm cho nhiều người hiểu lầm rằng Tòa án kết án người phạm tội không đúng với hành vi khách quan và ý thức chủ quan của họ; có trường hợp nhiều người cùng chống người thi hành công vụ nhưng người này thì bị kết án về tội chống người thi hành công vụ, còn người khác lại bị kết án về tội cố ý gây thương tích... [69, tr. 20].

Vì vậy, để xử lý nghiêm minh đúng như tinh thần BLHS năm 2015 tăng mức độ TNHS người có hành vi chống người thi hành công vụ, thì trong trường hợp tương ứng và còn gây thương tích cho người thi hành công vụ thì nên quy định tình tiết "*gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người thi hành công vụ*" là tình tiết *định khung hình phạt* đối với tội chống người thi hành công vụ [69, tr. 21].

- Mức hình phạt quy định tại Điều luật này vẫn còn nhẹ, không đủ sức răn đe, giáo dục, nhất là trong tình hình hiện nay khi tội chống người thi hành công vụ có xu hướng gia tăng và đang diễn biến phức tạp. Ngoài ra, thu hẹp khoảng cách giữa mức tối đa và mức tối thiểu của khung hình phạt [3, tr. 344].

Như vậy, Điều 330 BLHS năm 2015 sẽ như sau (*chữ in đứng là nguyên văn của BLHS, còn chữ in đậm, nghiêng là kiến nghị của nghiên cứu sinh*):

"Điều 330. Tội chống người thi hành công vụ

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ **3 năm** đến 7 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội **từ** hai lần trở lên;

c) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội;

d) Gây thiệt hại về tài sản 50.000.000 đồng trở lên;

đ) Tái phạm nguy hiểm;

e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người thi hành công vụ".

...

**** Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân (Điều 258 BLHS năm 1999, nay là Điều 330 BLHS năm 2015)***

Đối với tội phạm này cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung dấu ", " giữa các cụm từ "*tự do*" và "*dân chủ*" cho bảo đảm tính chính xác giữa quyền tự do và quyền dân chủ [30, tr. 89]. Đồng thời, cần bổ sung thêm các khoản nêu rõ các trường hợp nêu

rõ "gây ảnh hưởng rất xấu" và "gây ảnh hưởng đặc biệt xấu" đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho tương ứng với khoản 2 là "gây ảnh hưởng xấu" để phân hóa tội đa TNHS hơn nữa. Như vậy, Điều 330 BLHS năm 2015 sẽ như sau:

"Điều 330. Tội lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

1. Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

2. Phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

3. Phạm tội gây ảnh hưởng rất xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm.

4. Phạm tội gây ảnh hưởng đặc biệt xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 12 năm".

...

*** Tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước (Điều 263 BLHS năm 1999, nay là Điều 337 BLHS năm 2015)**

Đối với tội phạm này cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bỏ cụm từ "tài liệu" vì theo Pháp lệnh bảo vệ Bí mật Nhà nước năm 2000 thì tài liệu chỉ là một dạng bí mật Nhà nước (ngoài tài liệu còn có vật, địa điểm, thời gian, lời nói; v.v...) (Điều 1) [146];

- Tách Điều 337 BLHS thành hai tội danh riêng biệt vì hành vi cố ý làm lộ bí mật Nhà nước và mua bán bí mật Nhà nước có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với hành vi chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước nếu để trong cùng một điều luật sẽ không bảo đảm được TNHS công bằng, đồng thời khắc phục bất cập trong Điều 337 khi không mô tả hành vi chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước như đã đề cập ở trên.

Như vậy, Điều 337 BLHS năm 2015 sẽ như sau:

"Điều 337. Tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội mua bán tài liệu bí mật Nhà nước

1. Người nào cố ý làm lộ bí mật Nhà nước hoặc mua bán bí mật Nhà nước, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

2. Phạm tội trong những trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm:

- a) Bí mật Nhà nước thuộc độ Tối mật;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa.

3. Phạm tội trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 10 đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Bí mật Nhà nước thuộc độ Tuyệt mật;
- c) Phạm tội từ 2 lần trở lên;
- d) Gây tổn hại về chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm".

...

"Điều 337a. Tội tội chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu bí mật Nhà nước

1. Người nào cố ý chiếm đoạt hoặc tiêu hủy bí mật Nhà nước, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm.

2. Phạm tội trong những trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm:

- a) Bí mật Nhà nước thuộc độ Tối mật;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa.

3. Phạm tội trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 10 đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Bí mật Nhà nước thuộc độ Tuyệt mật;
- c) Phạm tội từ 2 lần trở lên;
- d) Gây tổn hại về chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm".

...

*** Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước (Điều 264 BLHS năm 1999, nay là Điều 338 BLHS năm 2015)**

Đối với tội phạm này cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung như sau: giảm hình phạt tù trong các khoản 1 và 2 của điều luật.

Như vậy, Điều 338 BLHS năm 2015 sẽ như sau:

"Điều 338. Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước

1. Người nào vô ý làm lộ bí mật nhà nước hoặc làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến **02** năm.

2. Phạm tội trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ **01** năm đến **05** năm:

a) Bí mật nhà nước thuộc độ Tối mật, Tuyệt mật;

b) Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

*** Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở (Điều 270 BLHS năm 1999, nay là Điều 343 BLHS năm 2015)**

Đối với tội phạm này cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung như sau:

- Hành vi khách quan của tội phạm này là thể hiện ở việc người phạm tội có thể thực hiện một trong hai hành vi: *chiếm dụng* chỗ ở trái phép hoặc hành vi *xây dựng* nhà ở trái phép.

Khi xác định hành vi chiếm dụng trái phép chỗ ở cần phân biệt với hành vi xâm phạm chỗ ở của công dân quy định tại Điều 124, nay là Điều 158 BLHS năm 2015. Nếu người phạm tội đuổi người khác ra khỏi nhà rồi chiếm dụng nhà để ở thì hành vi của người phạm tội phải bị truy cứu TNHS về cả hai tội: tội xâm phạm chỗ ở của công dân và tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở; nếu đuổi người khác

ra khỏi nhà để cho người mà mình quan tâm chiếm dụng nhà của người bị đuổi thì người có hành vi đuổi người khác ra khỏi nhà phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân, còn người được vào nhà đó phạm tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở.

Xây dựng nhà ở trái phép còn bao gồm cả hành vi sửa chữa nhà đang được sử dụng vào mục đích khác thành nhà ở không được phép. Hành vi chiếm dụng chỗ ở có khách thể là quyền về sử dụng, sở hữu chỗ ở của công dân, cơ quan, tổ chức; còn hành vi xây dựng nhà trái phép có khách thể là vi phạm quy định của nhà nước về trật tự xây dựng. Hành vi chiếm dụng chỗ ở nguy hiểm hơn so với hành vi xây dựng nhà trái phép. Vì vậy, nghiên cứu sinh đề nghị tách Điều 343 BLHS năm 2015 ra thành hai tội danh khác nhau. Mặt khác, chiếm dụng chỗ ở là hành vi nguy hiểm hơn hành vi xây dựng nhà trái phép nên không cần dấu hiệu "*đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" là dấu hiệu định tội đối với hành vi này;

- Bổ sung thêm hình phạt tiền là hình phạt chính đối với tội danh này cho phù hợp với thực tiễn xét xử.

Như vậy, Điều 343 BLHS năm 2015 sẽ như sau:

"Điều 343. Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở

1. Người nào chiếm dụng nhà ở do Nhà nước quản lý, thì bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm.

2. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng".

...

"Điều 343a. Tội xây dựng, sửa chữa công trình xây dựng trái phép (tách từ Điều 343)

1. Người nào xây dựng, sửa chữa, công trình xây dựng trái phép, đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 300 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

Nhà ở, công trình xây dựng trái phép có thể bị dỡ bỏ, trưng mua hoặc tịch thu.

2. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng".

...

*** Tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới (Điều 273 BLHS năm 1999, nay là Điều 346 BLHS năm 2015)**

Đối với tội phạm này cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung như sau: giảm hình phạt tù trong các khoản 1 và 2 của điều luật.

Như vậy, Điều 346 BLHS năm 2015 sẽ như sau:

"Điều 346. Tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới

1. Người nào vi phạm quy định về cư trú, đi lại hoặc các quy định khác về khu vực biên giới, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến **02** năm.

2. Tái phạm hoặc phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới, thì bị phạt tù từ **01** năm đến **05** năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm cư trú từ một 01 năm đến 05 năm".

...

4.3. NHỮNG GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Bên cạnh giải pháp tiếp tục hoàn thiện BLHS năm 2015, thì việc đề xuất những giải pháp bảo đảm áp dụng các quy định đó trong điều kiện vừa ban hành BLHS năm 2015 có ý nghĩa cấp thiết.

4.3.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ

Những năm trước đây, TANDTC, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công an đều rất quan tâm xây dựng các chuyên đề đề cập đến giải pháp nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử tội phạm nói chung. Công tác này đã phát huy được hiệu quả to lớn trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, hoạt động trên còn mang tính "thời vụ". Do đó, nghiên cứu sinh kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần thường xuyên tiến hành nghiên cứu, xây dựng nhiều chuyên đề chuyên

sâu về các giải pháp nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm TTQLHC. Phân công trách nhiệm cụ thể cho mỗi cơ quan tiến hành tố tụng trong việc tiến hành tổng kết công tác thực tiễn; phân tích nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc trong việc xác định tội danh, áp dụng hình phạt và quyết định hình phạt đối với các tội xâm phạm TTQLHC để kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng cho phù hợp.

Do đó, để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm TTQLHC, hàng năm các cơ quan có thẩm quyền cần chú trọng công tác thống kê và nghiên cứu Tội phạm học về các tội xâm phạm TTQLHC. Phân tích thực tiễn xét xử và tình hình tội phạm; các đặc điểm nhân thân người phạm tội và động cơ, mục đích, công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm phạm tội... Đặc biệt, cần chú ý phân tích độ tuổi, trình độ học vấn, hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp, nơi cư trú (vùng, miền), đạo đức - tâm lý của người phạm tội. Trên cơ sở kết quả thống kê và phân tích đó, chỉ ra nguyên nhân của các tội xâm phạm TTQLHC và đề xuất các giải pháp đấu tranh phòng, chống, cụ thể như sau:

a) Cơ quan điều tra

Để nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS về các tội xâm phạm TTQLHC, cần nâng cao trách nhiệm trong việc tiếp nhận xử lý tin báo về hành vi xâm phạm TTQLHC của quần chúng nhân dân, cơ quan, tổ chức. Đa dạng hóa các điều kiện thu lượm thông tin, tạo điều kiện cho nhân dân có thể cung cấp tối đa thông tin về tội phạm cho lực lượng Công an. Hoạt động tiếp nhận, xử lý tin báo ban đầu có vai trò đặc biệt trong việc phát hiện các tội xâm phạm TTQLHC. Do đó, cần thiết phải xử lý thông tin ban đầu, khẩn trương xác minh thông tin xác định có hay không hành vi xâm phạm TTQLHC để có thể đưa ra quyết định áp dụng những quy định của PLHS, pháp luật tố tụng hình sự trong việc khởi tố, điều tra về các tội xâm phạm TTQLHC.

Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ điều tra. Để góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS về các tội xâm phạm TTQLHC, cán bộ điều tra phải nắm vững quy định của PLHS về loại tội phạm này và các văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng. Cơ quan điều tra phải thực hiện tốt các công tác thu thập tài liệu, lời khai của người làm

chúng, người bị hại... Đặc biệt, Cơ quan điều tra cần phối hợp chặt chẽ với Tòa án, Viện kiểm sát trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về các tội xâm phạm TTQLHC để bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

b) Viện kiểm sát nhân dân

Với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp phải không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động, đặc biệt là nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự, trong đó có các vụ án về các tội xâm phạm TTQLHC. Ngành Kiểm sát cần phải phối hợp với Cơ quan điều tra các cấp ngay từ khâu tiếp nhận tin báo tội phạm, kiểm sát chặt chẽ việc giải quyết tin báo, tố giác về các tội phạm này, định hướng cho Cơ quan điều tra làm rõ tình tiết, căn cứ chứng minh về hành vi xâm phạm TTQLHC.

Ngoài ra, khi thực hành quyền công tố tại phiên tòa đòi hỏi Kiểm sát viên vừa thực hiện chức năng công tố, vừa kiểm sát sự tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án. Tham gia tranh tụng tại tòa, góp phần truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, điều này đòi hỏi Kiểm sát viên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, nắm chắc pháp luật, bảo đảm tính khách quan, vô tư và chỉ tuân theo pháp luật. Tôn trọng luận cứ bào chữa của luật sư để xem xét vụ án một cách thận trọng, khách quan, tránh cảm tính dẫn đến việc buộc tội thiếu cơ sở, không thuyết phục hoặc oan, sai. Việc đề xuất mức án phù hợp không những có tính chất trừng trị, răn đe mà còn có ý nghĩa giáo dục và phòng ngừa chung. Kịp thời kháng nghị những bản án xử quá nhẹ không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội hoặc những bản án trái pháp luật, có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử để nâng cao chất lượng của bản án, góp phần nâng cao hiệu quả của việc áp dụng quy định của BLHS về các tội xâm phạm TTQLHC, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

c) Tòa án nhân dân

Đối với Tòa án nhân dân, việc áp dụng pháp luật đúng đắn trong công tác xét xử các vụ án về các tội xâm phạm TTQLHC là một vấn đề quan trọng. Có xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì mới có thể tạo tiền đề cho việc phát huy tính giáo dục, phòng ngừa, răn đe của các biện pháp xử lý đã áp dụng. Từ đó mới có

thể chỉ ra nguyên nhân, điều kiện phát sinh loại tội phạm này để kiến nghị các cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp khắc phục một cách thỏa đáng. Do đó, Tòa án cần đưa các vụ án về các tội xâm phạm TTQLHC đi xét xử lưu động. Việc tăng cường hoạt động xét xử lưu động các vụ án hình sự ở các địa bàn dân cư sẽ thu hút sự quan tâm của nhân dân, trên cơ sở đó làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục pháp luật rộng rãi trong nhân dân, ví dụ đối với tội chống người thi hành công vụ.

Bên cạnh đó, trong quá trình xét xử các vụ án về các tội xâm phạm TTQLHC Tòa án nhân dân các cấp phải bảo đảm sự công minh của pháp luật. Việc áp dụng cụ thể mức hình phạt phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, với nhân thân, động cơ, mục đích phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo.

Đặc biệt, thường xuyên tổ chức Hội nghị chuyên đề hướng dẫn công tác xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC, trong đó chú ý vấn đề định tội danh, các căn cứ cụ thể để quyết định hình phạt, các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, bảo đảm việc áp dụng các quy định của PLHS về các tội xâm phạm TTQLHC được thống nhất.

Như vậy, song song với việc nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng quy định của BLHS Việt Nam đối với các tội xâm phạm TTQLHC của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án, đòi hỏi phải nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trong các cơ quan này. Đây là một trong những điều kiện cơ bản để bảo đảm thực thi nguyên tắc công bằng trong xét xử và tôn trọng quyền con người, quyền công dân. Các phán quyết hình sự chỉ có thể phản ánh sâu sắc nguyên tắc công bằng khi cán bộ xét xử có nhận thức đúng đắn các quy định PLHS; có năng lực phân tích, đánh giá toàn diện, chính xác các tình tiết của vụ án; hành nghề với tinh thần tận tụy, mẫn cán, trung thực, chí công, vô tư, kiên quyết bảo vệ pháp luật đến cùng. Chính vì vậy, để đáp ứng được yêu cầu đó, cần kiện toàn đội ngũ cán bộ xét xử thông qua việc thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên... thực hiện và triển khai đầy đủ quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Tòa án nhân dân và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức cho cán bộ xét xử, ban hành Quy chế đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ xét xử. Đặc biệt, cần nâng cao chất lượng, cần đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm để tăng cường số lượng cán bộ, nhất là cán bộ làm công tác xét xử nhằm giảm áp lực công việc, tạo điều kiện cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đặc biệt, với đó là cải thiện chế độ, chính sách đãi ngộ, vinh danh nghề nghiệp đối với cán bộ để động viên, khuyến khích nâng cao tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nghề, tận tụy của đội ngũ này.

4.3.2. Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về hành vi xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Trong những năm qua, công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng các quy định của BLHS về các tội xâm phạm TTQLHC chưa được quan tâm đúng mức. Việc tổng kết công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm TTQLHC cũng chưa được tiến hành thường xuyên. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả áp dụng và yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này, nghiên cứu sinh kiến nghị:

Một là, các cơ quan có thẩm quyền cần tiếp tục ban hành văn bản hướng dẫn tình tiết định khung hình phạt của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân (khoản 2 Điều 331 BLHS năm 2015). Khoản 2 nêu: "Phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội" nhưng chưa cụ thể là "ảnh hưởng xấu" là thế nào; "ảnh hưởng rất xấu" và "ảnh hưởng đặc biệt xấu" là thế nào (trong kiến nghị của nghiên cứu sinh). Do đó, cần phải hiểu như sau:

a) "*Gây ảnh hưởng xấu*" đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là trường hợp phạm tội đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong địa bàn, địa phương, làm giảm niềm tin lớn của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và cơ quan, tổ chức.

b) "*Gây ảnh hưởng rất xấu*" đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là trường hợp phạm tội đã làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong địa bàn, địa

phương, làm giảm niềm tin rất lớn của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và cơ quan, tổ chức.

c) "*Gây ảnh hưởng đặc biệt xấu*" đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là trường hợp phạm tội đã làm ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong địa bàn, địa phương, làm giảm niềm tin đặc biệt lớn của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và cơ quan, tổ chức.

Hai là, để áp dụng thống nhất việc xét xử hành vi chống người thi hành công vụ, nếu gây thương tích cho người thi hành công vụ có tỷ lệ thương tật từ 1% trở lên, nghiên cứu sinh kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết này theo hướng: người phạm tội bị truy cứu TNHS về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác (Điều 134), mà không bị truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ (Điều 330 BLHS năm 2015). Đối với trường hợp người thi hành công vụ có tỉ lệ thương tật dưới 11% và không có đơn yêu cầu vụ án (theo quy định tại Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015) thì người phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ. Vì trên thực tiễn vẫn còn có quan điểm chưa thống nhất về việc định tội danh với hành vi này. Có quan điểm vẫn cho rằng nếu hành vi chống người thi hành công vụ mà gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người thi hành công vụ bị truy cứu TNHS về tội cố ý gây thương tích sẽ không phản ánh được đúng hành vi khách quan và ý thức chủ quan của người phạm tội.

Ba là, mặc dù TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC đã được quy định cụ thể trong BLHS, nhưng qua nghiên cứu nhiều bản án về các tội xâm TTQLHC ở Việt Nam trong giai đoạn 10 năm (2005 - 2014), nghiên cứu sinh thấy, việc áp dụng TNHS đối với tội xâm phạm TTQLHC vẫn còn tồn tại là hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cũng như áp dụng không đúng, không thống nhất tình tiết định khung tăng nặng, cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS. Việc áp dụng các biện pháp tư pháp hay miễn TNHS, miễn hình phạt còn rất thấp. Chính vì

vậy, cần có giải pháp hướng dẫn áp dụng thống nhất và đúng pháp luật trên những cơ sở chung.

Ngoài ra, để áp dụng thống nhất việc xét xử hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu đó để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản, nghiên cứu sinh kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết này theo hướng: chỉ nên thu hút vào một tội là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì mục đích của người phạm có sửa chữa, làm giả cũng nhằm để chiếm đoạt tài sản mà thôi. Nếu người phạm tội sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân không nhằm chiếm đoạt tài sản mà nhằm mục đích khác như: dùng bằng tốt nghiệp giả để xin việc, để được bổ nhiệm, để tăng lương, để được đi lao động ở nước ngoài; làm giả sổ hộ khẩu để được mua nhà ở trung tâm thành phố, để được giao đất trồng rừng... thì sẽ bị truy cứu TNHS về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Còn nếu người phạm tội sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó vừa lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân không nhằm chiếm đoạt tài sản vừa nhằm chiếm đoạt tài sản thì phải bị truy cứu TNHS hai tội là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

4.3.3. Nghiên cứu tăng cường áp dụng án lệ đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Hiện nay, ở những quốc gia có áp dụng án lệ (kể cả những quốc gia theo truyền thống Thông luật (*Common Law*) và những quốc gia theo truyền thống Luật dân sự (*Civil Law*) thì đều có chung nhận thức án lệ là những phán quyết của Tòa án về một vụ việc cụ thể, có giá trị tạo lập quy tắc hoặc căn cứ pháp lý cho việc giải quyết các vụ việc tương tự trong tương lai. Theo đó, khi một bản án được xác định là án lệ thì không phải toàn bộ nội dung của bản án đó bắt buộc phải tuân theo trong xét xử mà chỉ những nội dung chứa đựng những lập luận để giải thích về những vấn đề, sự kiện pháp lý, chỉ ra nguyên tắc hoặc quy phạm pháp luật cần áp dụng hoặc là lý do để Tòa án đưa ra phán quyết mới có giá trị áp dụng để giải quyết những vụ án tương tự trong tương lai nhằm bảo đảm nguyên tắc các vụ án giống nhau phải được xét xử và phán quyết như nhau [140, tr. 2].

Nếu như ở những quốc gia theo truyền thống Thông luật (*Common Law*) án lệ được chính thức thừa nhận là nguồn luật thì ở những quốc gia theo truyền thống Luật dân sự (*Civil Law*) (như: Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc; v.v...), án lệ có thể được phân chia thành hai dạng là án lệ giải thích luật thành văn và án lệ tạo ra giải pháp pháp luật. Hay nói cách khác, ở những quốc gia này, án lệ được tạo ra để khắc phục các hạn chế của luật thành văn (khi cần giải thích các quy định của luật thành văn không rõ ràng hoặc khi có một số vấn đề chưa được luật thành văn điều chỉnh hay quy định).

Với ý nghĩa và giá trị đã được thừa nhận của án lệ theo kinh nghiệm quốc tế nêu trên, việc áp dụng án lệ ở Việt Nam sẽ giúp cho Tòa án kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác xét xử, khắc phục tình trạng quá tải và chậm ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, đặc biệt là trong bối cảnh đòi hỏi của người dân và xã hội đối với công tác Tòa án ngày càng cao; những vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án đang gia tăng cả về số lượng và mức độ phức tạp; nhiều quy định của pháp luật còn mang tính định tính, chưa rõ, còn có những cách hiểu chưa thống nhất; còn có những vấn đề chưa có quy định cụ thể của pháp luật để điều chỉnh. Vì lẽ đó, việc áp dụng án lệ chính là phương thức hiệu quả để khắc phục các khiếm khuyết của pháp luật, bảo đảm việc áp dụng pháp luật thống nhất trong xét xử, tạo lập tính ổn định, minh bạch và tiên liệu được trong các phán quyết của Tòa án, qua đó có tác dụng hướng dẫn các hành vi ứng xử không chỉ đối với các bên trong vụ án, mà còn đối với cả cộng đồng xã hội [140, tr. 2-6].

Từ quan điểm phải phát triển án lệ được xác định tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về "*Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật định hướng đến năm 2020*" và giao cho Tòa án nhân dân tối cao nhiệm vụ phát triển án lệ được nêu rõ tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*"; theo đó, *Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm...* Bên cạnh đó, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 đã thể chế hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; cụ

thể hóa các quy định của Hiến pháp về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân nhằm xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao. Tại điểm c khoản 2 Điều 22 của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định Hội đồng Thẩm phán TANDTC có nhiệm vụ: "*Lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử*"; tại khoản 5 Điều 27 của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh án TANDTC đó là: "*Chỉ đạo việc tổng kết thực tiễn xét xử, xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử; tổng kết phát triển án lệ, công bố án lệ*". Những quy định này là một trong những nhiệm vụ mới, quan trọng mà Hội đồng Thẩm phán TANDTC và Chánh án TANDTC là những chủ thể phải thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác xét xử; bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xét xử; từ đó góp phần bảo đảm Tòa án thực sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Do đó, để triển khai thi hành các nội dung này, ngày 28/10/2015, Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về "*Quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ*" với các nội dung như:

- Án lệ và giá trị pháp lý của án lệ (Điều 1);
- Tiêu chí lựa chọn án lệ (Điều 2);
- Rà soát, phát hiện bản án, quyết định để đề xuất phát triển thành án lệ (Điều 3);
- Lấy ý kiến đối với bản án, quyết định được đề xuất lựa chọn, phát triển thành án lệ (Điều 4);
- Hội đồng tư vấn án lệ (Điều 5);
- Thông qua án lệ (Điều 6);
- Công bố án lệ (Điều 7);

- Nguyên tắc áp dụng án lệ trong xét xử (Điều 8);
- Hủy bỏ, thay thế án lệ (Điều 9).

Trên cơ sở này, đối với các tội xâm phạm TTQLHC, có thể nghiên cứu tăng cường áp dụng án lệ đối với các tội phạm này để đáp ứng yêu cầu kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác xét xử; bảo đảm áp dụng thống nhất PLHS trong xét xử các tội xâm phạm TTQLHC, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xét xử; từ đó góp phần bảo đảm Tòa án thực sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Tuy nhiên, cần nghiên cứu kỹ tiêu chí lựa chọn án lệ; rà soát, phát hiện bản án, quyết định để đề xuất phát triển thành án lệ; lấy ý kiến đối với bản án, quyết định được đề xuất lựa chọn, phát triển thành án lệ; hội đồng tư vấn án lệ; thông qua án lệ; công bố án lệ; xây dựng nguyên tắc áp dụng án lệ trong xét xử và việc hủy bỏ, thay thế án lệ đối với nhóm tội phạm này trên những cơ sở chung.

4.3.4. Tăng cường công tác giáo dục và tuyên truyền phổ biến pháp luật về các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Hiện nay, Nhà nước ta quản lý xã hội bằng pháp luật nên mọi công dân phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh và đúng pháp luật. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của các vụ xâm phạm TTQLHC là do nhiều người chưa hiểu biết pháp luật hoặc do không tin vào sự giải quyết của chính quyền, mâu thuẫn cá nhân dẫn đến tự xử lý tạo nên tình hình căng thẳng trong nhân dân, trong xã hội. Vì vậy, cần phải tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với quần chúng nhân dân lao động để dân hiểu và chấp hành đúng pháp luật, nhất là nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế còn lạc hậu. Cần bám sát những quan điểm chỉ đạo của Đảng, chương trình của Chính phủ về đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan tư pháp. Thông qua việc truyền đạt, giải thích rộng rãi đến mọi tầng lớp cán bộ nhân dân về những quy định của PLHS về các tội xâm phạm TTQLHC, sẽ giúp mọi người hiểu và biết được các quy định pháp luật hiện hành, từ đó thuyết phục, giáo dục, động viên,

khuyến khích họ sống và làm việc tuân theo pháp luật, nâng cao ý thức trách nhiệm tự giác đấu tranh phát hiện và tố giác tội phạm.

Ngoài ra, để hạn chế, ngăn chặn các xâm phạm TTQLHC, thì công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật không chỉ là trách nhiệm của cơ quan bảo vệ pháp luật mà là trách nhiệm của toàn dân. Công tác này còn có ý nghĩa hơn khi Tòa án lựa chọn những vụ án điển hình về các xâm phạm TTQLHC để xét xử lưu động tại các phường, xã, thị trấn, thông qua phiên tòa giúp nhân dân thấy được những tác hại của loại tội phạm này và hậu quả của nó, đặc biệt là đối với các đối tượng đã từng bị kết án về các tội xâm phạm TTQLHC. Qua đó, làm cơ sở định hướng đúng đắn cho các hành vi và hình thành nhân cách công dân, ý thức tuân thủ và tôn trọng pháp luật, không để họ thực hiện các hành vi sai trái, vi phạm pháp luật, tham gia bảo vệ các lợi ích của bản thân, gia đình và xã hội. "Một xã hội có kỷ cương, kỷ luật phải được xây dựng trên ý thức tuân thủ pháp luật ngày càng cao của mọi người, giáo dục mọi thành viên và các cộng đồng trong xã hội thói quen và nếp sống tuân thủ Hiến pháp, pháp luật. Đó là một nội dung không thể thiếu của Nhà nước pháp quyền" [56, tr. 89].

Ngoài ra, cần tổ chức thường xuyên tuyên truyền pháp luật thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như loa đài phát thanh của phường, xã, thôn, xóm. Biểu dương thành tích các công dân tham gia phòng, chống các tội xâm phạm TTQLHC.

Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ khen thưởng, biểu dương kịp thời để khuyến khích, động viên tất cả quần chúng nhân dân tham gia phong trào toàn dân đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đây là một nội dung quan trọng trong Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP của Chính phủ về "*Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*" đã thể hiện nội dung xã hội hóa công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đó là hoạt động thu hút đông đảo và rộng rãi quần chúng nhân dân trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm và giám sát, giáo dục người phạm tội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Tóm lại, qua nghiên cứu nội dung Chương 4 luận án, nghiên cứu sinh rút ra một số kết luận chung sau đây:

1. Từ việc phân tích những vấn đề lý luận tại Chương 2, thực tiễn áp dụng quy định về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC và thực tiễn xét xử trong

giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) tại Chương 3 cho thấy, bên cạnh những điểm tích cực trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, giáo dục, cải tạo người phạm tội đạt hiệu quả cao, thì Chương XX - Các tội xâm phạm TTQLHC của BLHS vẫn còn một số bất cập trong việc quy định về TNHS đối với các tội phạm này, làm giảm hiệu quả yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, làm giảm hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đòi hỏi cần hoàn thiện kịp thời, cũng như còn có những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn đòi hỏi cần được giải quyết, tháo gỡ kịp thời.

2. Mặc dù BLHS năm 2015 đã khắc phục được phần nào, tuy nhiên trước yêu cầu mới của đất nước và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, việc tiếp tục luận giải và kiến nghị hoàn thiện quy định của BLHS về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC vẫn là yêu cầu hết sức cần thiết nhằm thể chế hóa chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta thể hiện trong các nghị quyết của Đảng như: Nghị quyết số 48/NQ-TW và Nghị quyết số 49/NQ-TW, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ các quyền con người, quyền cơ bản của công dân, về chủ trương hội nhập quốc tế nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước [20].

3. Ngoài ra, bên cạnh giải pháp tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS, ban hành kịp thời văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, thì việc đề xuất những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định đó có ý nghĩa cấp thiết, cụ thể như sau: *Một là*, nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng quy định của BLHS Việt Nam đối với các tội xâm phạm TTQLHC của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ; *hai là*, tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của BLHS nước ta trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về hành vi xâm phạm TTQLHC; *ba là*, nghiên cứu tăng cường áp dụng án lệ đối với các tội xâm phạm TTQLHC và; *bốn là*, tăng cường công tác giáo dục và tuyên truyền phổ biến pháp luật về các tội xâm phạm TTQLHC.

KẾT LUẬN

Tóm lại, qua nghiên cứu luận án tiến sĩ luật học: "*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*" cho phép đưa ra những luận điểm khoa học sau đây:

1. Quản lý hành chính là lĩnh vực rộng lớn và phức tạp nhất của quản lý nhà nước đối với xã hội. So với các lĩnh vực khác, thì quản lý hành chính chiếm một tỷ lệ lớn trong toàn bộ quản lý nhà nước đối với xã hội [69, tr. 7]. Trong khi đó, quản lý hành chính nhà nước là một hình thức hoạt động của Nhà nước được thực hiện trước hết và chủ yếu bởi các cơ quan hành chính nhà nước, có nội dung là bảo đảm sự chấp hành luật, pháp lệnh và các nghị quyết của cơ quan quyền lực nhà nước, nhằm tổ chức và chỉ đạo thực hiện một cách trực tiếp và thường xuyên công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội và hành chính - chính trị của nước ta. Nói một cách khác, quản lý hành chính nhà nước là hoạt động chấp hành, điều hành của Nhà nước. Vì vậy, xâm phạm đến TTQLHC là xâm phạm đến quản lý hành chính nhà nước. Nếu vi phạm này, ở mức độ nghiêm khắc nhất thì người vi phạm sẽ bị xử lý hình sự theo quy định tương ứng trong BLHS.

2. Việc quy định TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC nhằm thực hiện và bảo đảm nguyên tắc công bằng ở việc không thoát khỏi trách nhiệm và sự tương xứng của trách nhiệm đối với hành vi vi phạm [115, tr. 45]. Nói một cách khác, một người thực hiện hành vi xâm phạm TTQLHC đến đâu, mức độ thế nào thì có chế tài cụ thể và mức độ TNHS tương ứng. Chính vì vậy, để làm cơ sở cho việc truy cứu TNHS đối với hành vi xâm phạm TTQLHC theo nguyên tắc chung - "*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*" [72, tr. 15] đòi hỏi cần làm sáng tỏ cơ sở và các hình thức của TNHS đối với các tội phạm này.

3. Về ý nghĩa pháp lý, việc quy định TNHS đối với các hành vi xâm phạm TTQLHC là cơ sở pháp lý để xử lý người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm hoạt động đúng đắn và bình thường của cơ quan nhà nước. Cho nên, TNHS

đối với các tội xâm phạm TTQLHC là nghĩa vụ pháp lý mà người đã thực hiện hành vi bị coi là tội phạm, xâm phạm TTQLHC phải thực hiện theo quy định của PLHS, thể hiện trong sự tác động mang tính cưỡng chế của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng. Do đó, việc làm sáng tỏ khái niệm, nội dung, lịch sử và PLHS các nước làm phong phú thêm tư liệu để nghiên cứu tiếp tục sửa đổi, bổ sung TNHS đối với các tội phạm này.

4. Trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015), mặc dù số vụ án và số bị cáo bị xét xử về các tội xâm phạm TTQLHC không nhiều so với số vụ án và số bị cáo bị xét xử các tội phạm nhưng vẫn diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, các tội xâm phạm TTQLHC bị xét xử nhiều là: Tội chống người thi hành công vụ; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép. Trong đó, tội chống người thi hành công vụ là tội phạm xảy ra nhiều nhất. Các tội xâm phạm TTQLHC bị đưa ra xét xử ít là: Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ; tội làm trái việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật Nhà nước và tội vi phạm quy chế về biên giới.

5. Ngoài ra, cũng qua phân tích TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC và thực tiễn xét xử trong giai đoạn 11 năm (2005 - 2015) và 200 bản án về nhóm tội phạm này cho thấy, bên cạnh những điểm tích cực trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, giáo dục, cải tạo người phạm tội đạt hiệu quả cao, thì Chương XX - Các tội xâm phạm TTQLHC của BLHS (nay là Chương XXII) vẫn còn một số bất cập trong việc quy định về TNHS đối với các tội phạm này, làm giảm hiệu quả yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, làm giảm hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đòi hỏi cần hoàn thiện kịp thời, cũng như còn có những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn đòi hỏi cần được giải quyết, tháo gỡ kịp thời.

6. Vì vậy, mặc dù đã có BLHS năm 2015, tuy nhiên qua luận giải cho thấy, vẫn còn tồn tại, hạn chế cần tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC và đây cũng vẫn là yêu cầu hết sức cần thiết nhằm thể chế hóa chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta thể hiện trong các nghị

quyết của Đảng như: Nghị quyết số 48/NQ-TW và Nghị quyết số 49/NQ-TW, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ các quyền con người, quyền cơ bản của công dân, về chủ trương hội nhập quốc tế nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước [20]. Do đó, cùng với giải pháp tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS, ban hành kịp thời văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất về TNHS đối với các tội xâm phạm TTQLHC, thì việc đề xuất những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định đó có ý nghĩa cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Kim Chi (2015), "Những kiến nghị hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính", *Nghề luật*, (Số chuyên đề Kỷ niệm 70 năm ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), tr. 73-79.
2. Nguyễn Kim Chi (2015), "Tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong luật hình sự Việt Nam", *Nội chính*, (24), tr. 41-43.
3. Nguyễn Kim Chi (2015), "Những tồn tại trong thực tiễn xét xử các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính, nguyên nhân và giải pháp", *Nghề luật*, (5), tr. 44-50.
4. Nguyễn Kim Chi (2015), "Những hình thức của trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính", *Dân chủ và pháp luật*, 10(283), tr. 20-24.
5. Nguyễn Kim Chi (2015), "Nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính", *Nội chính*, (28), tr. 39-42.
6. Nguyễn Kim Chi (2016), "Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới", *Nghề luật*, (4), tr. 75-78.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Dương Thanh An (2011), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về môi trường*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
2. Ban Chỉ đạo tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự (2000), *Tài liệu hội nghị tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự năm 1999 (dùng cho báo cáo viên)*, Hà Nội.
3. Ban Soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) (2015), *Dự thảo toàn bộ Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
4. Ban Soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) (2015), *Báo cáo đánh giá tác động Dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội.
5. Phạm Văn Beo (2010), *Luật hình sự Việt Nam (Quyển 2 - Phần các tội phạm)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Phạm Tuấn Bình (2003), *Tội phạm ẩn ở Việt Nam - Quan điểm tiếp cận và phương pháp xác định*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
7. "Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (2000), *Dân chủ và pháp luật*, (Số chuyên đề).
8. Lê Cẩm (1999), *Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (Một số vấn đề cơ bản của Phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
9. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự*, Tập III, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
10. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
11. Lê Cẩm (Chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
12. Lê Cẩm (2004), "Lý luận về cấu thành tội phạm trong khoa học luật hình sự", *Luật học*, (2).

13. Lê Cẩm (Chủ biên) (2005), *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*, (Sách chuyên khảo), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
14. Lê Cẩm (2005), "Những vấn đề lý luận về bốn yếu tố cấu thành tội phạm (trên cơ sở Bộ luật hình sự năm 1999)", *Tòa án nhân dân*, (7).
15. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
16. Nguyễn Ngọc Chí (2000), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Chí, Trần Thu Hạnh (2002), "Hoàn thiện chế định trách nhiệm hình sự - yếu tố quan trọng để xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa", *Khoa học*, (Chuyên san Kinh tế - Luật), (2).
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Trần Văn Độ (1994), "Chương sáu: Tội phạm và cấu thành tội phạm", Trong sách: *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Trần Văn Độ (1994), "Mục II: Lỗi trong luật hình sự", Trong sách: *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
24. Trần Văn Độ (2001), "Chương 5: Trách nhiệm hình sự", Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. (Tái bản năm 2007).

25. Trần Văn Độ, Võ Khánh Vinh (1993), "Chương IV: Những vấn đề về tội phạm", Trong sách: *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
26. Đỗ Đức Hồng Hà (2007), *Tội giết người trong luật hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng, chống tội phạm này*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
27. Đinh Bích Hà (2007), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
28. Lê Mạnh Hà, "Tội phạm chống người thi hành công vụ: Thực trạng và giải pháp trên địa bàn thành phố Hải Dương", [Http://vienkiemsat.haiduong.gov.vn](http://vienkiemsat.haiduong.gov.vn).
29. Nguyễn Xuân Hà (2014), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân*, Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
30. Nguyễn Xuân Hà (2014), *Tội lợi dụng lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
31. Phạm Hồng Hải (1993), "Chương V: Các biện pháp tư pháp", Trong sách: *Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
32. Phan Hiền (1987), *Một số vấn đề chủ yếu trong Bộ luật hình sự*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
33. Trần Thị Hiền (2011), *Bộ luật hình sự Nhật Bản*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
34. Lý Thế Hoa (2011), "Chương X: Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính", Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Nguyễn Ngọc Hòa (1997), "Chương II, Tự do, trách nhiệm và vấn đề lỗi trong luật hình sự", Trong sách: *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (1997), *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

37. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (1998), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, tập I, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
38. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2000), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
39. Nguyễn Ngọc Hòa (2001), "Chương II: Tội phạm", Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
40. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2001), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
41. Nguyễn Ngọc Hòa (2004), *Cấu thành tội phạm - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
42. Nguyễn Ngọc Hòa (2006), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
43. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2005), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, tập I, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
44. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
45. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (1999), "Thuật ngữ Luật hình sự", Trong sách: *Từ điển Giải thích thuật ngữ luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
46. Hội đồng Nhà nước (1987), *Công văn số 94/HĐNN ngày 30/3/1987*, Hà Nội.
47. Phạm Mạnh Hùng (2004), *Chế định trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
48. Trần Minh Hưởng (chủ biên) (2010), *Tìm hiểu Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Lao động, Hà Nội.
49. Nguyễn Văn Huyền (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
50. Nguyễn Mạnh Kháng (2001), "Chương V: Trách nhiệm hình sự và cơ sở của trách nhiệm hình sự", Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

51. Vũ Văn Kiệm (2002), *Tội chống người thi hành công vụ trong luật hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
52. "Luật hình sự của một số nước trên thế giới" (1998), *Dân chủ và pháp luật*, (Số chuyên đề).
53. Nguyễn Đức Mai (2014), *Tìm hiểu các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Dương Tuyết Miên (2009), *Tội phạm học nhập môn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
55. Hồ Chí Minh (2005), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Đỗ Mười (1995), "Xây dựng Nhà nước pháp quyền là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị", *Thông tin Khoa học pháp lý*, (12), tr. 89.
57. Nguyễn Văn Nam (2008), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
58. Cao Thị Oanh (2007), *Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
59. Thang Văn Phúc (2000), "Năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp", *Thông tin Khoa học pháp lý*, (12), tr. 21.
60. Vũ Thị Phụng (2007), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
61. Đỗ Ngọc Quang (1993), "Chương VI: Mặt khách quan của tội phạm", Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.
62. Đỗ Ngọc Quang (1993), "Chương VII: Chủ thể của tội phạm", Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.

63. Đỗ Ngọc Quang (1993), "Chương VIII: Mặt chủ quan của tội phạm", Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.
64. Đỗ Ngọc Quang (1996), "Chương I: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của Luật hình sự", Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
65. Đỗ Ngọc Quang (1997), *Tìm hiểu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
66. Đỗ Ngọc Quang (1999), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
67. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (Phần chung)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
68. Đinh Văn Quế (2005), "Một số vấn đề về sửa án sơ thẩm khi xét xử phúc thẩm theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003", *Tòa án nhân dân*, 13(6).
69. Đinh Văn Quế (2005), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự, Phần các tội phạm, tập VIII, Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính, các tội phạm về môi trường*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
70. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
71. Quốc hội (1994), *Luật nghĩa vụ quân sự*, Hà Nội.
72. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
73. Quốc hội (2000), *Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
74. Quốc hội (2005), *Luật nghĩa vụ quân sự*, Hà Nội.
75. Quốc hội (2005), *Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
76. Quốc hội (2008), *Luật trưng mua, trưng dụng tài sản*, Hà Nội.
77. *Quốc triều Hình luật* (1995), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Nguyễn Như Quỳnh (2013), *Tội chống người thi hành công vụ trong luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

79. Phạm Văn Sinh (2015), *Các tội xâm phạm bí mật Nhà nước trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
80. Lê Thị Sơn (1997), "Chương V: Khái niệm người thực hiện tội phạm và khái niệm người đồng phạm", Trong sách: *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
81. Hồ Sĩ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
82. Phùng Quang Thanh (2006), "Giữ vững môi trường hòa bình để xây dựng đất nước", *Báo Quân đội nhân dân*, (16159), ngày 22/4/2006.
83. Kiều Đình Thụ (1996), *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đồng Nai, Đồng Nai.
84. Kiều Đình Thụ (1997), "Bài 1: Một số vấn đề lý luận về khái niệm tội phạm trong Luật hình sự", Trong sách: *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
85. Trần Quang Tiệp (2002), *Lịch sử luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Trần Quang Tiệp (2007), *Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
87. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
88. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Tập I (1945-1974), Hà Nội.
89. Tòa án nhân dân tối cao (1995), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế và tố tụng*, Hà Nội.
90. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính, lao động và tố tụng*, Hà Nội.
91. Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính, lao động và tố tụng*, Hà Nội.
92. Tòa án nhân dân tối cao (2005), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính, lao động và tố tụng*, Hà Nội.

93. Tòa án nhân dân tối cao (2014), *Thống kê tình hình xét xử sơ thẩm các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*, Hà Nội.
94. Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Thống kê tình hình xét xử sơ thẩm các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (2005 - 2014)*, Hà Nội.
95. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp (2001), *Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
96. Tòa phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Bản án hình sự phúc thẩm số 473/2013/HSPT ngày 30/7/2013*, Hà Nội.
97. Lê Minh Toàn (Chủ biên) (2011), *Pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
98. Trịnh Quốc Toàn (2011), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
99. Trịnh Quốc Toàn (2011), *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. Trần Đức Trung (2007), *Thực trạng tội phạm chống người thi hành công vụ đối với cán bộ chiến sĩ Cảnh sát nhân dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các giải pháp phòng, chống*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
101. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
102. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
103. Trường Đại học pháp lý Hà Nội (1984), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
104. Phạm Minh Tuyên (2006), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về ma túy*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
105. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1993), *Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

106. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam (Quyển 1 - Những vấn đề chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
107. Đào Trí Úc (2000), "Cơ sở khoa học của việc tổ chức phòng ngừa tội phạm", Trong sách: *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
108. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1996), *Pháp lệnh dự bị động viên*, Hà Nội.
109. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1998), *Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế*, Hà Nội.
110. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh dân quân tự vệ*, Hà Nội.
111. Trịnh Tiến Việt (2006), "Miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn", *Tòa án nhân dân*, (11), tr. 3-12.
112. Trịnh Tiến Việt (2008), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
113. Trịnh Tiến Việt (2012), *Hoàn thiện các quy định của Phần chung Bộ luật hình sự trước yêu cầu mới của đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
114. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
115. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội,
116. Võ Khánh Vinh (1994), "Chương IX: Quyết định hình phạt", Trong sách: *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
117. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2000), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
118. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
119. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (2008), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

120. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
121. Nguyễn Xuân Yêm (Tổng chủ biên) (2013), *Tội phạm học Việt Nam, Tập 1 - Tội phạm học đại cương*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
122. Nguyễn Xuân Yêm, Cao Xuân Hồng, Nguyễn Công Sơn (1992), "Tội chống người thi hành công vụ", *Người đại biểu nhân dân*, (3).
123. Đỗ Hoàng Yên (1996), *Tội chống người thi hành công vụ - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

Tiếng Anh

124. Ashworth (1995), *Principles of Criminal Law*, Oxford University Press, Inc.
125. Barry M. Hager (1999), *The Rule of Law, A Lexicon for Policy Makers*, The Mansfield Center for Pacific Affairs.
126. David Brown, David Farrier, Neal and David Weisbrot (1996), *Criminal Laws*, Published in Sydney by the Federation Res.
127. Kent Roach (1996), *Criminal Law*, Published and bound in Canada by Love Printing Service Ltd.
128. Michael Bogdan (Editor) (2000), *Swedish Law in the New Millennium*, Norstedts Juridik, Printed in Sweden by Elanders Gotab, Stockholm.
129. Stephen A. Saltzbufg (1994), John L. Diamond, Kit Kinports và Thomas H. Morawetz, *Criminal Law*, The Michie Company, Law Publishers.
130. Sue Titus Reid (1998), *Crime and Criminology*, Holt, Rinehart and Winton, Inc.
131. Jerome Hall (2005), *General Principles of Criminal Law*, Bobbs Merrill Company.
132. Joycelyn M. Pollock (2005), *Criminal Law*, Law Publishers.

Tiếng Nga

133. Стручков Н.А (1978), *Уголовная ответственность и ее реализация в борьбе с преступностью*, Саратов, С.14.
134. Советское уголовное право (1988), *Общая часть*. М., С.23.
135. Браинин Я.М (1963), *Уголовная ответственность и ее основание в советском уголовном праве*. М., С.27-28.).

Trang web

136. <https://books.google.com.vn/books/Secrecy, Law and Society>.
137. <http://codes.lp.findlaw.com/txstatutes/PE/8>.
138. <http://law.justia.com/codes/wyoming/2011/title6/chapter5>.
139. <http://lscontent.westlaw.com/images/content/dresslerCrimLaw.pdf>.
140. <http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc>.
141. http://ypdcrime.com/penal.law/penal_law_title_1.htm.
142. <http://www.nolo.com/products/criminal-law-desk-reference>.
143. <http://www.chinhphu.vn/luatxuatban>.
144. <http://www.flsenate.gov/session/bill/2015/0117/analyses/h0117c.JUAS.PDF>
145. <http://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/798>.
146. <http://www.moj.gov.vn/vbpq/phaplenhbaovebimatnhanuoc>.
147. <http://www.nolo.com/products/criminal-law-desk-reference>.
148. <http://www.russian-criminal-code.com/partII/sectionXI/Chapter33.html>.
149. <http://www.statutes.legis.state.tx.us/docs/PE/htm/PE.37.htm>.
150. <http://www.vass.gov.vn/noidung/tintuc/lists/khoahoccongnghe>

PHỤ LỤC

THỐNG KÊ KHẢO SÁT 200 BẢN ÁN HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN CÁC CẤP TRONG GIAI ĐOẠN 11 NĂM (2005 - 2015)

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
1	Bản án số 11/HSST ngày 15/01/2015 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	02 năm tù	Tịch thu sung quỹ Nhà nước
2	Bản án số 03/HSST ngày 08/01/2015 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	05 năm tù; hình phạt bổ sung: phạt tiền 5 triệu đồng	Không
3	Bản án số 96/HSST ngày 10/7/2014 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 267)	09 tháng tù; hình phạt bổ sung: phạt tiền 5 triệu đồng	Tịch thu tiêu hủy; tịch thu sung quỹ Nhà nước
4	Bản án số 45/HSST ngày 30/01/2015 của TAND thị xã Cửa Lò, Nghệ An	Xử 03 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	6 - 9 tháng tù treo	Tịch thu tiêu hủy
5	Bản án số 34/HSST ngày 09/02/2015 của TAND quận Cầu Giấy, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	12 tháng tù	Không
6	Bản án số 377/HSST ngày 19/11/2012 của TAND quận Cầu Giấy, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	07 tháng tù	Không
7	Bản án số 17/HSST ngày 02/02/2010 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 08 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	6-9 tháng tù treo; hình phạt bổ sung phạt tiền 20 triệu đồng	Tịch thu tiêu hủy
8	Bản án số 160/HSST ngày 20/11/2013 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 03 bị cáo về tội l giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	15-42 tháng tù; hình phạt bổ sung phạt tiền 05 triệu đồng	Tịch thu tiêu hủy
9	Bản án số 45/HSPT ngày 10/05/2013 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 01 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	30 tháng tù	Không
10	Bản án số 113/HSST ngày 31/8/2012 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	02 năm tù	Không
11	Bản án số 03/HSST ngày 09/01/2014 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 04 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	24-36 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
12	Bản án số 87/HSPT ngày 05/9/2014 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	6 tháng tù	Không
13	Bản án số 113/HSST ngày 09/9/2014 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	3 năm tù	Tịch thu tiêu hủy
14	Bản án số 120/HSPT ngày 20/11/2014 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 04 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	18-36 tháng tù treo; hình phạt bổ sung phạt 05 triệu đồng	Không
15	Bản án số 87/HSPT ngày 06/6/2014 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	15-24 tháng tù	Không
16	Bản án số 89/HSST ngày 12/07/2012 của TAND quận Cầu Giấy	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	7 tháng tù	Không
17	Bản án số 96/HSPT ngày 30/6/2014 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	9 tháng tù	Không
18	Bản án số 39/HSST ngày 14/8/2007 của TAND thị xã Cửa Lò, Nghệ An	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	12 tháng tù treo	Tịch thu tiêu hủy
19	Bản án số 167/HSST ngày 13/12/2013 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 02 bị cáo về tội giả mạo chức vụ cấp bậc (Điều 265)	12-18 tháng tù	Không
20	Bản án số 197/HSST ngày 10/02/2014 của TAND thành phố Hải phòng	Xử 03 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	6-12 tháng tù	Không
21	Bản án số 31/HSST ngày 16/03/2012 của TAND thành phố Hải phòng	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	Miễn hình phạt 3 năm tù treo	Tịch thu sung quỹ Nhà nước
22	Bản án số 14/HSST ngày 27/03/2014 của TAND thị xã Cửa Lò, Nghệ An	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm đ khoản 2 Điều 257)	26 tháng tù	Không
23	Bản án số 114/HSST ngày 12/6/2014 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 267)	09-18 tháng tù treo	Không
24	Bản án số 44/HSST ngày 22/9/2014 của TAND tỉnh Bình Định	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	12-18 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
25	Bản án số 81/HSST ngày 06/7/2011 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 05 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 267)	9-24 tháng tù	Tịch thu sung công quỹ; tịch thu tiêu hủy

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
26	Bản án số 11/HSST ngày 17/01/2011 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	12 tháng tù	Tịch thu sung công quỹ
27	Bản án số 72/HSST ngày 24/3/2014 của TAND tỉnh Bình Định	Xử 01 bị cáo về tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (khoản 1 Điều 259)	06 tháng tù	Không
28	Bản án số 31//HSST ngày 24/02/2014 của TAND tỉnh Bình Định	Xử 01 bị cáo về tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (khoản 1 Điều 259)	4 tháng tù	Không
29	Bản án số 07/HSST ngày 24/01/2013 của TAND tỉnh Bình Định	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	9 tháng tù	Không
30	Bản án số 73/HSPT ngày 22/04/2013 của TAND tỉnh Bình Định	Xử 09 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	4-7 tháng tù	Không
31	Bản án số 157/HSPT ngày 27/07/2013 của TAND tỉnh Bình Định	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	09-12 tháng tù	Không
32	Bản án số 20/HSST ngày 20/01/2011 của TAND tỉnh Nghệ An	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	06 tháng tù treo	Không
33	Bản án số 02/HSST ngày 27/01/2015 của TAND tỉnh Hòa Bình	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	06 tháng cải tạo không giam giữ	Không
34	Bản án số 63/HSST ngày 27/05/2011 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm đ khoản 2 Điều 257)	16-18 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
35	Bản án số 129/HSST ngày 06/9/2013 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 10 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c,d khoản 2 Điều 257)	15-24 tháng tù	Không
36	Bản án số 75/HSPT ngày 24/3/2014 của TAND tỉnh Bình Định	Xử 01 bị cáo về tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (khoản 1 Điều 259)	06 tháng tù	Không
37	Bản án số 96/HSST ngày 29/8/2014 của TAND thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	12-24 tháng tù	Không
38	Bản án số 17/HSST ngày 04/02/2015 của TAND huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	09 tháng tù	Không
39	Bản án số 29/HSST ngày 15/05/2014 của TAND huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Xử 09 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	2-4 năm tháng tù	Tịch thu tiêu hủy

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
40	Bản án số 49/HSST ngày 19/08/2014 của TAND huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Xử 09 bị cáo về tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh (Điều 269)	06 tháng tù	Không
41	Bản án số 473/HSPT ngày 30/7/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257)	15-18 tháng tù treo	Không
42	Bản án số 03/HSPT ngày 29/8/2011 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275)	07 năm tù	Không
43	Bản án số 85/HSPT ngày 24/3/2015 của TAND tỉnh Bắc Ninh	Xử 01 bị cáo về tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 265)	12 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
44	Bản án số 196/HSPT ngày 17/8/2014 của TAND tỉnh Bắc Ninh	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	24 -36 tháng tù	Không
45	Bản án số 97/HSST ngày 04/12/2014 của TAND huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 277)	09 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
46	Bản án số 79/HSST ngày 15/05/2015 của TAND tỉnh Thanh Hóa	Xử 13 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	2-4 năm tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
47	Bản án số 112/HSST ngày 19/12/2014 của TAND huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Xử 09 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 2 Điều 257)	1 -5 năm tù	Không
48	Bản án số 390/HSPT ngày 30/7/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257)	15-18 tháng tù treo	Không
49	Bản án số 79/HSPT ngày 29/3/2011 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275)	05 năm tù	Không
50	Bản án số 811/HSPT ngày 27/12/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	30 tháng tù	Không
51	Bản án số 499/2012/HSPT ngày 26/9/2012 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	02 năm tù	Không
52	Bản án số 03/HSPT ngày 09/01/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 05 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	24-36 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
53	Bản án số 329/HSPT ngày 23/6/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	6 tháng tù treo	Không

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
54	Bản án số 485/HSPT ngày 07/9/2012 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	3 năm tù	Tịch thu tiêu hủy
55	Bản án số 810/HSPT ngày 26/12/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 14 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	18-36 tháng tù treo	Không
56	Bản án số 342/HSPT ngày 24/6/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà nội	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	15-24 tháng tù	Không
57	Bản án số 19/HSST ngày 15/02/2015 của TAND huyện Gia Lâm, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	2 năm tù	Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước
58	Bản án số 53/HSST ngày 21/08/2015 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 02 bị cáo về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân (khoản 1 Điều 258)	5 năm tù	Không
59	Bản án số 96/HSST ngày 10/7/2013 của TAND huyện Lục Ngạn, Bắc Giang	Xử 01 bị cáo về tội làm trái quy định về thực hiện nghĩa vụ quân sự (khoản 1 Điều 261)	9 tháng tù	Không
60	Bản án số 17/HSST ngày 30/01/2015 của TAND thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	Xử 03 bị cáo về tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 265)	6- 9 tháng tù treo	Không
61	Bản án số 54/HSST ngày 09/05/2015 của TAND quận Cầu Giấy, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	12 tháng tù	Không
62	Bản án số 378/HSST ngày 19/12/2012 của TAND quận Tây Hồ, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	07 tháng tù	Không
63	Bản án số 37/HSST ngày 02/03/2010 của TAND tỉnh Bắc Giang	Xử 04 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	6-9 tháng tù treo; hình phạt bổ sung phạt tiền 20 triệu đồng	Tịch thu tiêu hủy
64	Bản án số 156/HSST ngày 25/11/2013 của TAND tỉnh Bắc Ninh	Xử 03 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	15-42 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
65	Bản án số 97/HSPT ngày 10/5/2013 của TAND tỉnh Lạng Sơn	Xử 01 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	30 tháng tù	Không
66	Bản án số 119/HSPT ngày 31/8/2012 của TAND tỉnh Lạng Sơn	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	02 năm tù	Không

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
67	Bản án số 09/HSPT ngày 19/01/2014 của TAND tỉnh Lạng Sơn	Xử 07 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	24-36 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
68	Bản án số 187/HSPT ngày 05/5/2014 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 05 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	6 tháng tù	Không
69	Bản án số 113/HSPT ngày 09/4/2014 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	3 năm tù	Tịch thu tiêu hủy
70	Bản án số 170/HSPT ngày 20 /6/2014 của TAND thành phố Bắc Giang	Xử 07 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	24-36 tháng tù treo	Không
71	Bản án số 187/HSPT ngày 06/4/2011 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	24 tháng tù	Không
72	Bản án số 189/HSPT ngày 12/04/2012 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	7 tháng tù	Không
73	Bản án số 196/HSPT ngày 30/3/2014 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	9 tháng tù	Không
74	Bản án số 139/HSPT ngày 14/8/2007 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	12 tháng tù treo	Tịch thu tiêu hủy
75	Bản án số 167/HSST ngày 13/12/2013 của TAND thành phố Hải phòng	Xử 02 bị cáo về tội giả mạo chức vụ cấp bậc (Điều 265)	12-18 tháng tù	Không
76	Bản án số 197/HSST ngày 10/04/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 05 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	6-12 tháng tù	Không
77	Bản án số 131/HSST ngày 16/09/2012 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 05 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	2-3 năm tù treo	Tịch thu sung quỹ nhà nước
78	Bản án số 16/HSST ngày 27/02/2014 của TAND thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm đ khoản 2 Điều 257)	26 tháng tù	Không
79	Bản án số 117/HSST ngày 12/6/2014 của TAND tỉnh Bắc Giang	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 267)	09-18 tháng tù	Không
80	Bản án số 94/HSST ngày 20/12/2014 của TAND tỉnh Bình Định	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	12-18 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
81	Bản án số 181/HSST ngày 06/7/2011 của TAND tỉnh Đắc Nông	Xử 05 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 267)	12-24 tháng tù	Tịch thu sung công quỹ; tịch thu tiêu hủy

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
82	Bản án số 21/HSPT ngày 17/02/2012 của TAND tỉnh Hòa Bình	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	12 tháng tù	Tịch thu sung công quỹ
83	Bản án số 72/HSPT ngày 24/2/2014 của TAND tỉnh Đắk Lắk	Xử 01 bị cáo về tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (khoản 1 Điều 259)	06 tháng tù	Không
84	Bản án số 131/HSPT ngày 24/12/2014 của TAND tỉnh Bình Thuận	Xử 01 bị cáo về tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (khoản 1 Điều 259)	6 tháng tù	Không
85	Bản án số 97/HSPT ngày 24/11/2013 của TAND tỉnh Bình Định	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	9 tháng tù	Không
86	Bản án số 173/HSPT ngày 22/14/2013 của TAND tỉnh Bình Thuận	Xử 03 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	4-7 tháng tù	Không
87	Bản án số 499/HSPT ngày 26/9/2012 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 03 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	4-7 tháng tù treo	Không
88	Bản án số 329/HSPT ngày 23/6/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	09-12 tháng tù	Không
89	Bản án số 581/HSPT ngày 31/10/2012 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	06 tháng tù treo	Không
90	Bản án số 129/HSPT ngày 26/03/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	06 tháng cải tạo không giam giữ	Không
91	Bản án số 145/HSPT ngày 24/03/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm đ khoản 2 Điều 257)	16-18 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
92	Bản án số 627/HSPT ngày 04/10/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 05 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c,d, Khoản 2 Điều 257)	15-24 tháng tù	Không
93	Bản án số 630/HSPT ngày 08/10/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân theo (khoản 1 Điều 258)	06 tháng tù	Không
94	Bản án số 825/HSPT ngày 25/12/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	12-24 tháng tù	Không
95	Bản án số 162/HSPT ngày 27/3/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 05 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	09-12 tháng tù	Không

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
96	Bản án số 293/HSPT ngày 15/5/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 04 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c,d khoản 2 Điều 257)	2-4 năm tù	Tịch thu tiêu hủy
97	Bản án số 30/HSPT ngày 08/10/2013 của Tòa Phúc thẩm tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh (Điều 269)	06 tháng tù	Không
98	Bản án số 727/HSPT ngày 04/11/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257)	15-18 tháng tù treo	Không
99	Bản án số 430/HSPT ngày 08/6/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 04 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275)	05-07 năm tù	Không
100	Bản án số 127/HSPT ngày 04/03/2013 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 265)	12 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
101	Bản án số 30/HSPT ngày 08/5/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 03 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	24-36 tháng tù	Không
102	Bản án số 321/HSPT ngày 04/04/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 277)	09 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
103	Bản án số 430/HSPT ngày 08/05/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 03 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	2-4 năm tù	Tịch thu tiêu hủy
104	Bản án số 20/HSST ngày 27/01/2011 của TAND quận Tây Hồ, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	06 tháng tù	Không
105	Bản án số 32/HSST ngày 27/3/2008 của TAND quận Tây Hồ, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	06 tháng cải tạo không giam giữ	Không
106	Bản án số 163/HSPT ngày 27/07/2011 của TAND tỉnh Quảng Ngãi	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm đ khoản 2 Điều 257)	18-24 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
107	Bản án số 139/HSPT ngày 06/9/2013 của TAND tỉnh Quảng Ngãi	Xử 07 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257)	15-24 tháng tù	Không
108	Bản án số 65/HSPT ngày 24/3/2011 của TAND tỉnh Bình Phước	Xử 01 bị cáo về tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (khoản 1 Điều 259)	09 tháng tù	Không
109	Bản án số 196/HSPT ngày 29/12/2014 của TAND tỉnh Hòa Bình	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	12-24 tháng tù	Không

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
110	Bản án số 117/HSST ngày 04/06/2015 của TAND huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	09 tháng tù	Không
111	Bản án số 129/HSST ngày 15/05/2014 của TAND huyện Từ Liêm, Hà Nội	Xử 06 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257)	24-36 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
112	Bản án số 149/HSST ngày 19/12/2014 của TAND huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Xử 03 bị cáo về tội xuất cảnh, nhập cảnh trái phép (Điều 274)	06-9 tháng tù	Không
113	Bản án số 13/HSPT ngày 30/01/2013 của TAND tỉnh Sơn La	Xử 02 bị cáo tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257)	15-18 tháng tù treo	Không
114	Bản án số 203/HSPT ngày 29/8/2011 của TAND tỉnh Sơn La	Xử 05 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275)	05-07 năm tù	Không
115	Bản án số 185/HSPT ngày 24/7/2009 của TAND tỉnh Ninh Bình	Xử 01 bị cáo về tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 265)	18 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
116	Bản án số 196/HSPT ngày 17/8/2010 của TAND tỉnh Ninh Bình	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	24-36 tháng tù	Không
117	Bản án số 85/HSST ngày 04/12/2014 của TAND huyện Ba Vì, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 277)	12 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
118	Bản án số 139/HSPT ngày 15/10/2014 của TAND tỉnh Thanh Hóa	Xử 08 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	2-4 năm tù	Tịch thu tiêu hủy
119	Bản án số 112/HSPT ngày 19/12/2010 của TAND tỉnh Bình Thuận	Xử 03 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 2 Điều 257)	24-36 tháng tù	Không
120	Bản án số 190/HSPT ngày 30/4/2007 của TAND tỉnh Bắc Cạn	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257)	15-18 tháng tù	Không
121	Bản án số 90/HSPT ngày 29/02/2012 của Tòa Phúc Thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	12 tháng tù 30 tháng tù treo	Tịch thu sung quỹ
122	Bản án số 101/HSPT ngày 25-26/03/2010 của Tòa Phúc Thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức (khoản 3 Điều 267)	4-6 năm tù	Tịch thu sung quỹ
123	Bản án số 17/HSPT ngày 19/01/2010 của Tòa Phúc Thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	2 năm 7 tháng tù treo	Không
124	Bản án số 90/HSPT ngày 23/03/2010 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	06 tháng tù	Không

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
125	Bản án số 81/HSPT ngày 25/02/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 06 bị cáo về tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	12 tháng tù- 42 tháng tù	Tịch thu sung quỹ
126	Bản án số 25/HSPT ngày 22/02/2012 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	24 tháng tù- 30 tháng tù treo	Không
127	Bản án số 259/HSPT ngày 29/05/2012 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	12 tháng tù treo	Tịch thu sung quỹ
128	Bản án số 362/HSPT ngày 13/06/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 03 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức (khoản 3 Điều 267)	4 - 5 năm 6 tháng tù	Không
129	Bản án số 411/HSPT ngày 04/07/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước (khoản 1 Điều 263)	3 năm tù	Tịch thu sung quỹ; tịch thu tiêu hủy
130	Bản án số 230/HSPT ngày 29/04/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275)	3-5 năm tù	Không
131	Bản án số 253/HSPT ngày 22, 23/05/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 06 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 3 Điều 275)	5 năm - 16 năm tù	Không
132	Bản án số 263/HSPT ngày 25/04/2013 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275)	5 năm tù	Không
133	Bản án số 273/HSPT ngày 30/05/2014 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275)	5 năm 6 tháng tù	Không
134	Bản án số 10/HSPT ngày 07/01/2015 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	01 năm tù	Không
135	Bản án số 745/HSPT ngày 25/12/2012 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275)	3 năm tù	Không
136	Bản án số 402/HSPT ngày 26/07/2012 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	30 tháng tù	Không
137	Bản án số 173/HSPT ngày 22/04/2010 của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	06 tháng tù	Không
138	Bản án số 15/HSPT ngày 29/01/2015 của TAND tỉnh Hòa Bình	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	06 tháng tù treo	Không

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
139	Bản án số 63/HSPT ngày 27/03/2011 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm đ khoản 2 Điều 257)	16-18 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
140	Bản án số 129/HSPT ngày 06/9/2013 của TAND tỉnh Quảng Bình	Xử 05 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c,d khoản 2 Điều 257)	15-24 tháng tù	Không
141	Bản án số 65/2014/HSPT ngày 24/3/2014 của TAND tỉnh Đà Nẵng	Xử 01 bị cáo về tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (khoản 1 Điều 259)	06 tháng tù	Không
142	Bản án số 96/HSST ngày 29/5/2014 của TAND huyện Hòa Vang, Đà Nẵng	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	12-24 tháng tù	Không
143	Bản án số 17/HSST ngày 04/02/2010 của TAND quận Hải Châu, Đà Nẵng	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	09 tháng tù	Không
144	Bản án số 39/HSST ngày 15/05/2014 của TAND quận Hải Châu, Đà Nẵng	Xử 05 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	2-4 năm tù	Tịch thu tiêu hủy
145	Bản án số 149/HSST ngày 19/08/2010 của TAND quận Hải Châu, Đà Nẵng	Xử 01 bị cáo về tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh (Điều 269)	06 tháng tù	Không
146	Bản án số 73/HSST ngày 26/05/2013 của TAND huyện Thanh Trì, Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257)	15-18 tháng tù	Không
147	Bản án số 725/HSPT ngày 14/11/2010 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước (khoản 1 Điều 263)	15-18 tháng tù	Không
148	Bản án số 630/HSPT ngày 08/6/2010 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 04 bị cáo về tội xuất cảnh, nhập cảnh trái phép (Điều 274)	Phạt tiền 50 triệu đồng	Không
149	Bản án số 127/HSPT ngày 04/02/2013 của TAND thành phố Hồ Chí Minh	Xử 01 bị cáo về tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 265)	12 tháng tù	Không
150	Bản án số 126/HSPT ngày 18/3/2009 của TAND tỉnh Bắc Ninh	Xử 03 bị cáo về tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 266)	24-36 tháng tù	không
151	Bản án số 231/HSPT ngày 14/04/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 267)	09 tháng tù	
152	Bản án số 930/HSPT ngày 08/10/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	2-4 năm tù	Không

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
153	Bản án số 506/HSPT ngày 14/05/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 04 bị cáo về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân (khoản 1 Điều 258)	06-12 tháng tù	Không
154	Bản án số 708/HSPT ngày 17/7/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	12-24 tháng tù	Không
155	Bản án số 97/HSST ngày 05/8/2014 của TAND thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	6 tháng tù treo	Không
156	Bản án số 113/HSST ngày 09/10/2014 của TAND thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	3 năm tù	Tịch thu tiêu hủy
157	Bản án số 120/HSST ngày 20/10/2014 của TAND thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	Xử 03 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	18-24 tháng tù treo; hình phạt bổ sung phạt mỗi bị cáo 10 triệu đồng	Không
158	Bản án số 187/HSST ngày 06/12/2014 của TAND thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 2 Điều 267)	15-24 tháng tù	Không
159	Bản án số 189/HSST ngày 12/06/2014 của TAND quận Hoàng Mai, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	12 tháng tù	Không
160	Bản án số 196/HSST ngày 30/6/2014 của TAND quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	9 tháng tù	Không
161	Bản án số 139/HSST ngày 14/8/2007 của TAND thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	06 tháng tù treo	Tịch thu tiêu hủy
162	Bản án số 167/HSST ngày 13/12/2013 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 02 bị cáo về tội giả mạo chức vụ cấp bậc (Điều 265)	12-18 tháng tù	Không
163	Bản án số 197/HSST ngày 10/03/2010 của TAND tỉnh Hải Dương	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	12-18 tháng tù	Không
164	Bản án số 108/HSPT ngày 17/5/2013 của TAND tỉnh Lạng Sơn	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	12-24 tháng tù	Không
165	Bản án số 45/HSPT ngày 24/3/2014 của TAND tỉnh Quảng Bình	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c khoản 2 Điều 257)	16-18 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
166	Bản án số 127/HSPT ngày 04/04/2013 của TAND tỉnh Quảng Bình	Xử 10 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	18-24 tháng tù	Không

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
167	Bản án số 430/HSPT ngày 18/09/2013 của TAND tỉnh Quảng Bình	Xử 06 bị cáo về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân (khoản 1 Điều 258)	06-09 tháng tù treo	Không
168	Bản án số 225/HSPT ngày 25/08/2013 của TAND tỉnh Nam Định	Xử 03 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	12-24 tháng tù	Không
169	Bản án số 62/HSPT ngày 17/3/2013 của TAND tỉnh Bắc Ninh	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	09-12 tháng tù treo	Không
170	Bản án số 93/HSPT ngày 15/4/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk	Xử 04 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	2-4 năm tù	Tịch thu tiêu hủy
171	Bản án số 30/HSST ngày 08/3/2011 của TAND huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Xử 01 bị cáo về tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh (Điều 269)	06 tháng tù	Không
172	Bản án số 127/HSPT ngày 04/04/2013 của TAND tỉnh Bình Phước	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257)	18-24 tháng tù treo	Không
173	Bản án số 430/HSPT ngày 08/4/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 05 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275)	05-07 năm tù	Không
174	Bản án số 96/HSPT ngày 04/03/2011 của TAND tỉnh Nam Định	Xử 01 bị cáo về tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 265)	18 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
175	Bản án số 120/HSPT ngày 08/08/2013 của TAND tỉnh Thanh Hóa	Xử 05 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	24 -36 tháng tù	Không
176	Bản án số 321/HSPT ngày 14/04/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 277)	09 tháng tù	Tịch thu tiêu hủy
177	Bản án số 60/HSPT ngày 08/05/2010 của TAND tỉnh Bắc Ninh	Xử 03 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	2-3 năm tù	Tịch thu tiêu hủy
178	Bản án số 03/HSPT ngày 08/01/2015 của TAND tỉnh Lạng Sơn	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 3 Điều 267)	05 năm tù; hình phạt bổ sung phạt tiền 50 triệu đồng	Không
179	Bản án số 196/HSPT ngày 17/7/2014 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 267)	09 tháng tù; hình phạt bổ sung phạt tiền 5 triệu đồng	Tịch thu tiêu hủy

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
180	Bản án số 19/HSPT ngày 30/01/2015 của TAND tỉnh Nghệ An	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	6 - 9 tháng tù treo	Tịch thu tiêu hủy
181	Bản án số 54/HSPT ngày 09/02/2015 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	12 tháng tù	Không
182	Bản án số 377/HSPT ngày 19/07/2012 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	06 tháng tù	Không
183	Bản án số 117/HSPT ngày 02/08/2010 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Xử 06 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	9-12 tháng tù treo; hình phạt bổ sung phạt tiền 20 triệu đồng	Tịch thu tiêu hủy
184	Bản án số 160/HSPT ngày 20/11/2013 của TAND tỉnh Hải Dương	Xử 06 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	15-42 tháng tù; hình phạt bổ sung phạt tiền 5 triệu đồng	Tịch thu tiêu hủy
185	Bản án số 145/HSPT ngày 10/10/2013 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 01 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	3 năm tù	Không
186	Bản án số 13/HSST ngày 30/1/2012 của TAND thành phố Hải Phòng	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	03 năm tù	Không
187	Bản án số 345/HSPT ngày 24/11/2014 của TAND tỉnh Hòa Bình	Xử 02 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	15-24 tháng tù	Không
188	Bản án số 79/HSST ngày 15/04/2015 của TAND huyện Đông Anh, Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 267)	3 năm tù	Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước
189	Bản án số 725/HSPT ngày 25/10/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 03 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	12-24 tháng tù	Không
190	Bản án số 172/HSPT ngày 27/4/2012 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 07 bị cáo tội chống người thi hành công vụ (khoản 1 Điều 257)	09-12 tháng tù	Không
191	Bản án số 393/HSPT ngày 15/4/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 04 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	2-4 năm tù	Không
192	Bản án số 633/HSPT ngày 08/10/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh (Điều 269)	06 tháng tù	Không

TT	Số bản án/Tòa án	Nội dung	Hình phạt	Biện pháp tư pháp
193	Bản án số 725/HSPT ngày 04/11/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội chống người thi hành công vụ (điểm d khoản 2 Điều 257)	15-18 tháng tù	Không
194	Bản án số 530/HSPT ngày 08/6/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 04 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 2 Điều 275)	05-07 năm tù	Không
195	Bản án số 127/HSPT ngày 04/02/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội giả mạo chức vụ, cấp bậc (Điều 265)	12 tháng tù	Không
196	Bản án số 530/HSPT ngày 18/5/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 03 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	24 -36 tháng tù	Không
197	Bản án số 231/HSPT ngày 14/04/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 01 bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 277)	09 tháng tù	Không
198	Bản án số 930/HSPT ngày 08/10/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 02 bị cáo tội chống người thi hành công vụ (điểm c, d khoản 2 Điều 257)	2-4 năm tù	Không
199	Bản án số 506/HSPT ngày 14/05/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 04 bị cáo về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân (khoản 1 Điều 258)	06-12 tháng tù	không
200	Bản án số 708/HSPT ngày 17/7/2013 của TAND thành phố Hà Nội	Xử 02 bị cáo về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép (khoản 1 Điều 275)	12-24 tháng tù	Không